

ĐOÀN - QUỐC - SỸ

TỰ - LỰC VĂN ĐOÀN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG - HÀ

251 PHAN - ĐÌNH - PHÙNG - SAIGON

DOÃN - QUỐC SỸ

TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN

BỐI-CẢNH LỊCH-SỬ

(Hoàn-cảnh nước nhà nhìn tổng-quát suốt khoảng
liền bán thế-kỷ XX) (1)

A.— Giai-đoạn văn-thân căn-vương bế-mạc

Giai-đoạn này khởi đầu với cuộc nổi lên chống Pháp của Trương-Định tại Chợ-Lớn, Tân-An, Gò-Công vào năm 1862 và chấm dứt vào năm 1895 là năm Phan-đình-Phùng chết vì bệnh kiết-ly trong núi.

B.— Giai-đoạn canh-tân và Đông-du (1895-1912).

Đầu thế-kỷ XX ghi dấu một giai-đoạn đấu-tranh dưới hình-thức mới : giai-đoạn Đông-du và canh-tân. Sở-dĩ có cuộc chuyển hướng này vì các sĩ-phu nước nhà đã rút được những bài học kinh-nghiệm quý giá : các cụ biết rằng vì khí-giới của mình còn

(1) Viết theo tài-liệu của : NGHIÊM-XUÂN-HỒNG —
Lịch-trình diễn-tiến của Phong-trào Quốc-gia Việt-Nam —
Quan-điểm 1958.

quá thô-sơ nên việc chống Pháp toàn bằng võ-lực sẽ không thoát khỏi thất-bại. Ấy là chưa kể ta gần như thường xuyên sống trong cảnh thiếu-thốn về lương-thực và tài-chánh. Các cụ đã thấy gương Nhật-Bản khoảng 1858 cũng bị lực-lượng quân-sự co-giới Tây-phương áp-đảo, nhưng Nhật-Bản đã hiểu ngay bài học tiến-hóa, kịp thời canh-tân để chưa đầy 50 năm sau trả đòn đánh bại nước Nga trong những trận hải, lục chiến ở Phụng-Thiên và cửa bể Nhật-Bản (1905).

Trong giai-đoạn này ta có thể ghi gộp những sự-kiện sau đây :

a) Về phương-diện võ-lực kháng-chiến.

Cuộc khởi-nghĩa Đề-Thám vẫn tiếp-lục chiến-đấu du-kích cho tới 1910. Ngoài ra, chỉ còn những vụ ám-mưu lẻ-tẻ đánh phá các đồn trại, đầu độc hoặc mưu-sát quân lính và nhà chức-trách Pháp.

b) Về phương-diện canh-tân.

Thời bấy giờ phong-trào canh-tân đã sôi nổi lắm ở Trung-Hoa và những sách mới của Khang-hữu-Vi và Lương-khải-Siêu được phiên-dịch sang Việt-Nam. Lúc đó, Tăng-bạt-Hồ, một chiến-lược Cần-Vương tại Bình-Định, sau khi thất-bại bỏ đi chụm ở các nước Tân, Nhật, lúc trở về cổ-động các nhân-sĩ xuất-dương hoạt-động cứu-quốc. Phan-Sào-Nam liền cùng Tăng-bạt-Hồ đi khắp Nam Bắc để liên-lạc với các đồng-chí và tuyên-truyền việc xuất-dương du-học. Tại Quảng-Nam, hai cụ họp các đồng-chí để thành-lập Việt-Nam Quang-Phục Hội (1904) tôn Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề làm Hội-trưởng xuất-bản cuốn : Lưu cầu Huyết Lệ Tâm Thư để cổ-võ tinh-thần cách-mạng du-học. Sau đó Phan-Sào-

Nam và Tăng-bạt-Hồ liền sang Nhật giao-thiệp với các yếu-nhân trong chính-giới Nhật để sửa-soạn đưa Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề sang Đông-Kinh.

Cuộc cổ-võ Đông-du này được hưởng-ứng nhiệt-liệt và các vị như Phan-chu-Trinh, Lương-ngọc-Quyến, Nguyễn-Thương-Hiền, Trần-Quý-Cáp, Ngô-đức-Kể, Huỳnh-thúc-Kháng, Lương-ngọc-Can .. đều tham-gia xuất-dương hoạt-động.

Cuộc Đông-du này có hai mục-đích cốt-yếu : một là đào-luyện nhân-tài cách-mạng, hai là mua khí-giới gởi về giúp phe kháng Pháp trong nước (2).

Năm 1906, Phan-Chu-Trinh ở Nhật về, gởi một bức thư công-khai cho Chính-phủ Pháp ngày 15-9-1906 yêu-cầu phải thành-thực cải-cách cho Việt-Nam. Kế đó các nhà nho duy-tân ở Bắc-Hà : Lương-ngọc-Can, Nguyễn-Quyền, Đào-nguyên-Phổ, Phan-tuấn-Phong, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc, Đặng-kinh-Luân, Phan-huy-Thịnh, v.v.. thành-lập trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục tại Hà-Nội, ngay từ ngày đầu đã có ngay trên 1.000 học-sinh. Tất cả cấp giấy bút, miễn học phí và học kiêm ba thứ chữ : Việt, Hán, Pháp. Đó là lần đầu tiên môn chữ Việt viết theo lối La-mã được giảng dạy tại nhà trường, diễm này sẽ ảnh hưởng rất nhiều tới việc giáo-dục dân chúng. Một diễm mới lạ thứ hai nữa trong chương trình Đông-Kinh Nghĩa-Thục là học-trò con gái có thể theo học cùng với con trai được, diễm này là cái mầm cho sự cải-tiến nữ giới.

(2) Các Cụ vận-động mua khí-giới của Nhật, ngoại giao với Nhật, Tàu, Xiêm để được sự ủng-hộ của các nước đó. Riêng Cụ Phan-Chu-Trinh không chấp nhận chủ-trương này nhưng vẫn tích-cực hoạt-động chung.

Tóm lại một mặt Đông-Kinh Nghĩa-Thực theo đuổi mục-đích canh-tân những tập-lực sinh-hoạt của quốc-dân, một mặt khác muốn bí-mật đào-luyện những phần tử ái-quốc và tìm cách cho họ xuất-dương hoạt-động.

Vì có sự hưởng-ứng nhiệt-liệt của các giới, nên các nhà chức-trách Pháp thấy lo ngại và trường Đông-Kinh Nghĩa-Thực chưa hoạt-động đầy một năm đã bị đóng cửa. Các vị chủ-trương đều bị đưa ra tòa và kết-án tử-hình, song vì có sự can-thiệp của hội Nhân-Quyền nên chuyển sang án đầy Côn-Đảo.

C. — Giai-đoạn quá độ (1912-1920).

Gọi là giai-đoạn quá độ vì với giai-đoạn này chúng ta chấm dứt một tình-trạng xã-hội cũ để bước sang một tình-trạng mới, với những nhà lãnh-đạo mới, nêu lên những tư-tưởng mới.

Tới đây người Pháp đã nắm vững được tình-thế trong quốc-nội cũng như ngoài quốc-tế. Người Pháp đã điều-đinh ký hiệp-ước với Nhật để Chính-phủ Nhật trục-xuất các nhà ái-quốc của ta ra khỏi nước họ, khiến các vị này đành trở về Hương-Cảng Thượng-Hải. Tại nước nhà, âm-mưu khởi-nghĩa của Duy-Tân tại Huế (1916), của Đội Cấn tại Thái-Nguyên (1917) đều bị bại lộ. Tuy phong-trào khởi nghĩa trong giai-đoạn này ít sôi nổi nhưng ta có thể nhận định những biến-chuyển quan-hệ sau đây :

1. — Trên phương-diện kinh-lẽ xã-hội.

Giai-đoạn này (khoảng từ 1912 đến 1920) đã thúc đẩy mạnh mẽ xã-hội Việt-Nam bước sang một chế-độ kinh-lẽ và một thể-thức phân hóa xã-hội khác hẳn trước kia. Có điều cần phải nhấn-mạnh

rằng tại các xã-hội Âu-Tây những biến-chuyển kinh-tế xã-hội đều do đà tiến nội tại của nó mà phá vỡ những cơ-cấu cũ và thiết lập những tương-quan mới, trong khi những biến-chuyển tại xã-hội Việt-Nam lại được thúc đẩy do một nguyên-nhân bên ngoài tức là sự đột nhập của lực-lượng cơ-giới tư-bản đế-quốc Pháp. Tại những miền rừng núi và đồn điền người Pháp cho khai-khẩn các hầm mỏ và trồng các cây kỹ-nghệ để lấy nguyên-liệu chuyển về Pháp. Tại những thành-thị, họ thiết-lập nhiều cơ-sở thương-mại, vận-tải và nhiều xí-nghiệp kỹ-nghệ để lợi-dụng nhân công giá hạ (3).

Sự phát-triển của nền thương-mại và công kỹ-nghệ này khiến xã-hội Việt-Nam phân hóa thành những tầng-lớp như sau :

— Lớp tư-sản mại-bản (làm trung-gian cho tư bản đế-quốc).

— Lớp tiểu-thương, tiểu-công kỹ-nghệ (phần lớn lớp này từ thôn quê ra thành-thị lập-nghiệp).

— Lớp thợ thuyền vô sản (tại những xí-nghiệp hầm mỏ).

2.— Trên phương-diện tư-tưởng và chính-trị.

Lý-tưởng trung-quân mờ nhạt, lý-tưởng dân-chủ và dân-tộc giải phóng đột nhập mạnh-mẽ vào tâm-hồn người dân Việt vì những biến-cổ bên ngoài (cuộc cách-mạng Tân-Hội (1911) do Tôn-Dật-Tiên

(3) Nhất là vào thời-kỷ thế-giới đại-chiến 1914-1918, kỹ-nghệ thương-mại tại chính quốc bị ngừng trệ không thể xâm-nhập vào thị trường Đông-Dương, bởi vậy các ngành công kỹ-nghệ của người Pháp cũng như của người Việt ở nơi đây mới gặp dịp thuận tiện mà phát-triển mạnh.

lãnh-đạo, cuộc cách-mạng vô-sản (1917) tại Nga). Thêm nữa ngay tại trong nước, Toàn-quyền Albert Sarraut hứa hẹn cởi mở chế-độ (Thái-độ ve vuốt đó để nắm vững dân-chúng, mộ thêm binh-sĩ sang Pháp cho cuộc chiến-tranh 1914-1918, đồng thời mở quốc-trái với khẩu-hiệu: *Rồng Nam phun bạc, đánh đờ Đức tặc*).

Vì lý-tưởng trung-quân mờ nhạt, vai trò sĩ-phu tới đây gần như chấm dứt hẳn, nhường sân khấu chính-trị, cho lớp người mới chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tây-phương, họ nêu cờ khởi-nghĩa với lý-tưởng quốc-gia dân tộc hoặc tự-do dân-chủ.

D. — Giai-đoạn toàn-thịnh của quan-niệm quốc-gia thuần-túy (1920 — 1930).

Gọi vậy vì trong giai-đoạn này chỉ có những phong-trào quốc-gia mới gây nổi những vang dội mạnh mẽ trong quần chúng Việt-Nam. Ta có thể kể sự thành-lập của những đảng-phái chính-trị sau đây :

1. — Phong-trào Lập-Hiến.

Năm 1923 Phong-trào Lập-Hiến được đề-xướng trong Nam do các ông Bùi-quang-Chiều, Nguyễn-phan-Long, cơ-quan ngôn-luận là tờ Tribune Indo-chinoise. Lập-trường của Phong-Trào công-nhận sự hợp-tác Pháp-Việt với những sự cởi mở cần-thiết về chính-trị và kinh-tế khiến cho nước Việt-Nam dần dần có thể theo kịp ngoại-quốc.

Phong-trào này đã gây được ảnh-hưởng khá mạnh vào những năm 1924-1926 : trong vụ tranh-cử vào Hội-đồng thuộc-địa năm 1925, toàn-thể những ứng-cử-viên lập-hiến đều được trúng cử.

Phong-trào cũng có tổ-chức những cuộc phát-động quần-chúng như vào dịp tang Cụ Phan-Chu-

Trình (tháng 3 năm 1926). Nhưng Phong-trào mất dần tín-nhiệm, vì sau này chỉ tranh-dấu lấy quyền-lợi thiết-cận cho tầng lớp mà họ tiêu-biểu như :

— Đòi tự-do gia-nhập luật-sư đoàn.

— Đòi mở rộng luật-lệ về việc gia-nhập Pháp-tịch (1)

— Đòi tự-do kinh-doanh (để mở rộng nền công-kỹ-nghệ, thương-mại mới phôi-thai mà họ là những người nắm giữ).

2. — *Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng Đồng-Chí Hội.*

Năm 1925, một chi-bộ Việt-Nam của Hội Á Tế-Á Nhược-Tiểu Dân-Tộc được thành-lập tại Quảng-Châu do Nguyễn-Ái-Quốc, Lâm-dức-Thu, Hồ-tùng-Mậu, Lê-Hồng-Phong chỉ-huy dưới quyền lãnh-đạo tối-cao của Borodine. Chính tổ-chức đó sau đổi tên là Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Minh Hội, dùng tờ tuần báo Thanh-niên làm cơ-quan tuyên-truyền bí-mật. Cuối 1925 họ phải đảng-viên về hoạt-động trong nước, bí-mật tổ-chức tiểu-tổ và trà-trộn vào các phong-trào quốc-gia như Tân-Việt Cách-Mạng Đảng để lũng-đoạn nội-bộ. Tháng tư 1927 ban chỉ-huy của Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng phải dời sang Hồng-Kông vì Tưởng-Giới-Thạch tấn-công khủng-bố các lực-lượng Cộng-sản tại Hoa-Nam và Quảng-Châu. Tại cuộc đại-hội đầu tiên ở Hồng-Kông của Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí Hội có sự bất-đồng ý-kiến giữa các đại-biểu, phải dời đến tháng 3 năm 1930 Nguyễn-Ái-Quốc mới thống-nhất được các ý-kiến để đổi Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí Hội thành Đông-Dương Cộng-

Sản Đảng (1). Tháng tư năm sau (1931) đảng này được đệ-tam quốc-tế thừa nhận. Tru-sở Ban Chấp-hành trung-ương được thiên về Saigon.

3. — *Tân-Việt cách-mạng đảng.*

Cũng năm 1925 một đảng cách-mạng có khuynh-hướng quốc-gia được thành-lập tại miền Bắc Trung-Bộ thoát lấy tên là *Phục-Việt* sau đổi tên là *Tân-Việt Cách-mạng đảng* lãnh-đạo bởi các sĩ-phu đã chuyển sang tân-học và đã từng bị đày đi Côn-Đảo. (Các Cụ Lê-văn-Huân, Nguyễn-Đình-Kiên...) Đảng Tân-Việt không chịu đi với đảng Nguyễn-An-Ninh trong Nam và cũng không chịu thống-nhất lực-lượng với Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí Hội. Ảnh-hưởng của đảng khá mạnh vào những năm 1925-1926 trong những cuộc bãi-khóa của học-sinh, những cuộc biểu-tình của dân-chúng — như vào dịp tang Cụ Phan-Chu-Trinh — để phản-đối chính-quyền bảo-hộ.

(1) Cùng vào năm 1930 Sô-Viết Nghệ-An bị Đệ-Tam Quốc-tế lên án là manh-động bỏ rơi. Nguyên do : Sáu cuộc thất-bại của Quảng-Châu công-xã năm 1927, Mao-Trạch-Đông rút về Hồ-Nam nghiên-cứu lại lý-thuyết nông-dân. Ông Ngô-Đức-Tri (con cụ Ngô-Đức-Kế) người lãnh-đạo phong-trào Sô-viết Nghệ-An trước đây đã từng theo học ở Nga. Khi Đệ-Tam có sự mâu-thuẫn nội-bộ giữa Staline và Trotsky thì ông bỏ Nga về Paris. Nhờ có bọn lính thủy ủng-hộ đầu-diểm ông về được nước để lãnh-đạo Sô-viết Nghệ-An đúng lúc Staline chủ-trương nhượng-bộ đế-quốc để hoàn-thành cách-mạng vô-sản ở Nga. Vì vậy Sô-viết Nghệ-An bị Đệ-tam lên án là manh-động và bỏ rơi. Đế-quốc được mặc sức khủng-bố suốt từ Nghệ-an, Hà-Tĩnh qua Bình-trị-Thiên, vào đến tận Quy-Nhon. Riêng ở Nghệ-An tên chánh mật-thám Marty — còn rề Albert Sarraut — đã ra lệnh xử bắn hàng rẫy người sâu tay vào với nhau.

4. — Việt-Nam Quốc-Dân Đảng.

Năm 1927, một nhóm thanh-niên ái-quốc (Phạm-Tuấn-Tài, Nhượng-Tổng) thành-lập tại Hà - Nội « Nam-Đồng Thư-Xã », chủ-trương xuất-bản những sách nói về cuộc Cách-mạng Tân-Hội Trung-Hoa, về Tôn-Dật-Tiên và Tam-Dân chủ-nghĩa, v.v...

Dần dần, những sách đó gây được ảnh-hưởng trong quần-chúng nên đã bị nhà cầm-quyền tịch-thâu và đóng cửa thư-xã.

Từ đó nhóm Nam-Đồng Thư-Xã dưới ảnh-hưởng của Nguyễn-Thái-Học đã chuyển thành một tổ-chức bí-mật và đến tháng 11-1927 Việt-Nam Quốc-Dân Đảng ra đời dưới quyền lãnh-đạo của Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu. Đảng này được tổ-chức theo kiểu Trung-Hoa Quốc-Dân Đảng của Tôn-Dật-Tiên, cũng đề-xướng Tam-dân chủ-nghĩa đề nhằm mục-dịch đuổi Pháp và thiết-lập được chế-độ Cộng-hòa dân-quốc. Từ đầu năm 1929 Đảng đã kết-nạp được hàng ngàn đảng viên (học-sinh, binh-sĩ, phụ-nữ). Từ nội-san bí-mật của đảng lấy tên là « Hồn Cách-mạng ». Chủ-trương của đảng là dùng võ-lực và gây một phong-trào khủng-bố rộng lớn để trừng-trị những kẻ có tội với quốc-gia dân-tộc. Ngược lại Đảng cũng bị sở mật-thám Pháp theo dõi và đàn-áp mạnh mẽ. Nhiều chỗ chứa bom cùng vũ-khi khác của Đảng bị khám phá. Tình hình ngày một căng thẳng, ban chỉ-huy của đảng biết trước thất-bại cũng đành quyết-định khởi-nghĩa để « nếu không thành thân thì thành nhân » như lời Nguyễn-Thái-Học tuyên-bố. Đêm 10-2-1930 cuộc khởi-nghĩa bùng nổ tại Yên-Bái, Lâm-Thao và một vài tỉnh khác. *

Kết cục khởi-nghĩa đã thất-bại : Nguyễn-Khắc-Nhu tuần-tiết tại mặt trận Lâm-Thao, Nguyễn-Thái-Học lần trốn. Sau cùng Nguyễn-Thái-Học cũng bị bắt đề cùng với 12 đồng-chí nữa lên đoạn đầu đài.

5.— *Đảng Nguyễn-An-Ninh.*

Tại Nam-Bộ vào năm 1927 Nguyễn-An-Ninh thành-lập đảng của ông tại Hóc-Môn nhưng chỉ hoạt-động được hơn một năm trời thì bị Pháp khủng-bố tan-rã. Nguyễn-An-Ninh bị đày ra Côn-Đảo (2).

6.— *Việt-Nam Toàn-Quốc Cách-Mạng Đảng.*

Cùng vào năm 1927 cụ Nguyễn-Hải-Thần có thành-lập tại Quảng-Đông một đoàn-thể lấy tên là Việt-Nam Toàn-Quốc Cách-Mạng Đảng, kết-tập một số phần tử xuất-dương tản mák trên đất Trung-Hoa nhưng sự hoạt-động không thấu hoạch được kết-quả gì đáng kể.

Trong khoảng thời-gian này (1920-1930), tuy nước nhà đã có đủ màu sắc chính-trị (quốc-gia, quốc-tế) nhưng chỉ những phong-trào quốc-gia là gây được ảnh-hưởng đáng kể nên mệnh danh giai đoạn này

(2) Nguyễn-An-Ninh du học tại Pháp, đỗ cử-nhân luật về nước cho ra tờ báo « La cloche fêlée » — tiếng chuông rè (1927), rồi lên Tây-Ninh giúp cho sự phát-triển của đạo Cao-Đài. Khi bị đày ra Côn-Đảo đã một lần được tha, sau đó ít lâu lại bị bắt. Thực-dân đày ông vì ghép ông vào tội liên-lạc với Phan-văn-Hùm, Đệ-tứ. Cũng vì lý do này, tới Côn-Đảo ông bị phe Đệ-tam hành-hạ đến phát điên mà chết. Mả ông bị phe Đệ-tam san phẳng. Mùa xuân 1958 kẻ viết tập sách này có dịp theo một phái-đoàn ra thăm Côn-Đảo nhân đó tới viếng mộ ông khi đó đã được Chính phủ Quốc-gia cho sửa sang lại.

là giai-đoạn toàn-thịnh của phong-trào quốc-gia
tương cũng là đích đáng lắm.

**E — Giai-đoạn tranh - chấp giữa khuynh-
hướng Quốc-gia và khuynh-hướng Quốc-
tê vô-sản (1930 — 1945).**


Sau đợt bị đế-quốc khủng-bố đẫm máu 1930, phong-trào quốc-gia phải tạm ngừng hoạt-động. Thời kỳ này lại đương bị kinh-tế khủng-hoảng, tri-thức thất-nghiệp, thợ-thuyền, nông-dân bị xô đẩy vào cảnh đói rét lầm than. Đó là những điều-kiện khách-quan rất thuận-lợi cho phe vô-sản hoạt-động mạnh mẽ. Năm 1932, có nhiều vụ đình-công, biểu-tình nông-dân nổi loạn tại Nghệ-An, Hà-Tĩnh, Quảng-Ngãi... Hàng ngàn người bị bắt hoặc bị đày ra Côn-Đảo, nhưng đế-quốc càng khủng-bố thế-lực đảng vô-sản càng được thế bành-trướng.

Cùng năm 1932 hàng ngũ vô-sản mọc thêm một phái nữa : Đệ-lữ quốc-tế lãnh-lự là Tạ-Thu-Thấu. Đầu năm 1933, Đệ-tam và Đệ-tứ cùng liên-kết đề chủ-trương tờ « La lutte » tại Sài-gòn, trong đó những người như Tạ-Thu-Thấu, Trần-văn-Thạch, Phan-văn-Hùm (Đệ-Tứ), Nguyễn-văn-Tạo, Dương-Bạch-Mai (Đệ-Tam).

Khoảng 1936 — 1937 phong-trào đấu-tranh chống đế-quốc bộc-phát nhờ những biến-chuyển của thời-cuộc tại chính-quốc Pháp. Nguyên vào thời này, trước hiểm-họa chiến-tranh có thể gây ra bởi Đức-quốc xã, đảng Cộng-sản Pháp hợp-tác với đảng Xã-hội thành-lập Mặt-trận Bình-Dân nắm chính-quyền (Ông Léon Blum, đại-biêu của đảng Xã-Hội

Pháp giữ chức Thủ-Tướng, ông Marius Moutet một trong những yếu nhân của đảng Xã-Hội Pháp nắm giữ Bộ thuộc-dịa. Vì thế mà tại nước nhà phe Đệ-Tam cũng muốn rập theo chiến-lược ấy của đảng Cộng-sản Pháp.

Một cuộc khoáng-dại hội-nghị ở Quảng-Châu (Trung-Hoa), mời ở Thái-Hà Ấp (Việt-Nam) của những cán-bộ xứ-ủy và Trung-ương đảng-bộ đã quyết-định thành-lập một mặt-trận chính-trị gọi là Mặt-trận Phản-Đế Cứu-Quốc Giải-Phóng Đồng-Minh Liên-Hiệp, rập theo đúng lối tổ-chức của Mặt-Trận Bình-Dân Pháp. Mặt-Trận Phản-Đế này ra đời vào tháng 5-1936 mà chính-cương điều-lệ chẳng khác gì Mặt-trận Việt-Nam Độc Lập Đồng-Minh Hội tức Việt-Minh năm 1940.



Nhìn tổng-quát nền văn-học chữ Quốc-ngữ từ khởi thủy cho đến Tự-Lực Văn-Đoàn

1.— Văn-học trước thế-kỷ XX.

Đầu thế-kỷ XX, thời kỳ quan-trọng trong Văn-học-sử nước nhà, đó là thời kỳ chuyển từ chữ Nho, chữ Nôm sang chữ Quốc-ngữ.

Trước thế-kỷ XX, nền-tảng văn-học Việt-Nam là chữ Hán và chữ Nôm là những thứ chữ chỉ có một thiểu-số xử-dụng, vì vậy sự phổ-biến thật là hạn-chế :

a) Về hình-thức : Phần nhiều chỉ có văn vần ít văn xuôi.

b) Về nội-dung : Trọng Văn-hóa Trung-Hoa, và thường phổ-biến tư-tưởng Trung-Hoa, ít chú ý đến văn-minh Việt.

— Không thực dụng, chỉ chú trọng từ chương.

— Văn-học là riêng của giới sĩ-phu, ít đả động tới quần-chúng.

Sự phát-minh chữ Quốc-ngữ đã có từ giữa thế-

kỷ XVII (cuốn tự-diễn đầu tiên về tiếng Việt in tại La-Mã năm 1651) nhưng chữ Quốc-ngữ qua mấy thế kỷ không làm thay đổi nền tảng văn-hóa cũ vì thứ chữ này trong khoảng thời-gian đó chỉ thu hẹp trong phạm-vi truyền-giao mà thôi. Ngay đến khoảng giữa thế-kỷ XIX (hai thế-kỷ sau khi các Giáo-sĩ đã đặt ra chữ Quốc-ngữ) Nguyễn-Trường-Tộ với trí óc cách-mạng bậc nhất thời đó vẫn hầu như chưa nghĩ đến cách sử dụng chữ Quốc-ngữ viết bằng mẫu-tự La-tinh, nên Ông chỉ đề-nghị bỏ chữ Nho dùng Quốc văn mà Quốc-văn này được viết bằng một thứ chữ Nôm dựa theo chữ Nho.

Phải chờ đến biến cố chính-trị lịch-sử là sự thành-lập chế-độ thuộc địa Pháp, chữ Quốc-ngữ mẫu-tự La-tinh mới bắt đầu thông-dụng, nền-tảng văn-học mới ở nước ta mới tạo-thành để thích-ứng với tình thế. Trong thời này, chữ Pháp và nền học Pháp đoạt dần ưu-thế, chữ Quốc-ngữ chỉ dạy sơ-sài ở Tiểu-học và Trung học, đến bậc Đại-học thì chữ Quốc-ngữ mất hẳn.

Nếu không tìm lối thoát, chắc chắn văn-hóa Việt-Nam phải chìm vào nô-lệ.

Các nhà văn-hóa thức-thời chỉ còn biết bầu vùi vào chữ Quốc-ngữ để xây-dựng nền văn-hóa mới phát-huy cái hay cái đẹp của nền văn-minh Việt, phổ-biến những tư-tưởng Đông, Tây để thích-ứng với đời sống, như vậy vừa chống chọi được với nền văn-hóa Pháp vừa giữ vẹn được bản-sắc dân-tộc.

II.— Sự xây-dựng nền-tảng văn-hóa mới, và triển-vọng của nền văn-hóa chữ Quốc-ngữ

A) Sự xây-dựng nền-tảng văn-hóa mới.

Chúng ta tạm chia ra làm 3 thời kỳ :

a) *Thời-kỳ khởi thủy* : Đó là thời-kỳ chấp-chữ. Tác-phẩm không ngoài chuyện vặt, kể ra một cách vụng-về, lời văn non kém. Chúng ta thấy có :

— Trương-vĩnh-Ký, tác-giả mấy cuốn : Chuyện đời xưa, Chuyện khởi hải, v.v...

— Paulus Của, tác-giả chuyện giải buồn và đứng trông nom tờ Gia-Định Báo, tờ báo đầu tiên của nước Việt-Nam.

b) *Thời kỳ xây-dựng* (1900-1930) : Trong thời kỳ này sáng-tác văn-nghe rất ít, nhưng đã tạo được các thể văn này : văn dịch, văn báo-chí (bình luận, nghị-luận, tin-tức), văn khảo-cứu, văn thuật-sự, văn tiểu-thuyết. Thời kỳ này gồm các nhóm :

— Đông-Dương tạp-chí

— Nam-Phong

— Một số tác-giả biệt lập như Nguyễn-khắc-Hiếu, Trần-tuấn-Khải, Hoàng-ngọc-Phách, Nguyễn-văn-Ngọc.

c) *Thời kỳ phát-triển* : Thời kỳ này kể từ 1930 trở đi. Nền văn-học mới phát-triển mạnh-mẽ, mọi văn-thể xuất-hiện, khuynh-hướng rất nhiều : Phóng sự, kịch, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài. Các tác-giả : Lan-Khai, Nguyễn-công-Hoan, Vũ-tòng-Phụng và các nhà văn trong Tự-Lực Văn-Đoàn.

Thời kỳ này phát-triển được cũng là nhờ thời-kỳ xây-dựng trước.

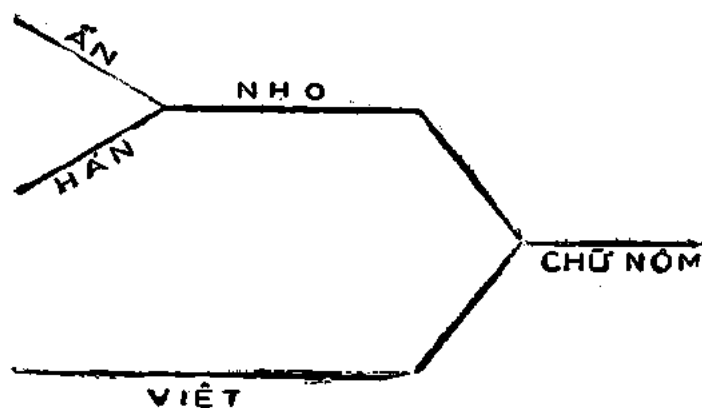
B. — *Triển-vọng của nền văn-học chữ Quốc-ngữ.*

Huyết-thống, địa-dư, phong-thổ, khí-hậu, lịch-sử mật-thiết hòa lẫn chung đúc nên hồn dân-tộc

biểu-lộ bằng tiếng nói rồi ghi lại bằng chữ viết. Như vậy chúng ta thấy rõ ngôn-ngữ văn-tự có ảnh-hưởng rất lớn và có quan-hệ mật-thiết đến cuộc hưng-vong của giống nòi. Dân-tộc càng văn-minh tân-tiến, càng phải chú-trọng đến ngôn-ngữ văn-tự của mình. Lời nói cách viết có mạch-lạc, mẹo mực có rõ ràng mới chứng-tỏ trình-độ văn-hóa cao.

Trước khi phát-minh chữ Quốc-ngữ, lối chữ nôm của ta xưa có nhiều khuyết-diểm, bởi không có quy-chế rõ-ràng, và lại muốn biết chữ Nôm phải biết chữ Hán nên chỉ một thiểu-số học được. Tuy-nhiên chữ Nôm vẫn là cố-gắng của tổ-tiên chúng ta mong thoát ảnh-hưởng Hán để duy-trì và xây-dựng một nền quốc-học độc-lập.

Chữ Nôm do chữ Hán ghép thành nên biểu-hiệu sự tổng-hợp cụ-thể mật-thiết của tinh-hoa Việt và Trung-Hoa. Nếu ta nhận-định rằng chữ Hán từ thế-kỷ thứ X trở đi đã thu-hút tinh-hoa của Ấn-độ (Trong thời này, Đường Tam-Tạng đã sang Tây-Trúc lấy kinh) thì ta có thể giả-định chữ nôm là một kết-tinh của cả Ấn, Hán, Việt :



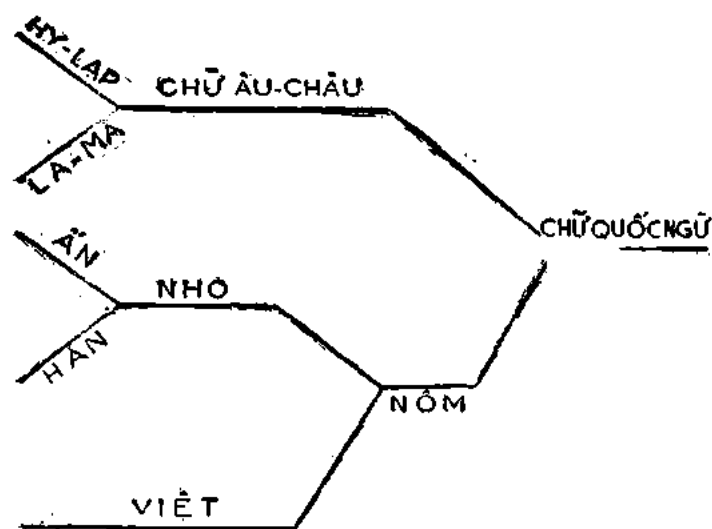
Kể từ thế kỷ thứ XVII mấy vị cố-đạo dựa theo chữ La-tinh chế ra chữ Quốc-ngữ, người Việt đã có một lợi-khí văn-hóa vô cùng sắc bén. Thoạt-tiên chúng ta phải ghi nhận rằng dân-tộc nhà được cái may hơn các dân-tộc láng-giềng là khắp xứ từ Bắc chí Nam — trừ một vài vùng thổ âm nhỏ và số ít phát-âm sai-biệt — đều nói một thứ tiếng. Chuyển từ chữ Nôm sang chữ Quốc-ngữ chúng ta đã chuyển từ loại chữ biểu-ý (*écriture idéographique*, chữ tượng-trưng ý-niệm) sang loại chữ liên-âm (*écriture phonétique*, chữ nghe sao ghi vậy) dễ-dàng, tiện lợi. Tương-lai nền văn-học chữ Quốc-ngữ thực rục-rở khó bề lường trước được. Trong số các học-giả ngoại-quốc nghiên-cứu về nguồn-gốc tiếng Việt, ông Frey nêu một thuyết cho rằng tiếng Việt là mẹ các thứ tiếng trong hai tác-phẩm : *L'Annamite, mère des langues* (1892) và *Annamites et Extrêmes Occidentaux, Recherches sur les origines des langues* (1894). Thuyết của ông Frey tuy táo-bạo và chưa được chứng-minh nhưng ít nhất cũng chứng tỏ khả-năng phong-phú cổ-hữu của tiếng Việt. Gần đây một vị giáo-sư Pháp khác, ông Gustave Meillon cho rằng tiếng Việt là một trong những thứ tiếng văn-chương nhất, thi-vị nhất, giàu âm-điệu nhất thế-giới.

Để làm giàu tiếng nói thi về văn-học, triết-học, chúng ta đã mượn ở kho từ-ngữ Hán-Việt, về khoa-học chúng ta có thể trực-tiếp mượn những từ ngữ Tây-phương.

Chính là linh-cảm thấy rõ tầm quan-trọng của chữ Quốc-ngữ mà Phạm-Quỳnh nói : « Chữ ta còn, nước ta còn ». Nguyễn-văn-Vĩnh nói : « Nước Nam ta sau này hay hay dở dở là nhờ ở chữ Quốc-ngữ ». Bác-

sĩ Nguyễn-văn-Luyện trong cuốn « Le Vietnam, une cause de paix » (1945) đã rất đại-lượng và sáng-suốt mà viết : « Si jamais la France aura à répondre devant le tribunal de l'humanité, elle pourra présenter le Quốc-ngữ pour se disulper » (Nếu một ngày kia nước Pháp phải ra trước tòa-án nhân-loại, nước Pháp có thể đưa chữ Quốc-ngữ ra để gỡ tội cho mình).

Sự quan-hệ của chữ Quốc-ngữ đối với dân-tộc, Quốc-gia Việt-Nam đã dĩ-nhiên là thế, nhưng phân-tích sâu-sắc hơn chúng ta sẽ nhận thấy : nếu chữ nôm như trên đã nói, là kết-tinh của ba nền văn-minh Ấn-Hán-Việt, thì chữ Quốc-ngữ chính là biểu-tượng hình-thức tổng-hợp văn-minh thế-giới :



Ý-thức được khả-năng vô-tận của ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam, chúng ta có quyền tin-tưởng vào tiền-đồ rực-rỡ của nền văn-minh dân-tộc.

(Hai biểu-đồ trên đây, tác-giả ghi-nhận theo ý-kiến của bạn Việt-Tử).

III.— Đông-dương tạp-chí.

Ra đời từ 1913, tuy không xuất-bản liên-tiếp được như Nam-Phong nhưng đã cố-gắng ra hàng tuần nên góp được phần lớn vào việc xây-dựng văn-học. Nguyễn-văn-Vĩnh chủ-trương, Phan-kế-Bính và Nguyễn-đỗ-Mục là hai biên-tập-viên đặc-lực.

Nguyễn-văn-Vĩnh (1882-1936) nhận thấy người mình cần phải tìm lối thoát cho văn-hóa bằng cách rút-tia các tinh-hoa của văn-học Âu-châu điều-hợp với nền tảng tinh-thần cũ, khơi mào những thể văn mới làm lợi-khí cho văn-học mới. Muốn công-kuộc vĩ-đại này được thành-tựu thì phải có một chữ viết và một tiếng nói đủ khả-năng hướng-dẫn cuộc tiến-hóa. Chữ Việt đã sẵn có nhưng còn ở thời-kỳ phôi-thai, ít ai tin ở sứ-mệnh của nó. Kế đặc-sách nhất, ông dùng là cho dịch và in những bộ Tiểu-thuyết thật hấp-dẫn để ai cũng phải tìm đọc, cũng phải bàn tán (hoặc chưa biết chữ thì học đề mà đọc) : (*Chuyện Tré-Cóc, Thơ Ngụ-Ngôn, Miếng Da Lừa, Những kẻ khốn-ngh. Ba người lính Ngụ-Lâm Pháo-Thủ...*) Qua thời-dần với ít khuyết-điểm về văn-dịch, sau đó ông đạt được một giọng văn hay, giản-dị, tự-nhiên, phong-phú, vững-vàng.

Trước đây khi in Bộ Tam-Quốc Chí Diễn-nghĩa, ông đã viết một bài tựa trong có câu « Nước ta mai

sau hay hay dở cũng là nhờ ở chữ Quốc-ngữ ». Câu nói bất-hủ này đã là một lời tiên-tri về cuộc xoay-chuyển của văn-hóa dân-tộc sau này.

Quả-nhiên sau đó chữ Quốc-ngữ đã là một lợi-khí sắc bén trong việc phát-triển văn-hóa mới và tranh-dấu cho nền độc-lập của xứ sở.

Trong khi Nguyễn-văn-Vĩnh theo Tây-học và dịch những văn-phẩm Tây-phương sang tiếng Việt-Nam thì hai văn-hữu của ông : Phan-kế-Bình và Nguyễn-Đỗ-Mục là hai nhà thơ, dịch những tác-phẩm Hán-văn. Văn dịch của hai ông cũng rõ-ràng, chân xác mà vẫn hoàn-toàn Việt-Nam. Bản dịch nổi tiếng của Phan-Kế-Bình là Tam-Quốc Chi Diễn-Nghĩa, của Nguyễn-Đỗ-Mục là Đông-Chu Liệt-Quốc.

Chúng ta có thể nói, nhóm Đông-Dương Tạp-Chí dịch sách mà nên sự-nghiệp, nguyên-do cũng vì đã dịch đề phổ-thông chữ Quốc-ngữ và xây-dựng tiếng Việt, làm cho tiếng Việt « nên Câu, nên Đoạn, nên một Văn-pháp » (lời ông Vĩnh). Trong các sách dịch nhóm đó lại khéo chọn những sách hấp-dẫn, vừa phổ-biến những tư-tưởng tiến-hóa, vừa đề-cao nền học thuật cũ, để lấy làm căn-bản Nhóm Đông-Dương Tạp-Chí với ba ông Vĩnh, Bình, Mục đã dịch đề xây-dựng văn-học vậy.

IV. — Nam-phong.

Nam-Phong do Phạm-Quỳnh chủ-trương cùng với sự cộng-tác của Nguyễn-Bá-Học, Nguyễn-Trọng-Thuật, Nguyễn-Hữu-Tiến. Xuất-bản từ tháng 7-1917 đến cuối năm 1934 mới đình-bản, tất cả được 210 số. Suốt 17 năm trường, Phạm-Quỳnh tận-tụy làm việc hờ-hào, cõ-võ cho nền Quốc-văn. Ta bảo-lồn

được Quốc-hồn, Quốc-tủy, đồng thời thâm thái được tinh-hoa học-thuật Đông-Tây, nền văn-hóa ta trưởng-thành và tiến-bộ phần lớn là công của ông Phạm-Quỳnh. Nhưng chúng ta cũng không quên phần bất lợi : Nam-Phong ở một khía cạnh khác, là lợi-khí chính trị của Thực-dân.

— Giữa lúc mọi tư-tưởng, khuynh-hướng, tổ-chức cách-mạng bị đàn-áp gắt-gao thì Nam-Phong ra đời.

— Thuyết Pháp-Việt dề-huê, thuyết Trung-Dung (tiến-bộ cầm chừng) đã làm hao mòn chí tranh-dấu quyết-liệt của những phần-tử ái-quốc.

— Nam-Phong làm bội-nhược chí tiến-thủ cường-tráng của thanh-niên bằng những tiểu-thuyết ngôn-tình nhu-cảm như : *Hoa đào trước gió*, *Chiếc bóng song the*, *Thuyền tình bể ái*, *Vân-Lan Nhật-ký*, *Song hồ Ba bề*, *Tổ-Tám*, *Tuyết-hồng Lệ-sử*.

Nhưng nhược-diểm đó chẳng qua như vết hoen của thời-đại, hào-khí quật-cường truyền-thống của dân-tộc không vì Nam-Phong mà tiêu-tan và vai trò tiền-phong của Nam-Phong trong công-cuộc xây-dựng nền văn-học mới vẫn được hậu-thế ghi nhớ.

V. — So-sánh văn-nghiep của Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh.

Giữa một thời khủng-hoảng, học-thuật cũ bị chà đạp, nền học-thuật mới chưa có gì, các nhà văn và trí-thức lúc ấy, trong đó có ông Vĩnh và ông Quỳnh đều đồng-ý dùng chữ Quốc-ngữ làm lợi-khí xây-dựng văn-học mới. Muốn vậy, phải làm cho Quốc-ngữ được phổ-thông và tiếng Việt trở nên phong-phu, dễ hiểu.

Để đạt mục-đích đó, ông Vĩnh đã dịch những bộ tiên-thuyết hấp-dẫn nhất của Âu-Tây như « *Truyện ba người Lính Ngự-Lâm Pháo-Thả* », « *Qui-li-ve Du-ký* », « *Những kẻ khốn nạn* » cùng những hài-kịch của Molière...

Trái lại, ông Quỳnh đã dịch hoặc đã trù-tác những tác-phẩm khó phổ-biến nặng-nề tu-tưởng học-thuật.

Nói rằng ông Quỳnh kém thực-tế cũng không đúng hẳn. Phải chăng ông Quỳnh đi sau ông Vĩnh nên thấy rằng không cần làm một việc mà ông Vĩnh đã làm ; ông Quỳnh theo một mục-đích xa hơn trong việc xây-dựng tiếng Việt, ông đã chuộng những vấn-đề thật cao như : Văn-minh luận, Học-thuyết Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Phật-giáo lược-khảo...

Ông Quỳnh, tuy có dịch kịch nhưng không dịch hài-kịch phổ-thông, vui, hấp-dẫn như ông Vĩnh mà dịch bi-kịch dễ gây buồn nản (Le Cid, Horace...)

Khách-quan mà xét, công-trình của hai ông Quỳnh, Vĩnh cùng đáng tán-thưởng như nhau. Phải có ông Vĩnh chuẩn-bị trước cho tiếng nói rõ-ràng, phong-phú, có phép-tắc. Và rồi phải có ông Quỳnh ra công tìm tòi để cho tiếng Việt, đủ chữ diễn-tả mọi vấn-đề học-thuật. Hai ông không những chung một mục-đích mà còn bổ-túc lẫn cho nhau trong công-cuộc xây-dựng nền-tảng văn-học mới nước nhà.

Sau này chuyển sang thời-kỳ phát-triển, các nhà văn tiên-chiến (1930-1945) đã thúc-đẩy được nền văn-học nước nhà tới mức khá phồn-thịnh chính cũng là nhờ thời-kỳ xây-dựng trước của hai ông Phạm-Quỳnh và Nguyễn-văn-Vĩnh.

Một số văn-hữu đồng-thời với Tự - Lực Văn - Đoàn

Tự-Lực Văn-Đoàn dù đặc-sắc đến mấy cũng chỉ là thành-phần của một trào-lưu văn-học nói chung trong một thời. Bởi vậy ở đây thiết-tưởng chúng ta nên có một cái nhìn tổng-quát đề bao gồm những hoạt-động văn-ngệ đương thời. Chúng ta lần lượt xét :

- Mấy nhóm đồng-thời với Tự-Lực Văn-Đoàn.
- Một vài nhà văn điển-hình đồng-thời với Tự-Lực Văn-Đoàn.
- Một vài nhà thơ điển-hình đồng-thời với Tự-Lực Văn-Đoàn.

Mấy nhóm đồng-thời với Tự-Lực Văn-Đoàn

Nhóm Hàn-Thuyên.

Giữa ngày Nhật đặt chân lên mảnh đất Đông-Dương để chia quyền-lợi với Pháp, một số trí-thức Đệ-tứ đứng ra thành-lập nhóm Hàn-Thuyên.

Khác hẳn với Tự-Lực Văn-Đoàn, nhóm này mở đầu bằng một loại biên khảo như Nguyễn-dức-Quỳnh, với *Lịch-sử thế-giới*, *Gốc-tích loài người* ;

Nguyễn-Bách-Khoa với *Nhân-loại tiến-hóa sử*, *Văn-chương truyện Kiều* ; Nguyễn-Hải-Âu với *Kinh-tế học nhập-môn...*, dịch thuật có Đặng-thái-Mai, Nguyễn-Tuân, Nguyễn-Đức-Quỳnh. Nguyễn-Đình-Lập, Chu-Thiên, Trương-Tửu viết tiểu-thuyết ; Vi-Huyền-Đắc viết kịch ; Họa-sĩ Nguyễn-Đỗ-Cung trình bày bìa.

Về phần biên-khảo nhóm này muốn đi sâu vào mọi mặt lịch-sử chánh-trị, học-thuyết kinh-tế theo quan-điểm Mác-xít.

Về loại sáng-tác, Nguyễn-Tuân có thái-độ (qua giọng văn và qua các nhân-vật của ông) dài-dĩm, quý phái rất cổ-kính ưa khinh-bạc, phóng-túng.

Chu-Thiên (tên thật là Hoàng-Minh-Giám) tả lại một thời dĩ-vãng của trường ốc thời xưa, trong cuốn *Bút-nghiên*. Nguyễn-Đức-Quỳnh viết *Thăng cư So*, *Thăng Phụng*, *Thăng Kinh* tiểu-thuyết giáo-dục hướng thượng, phân-tách cuộc đời một thằng bé nhà quê từ lọt lòng cho đến khi học tới lớp nhì A cần phải tranh-đấu với bản-thân và trường đời nhỏ bé ra sao ?

Nhóm Xuân-Thu nhũ tập.

Xuân-Thu nhũ tập là một nhóm văn-nghe gồm có Đoàn-Phu-Tử, Nguyễn-Xuân-Sanh, Phạm-văn-Hạnh (nòng cốt) và những nhà văn thơ cộng-tác hưởng-ứng như Nguyễn-Lương-Ngọc, Đinh-Gia-Trình, Diệu-Anh...

Những vở kịch hoặc dài hoặc ngắn của Đoàn-Phu-Tử lời văn bay bướm tài hoa được sự hưởng-ứng nồng-nàn của tuổi trẻ.

Thơ của Nguyễn-Xuân-Sanh rất chau-chuốt về

kỹ-thuật nhiều hình ảnh nhưng quá bí-hiếm. Thơ Nguyễn-Xuân-Sanh mà không có lời giải-thích của Đinh-Gia-Trình bên cạnh thì thực khó có ai hiểu nổi những điều nhà thơ muốn nói.

Thi-dụ hai câu dưới đây trích trong bài « *Buồn xưa* ».

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi

Hồn xanh ngát chỗ dấu xiêm y

có nghĩa là : Buổi chiều trong hoa quỳnh, vắng nghe nhạc, ngửi thấy hương trầm, trông thấy mi kỹ-nữ của cả một thời xưa. Hồn ta say sưa vì đẹp dĩ-vãng (hồn màu xanh tươi, ngát hương) chỗ mang dấu xiêm y của các mỹ-nhân thời xưa mùa khúc, nghe-thường.

Một vài nhà văn điển-hình đồng-thời với Tự-lực Văn-đoàn.

Các nhà tiểu-thuyết.

Lan-Khai.

Chúng ta có thể nói Lan-Khai là nhà văn đã khai-thác truyện đường rừng trước tiên (*Tiếng gọi trong rừng thẳm*, *Suối đàn...*) Về tiểu-thuyết dã-sử, nhiều nhà phê-bình văn-học đồng ý là « *Ai lên phố cát* » là cuốn truyện dã-sử giá-trị nhất của Lan-Khai. Ông có viết truyện xã-hội nói về cảnh khổ-sở của người dân Việt qua cuốn « *Lâm than* ». Ông lại còn viết truyện phong-tục đồng quê « *Cỏ Dung* ». Nhưng điểm trội ở Lan-Khai vẫn là truyện đường rừng rồi đến truyện dã-sử.

Nguyễn-Triệu-Luật.

Chuyên viết truyện dã-sử và thường dùng tài-

liệu sử trong Hoàng Lê Nhất Thống Chi (Ngô-Tất-Tố dịch). Tác-phẩm : Bà Chùa Chè (1938), Loạn kiều binh (1939) Ngược đường trường thi (1939), Chúa Trịnh-Khai (1940), Hòm đựng người, Rắn báo oán (1941).

Phan-Trần-Chúc.

Ông vừa viết tiểu-thuyết dã-sử vừa viết biên-khảo.

Tiểu-thuyết dã-sử : *Lê-Hoan (1939), Sau lũy trường dục (1942) Hồi chuông Thiên-mụ...* Những cuốn biên-khảo : *Vua Hàm-Nghi (1935) Vua Quang-Trung (1940), Càn-Vương (1941), Triều Tây-Son (1942), Danh-nhân Việt-Nam qua các triều-đại (1942), Văn-chương quốc-âm về thế-kỷ 19 (1944).*

Vũ-Trọng-Phụng (1912-1939)

Ông viết phóng-sự, tiểu-thuyết ngắn và dài. Những tác-phẩm của ông như *Cạm-bẫy người, Kỹ-nghệ lấy Tây, Cơm thầy cơm cô, Lục-sĩ, Giông-tổ, Dứt tình, Lấy nhau vì tình, Võ đế, Làm dĩ, Không một tiếng vang, Trúng số độc-đắc, Số đỏ...* đều do nhà Mai-Lĩnh và Tân-Dân xuất-bản. Nhưng mọi người đều đồng-ý rằng sự-nghiệp của nhà văn tiền-chiến này căn-cứ vào hai tác-phẩm xuất-sắc nhất của ông : *Giông-tổ* và *Số đỏ*.

Ngô-Tất-Tố.

Ông là một nhà nho. Ông viết hai loại chính : biên-khảo văn-học và sáng-tác.

Loại biên-khảo có *Thi-văn bình-chú, Lão-Tử, Mặc - Tử...*

Loại sáng-tác có *Việc làng, Tất đèn*, nhưng đáng

kề nhất là cuốn *Lều chõng* vẽ lại cả một thời-dại vàng son của một thế-hệ nho-sĩ đã qua đi.

Tô-Hoài.

Ông có viết nhiều truyện cho nhi-đồng : *Dế mèn*, *Phiêu-lưu ký*, *U Tằm*... Tiểu-thuyết của ông có : *Quê người*, *Giăng thề*, *Đêm mưa*, *Xóm giếng ngày xưa*... Tác-phẩm đặc-sắc nhất của Tô-Hoài là tập truyện viết về loài vật : *chuột*, tác-phẩm đầu tay của ông. Những lối sống của con mèo, con chuột, con di đà, con gà sống, con ngan... được nhận-xét tỉ-mỉ và nhân-cách-hóa bằng một giọng văn thật là hấp-dẫn và ngộ-ngĩnh.

Nguyễn.Công-Hoan.

Ông viết những truyện trào-phúng hoặc những truyện tố-cáo nếp sống khắt-khe của xã-hội phong-kiến. Tác-phẩm : *Thanh-đạm* (1933), *Lá ngọc cành vàng* (1934), *Cổ giáo Minh* (1936), *Tắt lửa lòng* (1936), *Tấm lòng vàng* (1937), *Tơ vương* (1938), *Bước đường cùng* (1938), *Tay trắng trắng tay* (1940), *Chiếc nhẫn vàng* (1940), *Nợ nần* (1940), *Trên đường sự nghiệp* (1941), *Tranh tối tranh sáng* (1946), *Ép duyên* (1948).

Một vài nhà văn về biên-khảo, phê-bình, dịch-thuật.

Phan-văn-Hùm.

Sinh năm 1902 ở Búng, Lái-Thieu (Nam-Phân). Ông đứng trong lập-trường Đệ-tứ với Tạ-Thu-Thầu, Trần-văn-Thạch nên bị Cộng-sản thủ-tiêu vào năm 1946. Ông đã từng ra Hà-Nội theo học ngành Công-chánh, khi tốt-nghiệp trở về Nam-bộ làm vườn, không ra làm việc với Pháp. Năm 1929, vì ông là

bạn của Nguyễn-An-Ninh, nên bị thực-dân lấy cớ vụ lộn-xộn ở Cầu Bến-Lức bắt giam ông vào Khám Lớn Saigon. Năm 1933 ông qua Paris du-học đậu cử-nhân triết-học (tốt-nghiệp ở Sorbonne). Về nước ông xuất-bản tờ La Lutte và Đồng-Nai. Năm 1937 ra ứng-cử nhân-viên Hội-đồng quản-hạt (Conseiller Colonial). Năm 1939 lại bị vào tù vì một bài trên báo La Lutte. Năm 1942 ra tù, ông bị đưa đi quản-thức ở Tân-Uyên (Biên-Hòa).

Trong tác-phẩm « *Ngồi tù Khám Lớn* » (Bảo-tồn — 1929) ông tả những cảnh náo-nề trong khám và lên án thực-dân bằng một giọng văn-căm hờn. Ông cho rằng, đúng như lời Nguyễn-An-Ninh, vào tù trái tim sẽ nát như tương hay sẽ cứng như đồng :
En prison le cœur se brise ou se bronze.

Những tác-phẩm biên-khảo của ông : *Biên-chứng Pháp, Phật-giáo triết-học (Tân-Việt 1941), Vương-Dương-Minh (Tân-Việt 1941) Nỗi lòng Đối-Chiếu...*

Ông quả là một nhà biên-khảo văn-học giá-trị, một học-giả uyên-thâm rất có công với nền văn-học của chúng ta.

Hoàng-Xuân-Hãn.

Ông du-học ở Pháp, đậu thạc-sĩ Khoa-học. Năm 1945 ông có tham-gia Chánh-phủ Trần-trọng-Kim làm Tổng-trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Tác-phẩm đã xuất-bản : *La-son phụ-tử, Lý-Thường-Kiệt, Danh-từ khoa-học* (tự-diễn).

Các sách biên-khảo và chú-giải có tánh-cách giáo-khoa như : *Hà-thành thất-thủ, Thi-văn Việt-Nam, Chính-phụ ngâm bị khảo...*

Vũ-ngọc-Phan.

Ông là một nhà văn biên-khảo và phê-bình có giá-trị. So với các nhà phê-bình đồng-thời như Thiệu-Sơn, Trương-Chính, Hoài-Thanh... ông làm việc có hệ-thống hơn cả.

Tác-phẩm dịch của ông : *An-na Kha-Lê-Ninh Tiều-Nhiên Mỹ-Cơ*.

Năm 1942 ông viết bộ phê-bình văn-học « *Nhà văn hiện-dại* » gồm bốn tập. Ở đây ông không theo lối phê-bình đại-cương cũ, mà dùng phương-pháp phân-tách lí-mĩ từng tác-giả.

Hoài-Thanh — Hoài-Châu.

Hai ông là tác-giả cuốn « *Thi-nhân Việt-Nam* ». Tác-phẩm này có tánh cách một cuốn thi-luyện kèm theo những lời giới-thiệu khuynh-hướng thi-ca của từng thi-nhân.

Nhượng-Tống.

Tên thật là Hoàng-phạm-Trần. Có chân trong Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Ông viết báo, rồi viết văn-dịch sách. Năm 1950 ông bị ám-sát ở Hà-Nội vì lý-do chính-trị.

Tác-phẩm đã xuất-bản : *Lan và Hữu* (1940) *Sử-ký Từ-Mã-Thiên* (1944) (dịch trích-diễm), *Tây Dương ký* (biên chú) *Ngư điều vắn đáp* (dịch với Phan-văn-Hùm) nguyên-tác của Đờ-Chiêu ; *Đại-Việt Sử-Ký* (dịch của Ngô-Sĩ-Liêm), *Ly-Tao* (dịch thơ Khuất-Nguyên), *Nguyễn-Thái-Học*...

**Một vài nhà thơ điển-hình đồng-thời với
Tự-lực Văn-đoàn.**

Vũ-Hoàng-Chương.

Tác-phẩm : *Thơ-say* (1940), *Mây* (1943) *Trương-Chi*, *Hồng-Điệp* (1944) *Rừng Phong* (1954).

Bài dưới đây trích trong tập thơ « Mây ».

Đời tàn ngộ hẹp

Gối vải mộng phong hầu,
Vàng son mở gác xếp
Bằng tỉnh mưa còn mau
Chiều tàn trong ngõ hẹp
Mưa lùa gian gác xếp
Ngây trắng theo nhau qua
Lá rơi đầy ngõ hẹp
Đời hiu hiu xế tà
Ôi ta đã làm chi đời ta
Ai đã làm chi lòng ta
Cho đời tàn tạ lòng băng giá
Sương mong manh quạnh chớm thu già
Mãi mê theo sự nghiệp
Quá tròn lỗ giầu sang
Mưa rơi chiều ngõ hẹp
Lá vàng bay ngổn ngang
Điêu vương nhau nưoi chiếc lá khô vàng
Xuân đời chưa hưởng kịp
Mây mùa thu đã sang
Giấc hồ nghe phát phốt
Cờ biển nhịp mơ màng
Đường hoa son phấn đợi
Áo gấm vẽ xanh xang
Chập chờn kim ốc giai nhân

Gió lạnh đưa vào
 Khoa danh trên gối rụng tàn theo
 Nao nao đàn sáo phai dần
 Hạnh phúc tàn theo
 Nửa gối thê nhai lá rụng vào
 Song hồ lơ lửng khép
 Giường chiếu ẩm hơi mưa
 Chiêm bao mờ thoảng hương thừa
 Tan rồi mộng đẹp
 Ôi thời xưa
 Ta đã làm chi đời ta xưa
 Ta đã dùng chi đời ta chưa
 Thiên thu ngò sự nghiệp
 Chiều mưa rồi đêm mưa
 Gió lùa gian gác xếp
 Đời tàn trong ngõ hẹp.

Lưu-Trọng-Lưu.

Sinh năm 1919 tại làng Cô-Lao hạ, huyện Bố-Trạch, tỉnh Quảng-Bình (Trung-Phần). Ông có viết tiểu-thuyết (Cô Nguyệt, Huyền-Không động, Chiếc cánh xanh...) nhưng địa-vị của ông là ở thi ca, ông là một thi-nhân có những vần thơ sâu nhẹ-nhẹ, với những hình ảnh vô cùng gợi cảm của thiên-nhiên vạn-vật. Tập thơ « *Tiếng Thu* » của ông xuất-bản vào năm 1939.

Đọc bài thơ lục bát sau đây chúng ta phải đồng-ý với Hoài-Thanh—Hoài-Chân mà thấy bóng người con gái quay tơ như ẩn sau màn mây mờ, biết có nàng nhưng không thấy nàng, và cũng đừng tìm nàng làm chi, cứ để mặc cho lòng trôi theo âm-hưởng đặc-biệt của bài thơ ngân-ngã dang-dặc buồn

và đều như tiếng guồng xa. Sau khi đọc xong bài thơ ta thấy bát-ngát một trời đất ta không hiểu, thì nhân cũng không hiểu.

Thơ sầu rưng

Vầng trăng từ độ lên ngôi
Năm năm bên cũ em ngồi quay tơ.
Đề tóc vương vẩn thơ sầu rưng
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo
Năm năm tiếng lụa se đều...
Những ngày lạnh rớt gió vào trong cây
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay,
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đồng
Nghiêng-nghiêng mái tóc hương nồng,
Thời gian lặng rớt một giòng buồn tênh.

Và đây là những vần âm-thanh điệu-hiền và
đáng-khuảng của mùa thu :

Tiếng thu

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thồn-thức
Em không nghe rạo-rực
Hình ảnh kẻ chinh-phu
Trong lòng người cô phụ.
Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu xào-xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp lên lá vàng khô.

Hàn-Mặc-Tử.

Tên thật là Nguyễn-Trọng-Trí, sinh ngày
22-9-1912 ở Đồng-Hới. Cuộc sống của ông qua nhiều
nghề ; thư ký, nhà buôn, làm báo... vô cùng nghèo

khô. Năm 1936, sau khi du-lich Huế, Nha-Trang... ông mắc bệnh hủi, rồi mất ở Qui-Nhon ngày 2-9-1940.

Trước khi mắc bệnh hủi thơ ông có đáng-hấp hiên-dục (Gái Quê 1936).

Chúng ta hãy đọc bài « Tỉnh-Quê » dưới đây trích trong tập trên :

*Trước sân anh thơ thẩn,
Hăm đăm trông nhạn về,
Mây chiều còn phiêu bạt,
Làng thang trên đồi quê.
Gió chiều quên dừng lại
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói,
Lòng anh đường dê-mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi tới trắng thề.
Dù ai không ngóng đợi
Dù ai không lắng nghe.
Tiếng buồn trong sương đục.
Tiếng hờn sau lũy tre.
Dù ai bên bờ liễu
Dù ai dưới cánh lê,
Vội ngày xanh hờ hững
Cố quên tình phu thê.
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng náo nề.*

Nhưng từ sau ngày mắc chứng nan y thơ ông đau khổ não-nuột, hơi thơ mạnh bạo và có một bản sắc rõ-ràng. Về loại thơ này dưới đây tóm-tắt lời phê-bình của hai ông Hoài-Thanh — Hoài - Chân trong « Thi-nhân Việt-Nam ».

Trong « *Thơ điên* » của Hàn-Mặc-Tử, vườn thơ của người rung-rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh.

Có những câu gần với ta :

*Ngã nghiêng đồi cao bọc trắng ngủ,
Đầy mình lốm-đốm những hào-quang.*

Lại có những cảm-giác với ta rất thường, với Hàn-Mặc-Tử lại rất ghê sợ :

*Máy chết đuối ở dòng sông vắng lặng,
Trời thấy về xa tận cõi vô biên.*

Tập « *Xuân như ý* » là một ngôi đền thờ Chúa của Hàn-Mặc-Tử. Ở đây phảng-phất không-khí Athalie (vở-kịch của Racine) ngộp về huy-hoàng, trang-trọng, uy-linh, huyền-ảo. Với Hàn-Mặc-Tử thơ có một quan-hệ phi-thường. Thơ chẳng những đề ca-tụng Thượng-đế và cũng đề nối người ta với Thượng-đế :

*Đường thơ bay sáng láng như sao sa
Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc.*

Cho nên mỗi lần thi-sĩ há miệng cho thơ trào ra là chín tầng mây nào - động, muôn vi linh-tú xôn-xao.

Tập thơ « *Cầm Châu Duyên* » ghi sự gặp-gỡ của thi-nhân với một người con gái có cái tên khả-ái là nàng Thương-Thương. Có lẽ nàng yêu thơ Hàn-Mặc-Tử và Hàn-Mặc-Tử cũng không biết gì hơn về nàng, nhưng như thế cũng đủ để thi-nhân đưa nàng vào tháp thơ. Thi-nhân có khi mơ thấy mình như Tư-Mã Tương-Như đương nghe lời Trác-Văn-Quân năn-nỉ :

*Đã mê rồi ! Tư-Mỗ chàng ơi,
Người thiếp lao-đao sượng cả người
Ôi ! ôi ! hăm bót cung cầm lại,
Lòng say đôi má cũng say thôi.*

Song những phút mơ khoải-lạc ấy có được là bao ? Tỉnh dậy người thấy :

*Sao triu mền thân yều đau vắng cả ?
Trơ-vơ buồn và không biết kêu ai !
Bức thơ kia sao chẳng viết cho dài.
Cho khăng khít nồng nàn thêm chút nữa.*

Mối tình với nàng Thương-Thương còn khiến Hàn-Mặc-Tử viết ra hai vở kịch thơ : « *Duyên kỳ ngộ*, và *Cầm Châu Duyên*. Ở Duyên kỳ ngộ, thi-nhân diền-tả đến một chốn nước non thanh-lich chưa từng in dấu chân người.

Vấn lời hai ông Hoài-Thanh — Hoài-Chân kết-luận về Hàn-Mặc-Tử :

Người đã sống trong túp lều tranh, phải lấy bì thơ và giấy nhật-trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến không sao nuốt được vì khổ quá. Đã trong cảnh cơ-hàn lại thêm chứng bệnh kinh-khủng. Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững-hờ bỏ quên, lúc mất rồi thì xúm lại kẻ khen người chê. Chê hay khen đều có cái gì như bắt nạt.

Nguyễn-Bính.

Sinh năm 1919 ở Nam-Định.

Thi-phẩm đã xuất-bản : *Lỡ bước sang ngang*, *Mây-Tân*, *Mười hai bến nước*, *Tâm hồn tôi*, *Hương cố-nhân*. Thơ Nguyễn-Bính rất gần ca-dao với những

bài tình-tử nhẹ-nhàng man-mác, diễn-dạt dưới thể lục-bát. Chúng ta hãy đọc bài « Lắng lơ » dưới đây :

*Láng giềng đã đổ đèn dầu,
Chờ em ăn giập miếng giầu em sang.
Đói ta cùng ở một làng,
Cùng đi một ngõ vội-vàng chỉ anh ?
Em nghe họ nói mong manh,
Hình như họ biết chúng mình với nhau.*



*Ai làm cả gió đất cau
Mấy hòm sương muối cho giầu đồ non.*

Đoàn-văn-Cừ.

Xin tóm-tắt lời của Hoài-Thanh — Hoài-Chân nói về ông :

Trong các nhà thơ đồng-quê, không ai có ngôi bút-dời-dào mà rục-rỡ như Đoàn-văn-Cừ. Đoàn-văn-Cừ biết nhận-xét tinh-vi lại có hồn thơ phong-phú. Màu nét nào cũng ngộ-nghĩnh vui vui. Thỉnh-thoảng giữa những câu tả chân chặt-chẽ, chen vào một câu bất ngờ vụt ngời lên như một vầng sáng giữa bức tranh :

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cò,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

Và bao giờ cuối mỗi bài cũng có một vài câu khêu gợi. Cuối bài « Chợ Tết » :

*Ánh dương vàng trên cổ kéo lê-thê,
Lá đa rụng rơi bên quán trọ.*

Cuối bài « Đám cưới mùa xuân » :

*Chỉ còn nghe vắng vắng tiếng chim xuân,
Ca ánh ỏi trên cành xuân lấm nắng.*

Những câu ấy khép vào một thế-giới và mở ra một thế-giới. Khép một thế-giới thực, mở một thế-giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm.

Nguyễn-Nhược-Pháp.

Sinh năm 1914 tại Hà-Nội, mất năm 1938.

Tác-phẩm đã xuất-bản : Ngày xưa (1935). Trong thi-phẩm này ông đã làm sống lại cả thời xưa. Dĩ-vãng trong thơ ông không nặng-nề như Sử-học, không tráng-lệ mơ-màng như ở Phạm-Huy-Thông, đây là một thời xưa gồm những màu sắc tươi vui, ngộ-nghĩnh.

Trong « Sơn-tinh và Thủy-tinh », đây cảnh Thủy-Tinh cười rỗng vàng đến xin cưới :

*Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đôi năm mươi hôn ngọc trai.
Khập khiễng bỏ lê trên đất lạ,
Trước thành tấp lênh đi hàng hai.*

Thủy-Tinh bị hút bèn ra lệnh cho đồ-độ :

*Cá voi quắc mồm to muốn đớp,
Cá mập quắp đuôi cuồng nhe răng.
Càng cua lồm chồm giờ như mác,
Tôm càng chạy quắp đuôi xông-xao.*

Nụ cười của Nguyễn-Nhược-Pháp thật hiền lành, thanh-tao. Những người, những cảnh khiến thi-nhân cười và cũng khiến thi-nhân mến. Thi-nhân mến cô bé đi chùa Hương và san-xẻ mọi ước mơ sung-sướng, hay băng-khuàng của cô.

Người thông-cảm nỗi niềm ly-biệt với My-Nương
khi nàng từ biệt cha già, từ biệt kinh-đô ra đi
theo chồng :

*Lầu son nàng ngoái trông lần nữa,
Mì xanh lệ ngọc mờ hơi sương.*

rồi :

*Nhìn quanh khói tỏa buồn man-mác,
Nàng kêu « Phụ vương ơi ! Phong-Châu ! ».*

Một điều nhận xét nữa của hai ông Hoài-Thanh — Hoài-Chân : Những câu thật tình tứ, ghép bên những câu thật buồn cười mà không chút bỡ-ngỡ. Cái duyên của Nguyễn-Nhuộc-Pháp là ở chỗ đó.

Vũ-đình-Liên.

Sinh năm 1913 tại Hà-Nội. Thi cảm-chính : Tình thương người và lòng hoài cổ. Hai nguồn cảm-hứng này gặp nhau trong bài thơ kiệt-tác « Ông đồ » dưới đây :

Ông Đồ

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*



*Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.*



Nhưng mỗi năm mỗi vắng,
 Người thuê viết nay đâu ?
 Giấy đỏ không buồn thắm
 Mực đọng trong nghiên sầu.



Ông đồ vẫn ngồi đấy,
 Qua đường không ai hay
 Lá vàng rơi trên giấy
 Ngoài đường mưa bụi bay.



Năm nay đào lại nở
 Không thấy ông đồ xưa
 Những người muốn năm cũ
 Hồn ở đâu bây giờ ?



Phạm-Huy-Thông.

Sinh năm 1918 ở Hà-Nội.

Tác-phẩm đã xuất-bản : *Yêu-đương* (1933), *Anh
 Nga* (1934), *Tiếng địch sông Ô* (1935), *Tần Ngọc*
 (1937)...

Ngay cả khi tả những tình-cảm buồn mơ, thơ
 ông vẫn huy-hoàng trang-lệ :

Ta sẽ đưa binh Nam đi vùng vẫy
 Khắp bốn phương trời đất mịt mùng tăm
 Buồn mệnh mỏng chuyễn động tiếng loa gầm
 Tiếng gươm ca, tiếng trống hồi ngựa hí.

(Giác mộng Lê-Đại-Hành)

*Hương muốn hoa như êm đêm quyến-luyến,
Vòng cây khuya nghinh gió dưới trăng ngà
Nhưng đêm biếc rồi tàn giăng xuân biển,
Và vòng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.*

(Anh Nga)

Chế-Lan-Viên.

Tên thật là Nguyễn-ngọc-Hoán, sinh năm 1920 ở Quy-Nhon.

Thi-phẩm đã xuất-bản : *Điều tàn* (1937). Trong thi-phẩm này Chế-Lan-Viên đã nói lên nỗi đau khổ uất-hận của giống Chàm bị tiêu diệt. Ông dựng lên cả một thế-giới đầy sọ dừa, xương máu và yêu ma.

Chỗ này một yêu-tinh nghe tiếng cầm canh, chợt nhớ nơi trần thế :

*Rồi lấy ra một khớp xương rợn trắng
Nát bao dòng huyết đầm khi tanh hôi
Tìm những « miếng trần gian » trong tủ cạn
Rồi say sưa, vang cất tiếng reo cười*

nơi kia ông dựng lại cảnh chiến-địa rợn rùng, xương trắng máu đào :

*Đây chiến-địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô-hồn tử-sĩ hét âm vang
Máu Chàm cuộn thung ngày niếm oán-hận
Xương Chàm luôn rào rạt nổi căm hờn.*

Cũng cần ghi-chú thêm rằng sở dĩ chúng ta xét đến một số văn-hữu đồng thời với T.L. V.Đ. để có một cái nhìn tổng-quát về văn-học thời đó và cũng chỉ ở thời đó thôi (thời tiền-chiến), còn từ sau kháng - chiến hướng sáng-tác của một số nhà văn, nhà thơ (Nguyễn - công-Hoan,

Vũ-ngọc-Phan, Hoài-Thanh, Lưu-Trọng-Lưu, Vũ-Đình-Liên, Phạm-huy-Thông...) bỏ con đường dân-tộc sang con đường duy-vật, ca ngợi căm-thù giai-cấp thì đó là bước ngoặt của riêng họ, họ sẽ chịu sự phê-phán của các nhà viết văn học-sử sau này ở đây chúng ta không bàn đến.

Sau khi đã lần-lượt xét những nhóm với một số nhà văn, nhà thơ điển-hình đồng-thời với Tự-Lực Văn-Đoàn, giờ đây chúng ta bắt đầu riêng xét đến Tự-Lực Văn-Đoàn.



Tổng-quát về Tự-Lực Văn-Đoàn

I.— Bối-cảnh lịch-sử.

A.— Chính-trị.

Trên đây chúng ta đã xét tổng-quát hoàn-cảnh lịch-sử của dân-tộc nhà suốt khoảng đầu thế-kỷ thứ XX. Nay chỉ cần nhắc lại mấy việc chính-xác với thời Tự-Lực Văn-Đoàn.

Từ năm 1926 trở đi Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng bành-trướng mạnh. Thực-dân khủng-bố ráo-riết. Ngày 10-2-1930 vì tiến-thoái lưỡng nan, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng khởi-nghĩa một cách miễn-cưỡng « Không thành thân thì thành nhân ! » (Lời tuyên-bố trước khi quyết-định khởi-nghĩa của lãnh-tụ Nguyễn-Thái-Học). Ngày 17-6-1930 Nguyễn-Thái-Học cùng với mười hai đồng-chi lên đoạn đầu dài tại Yên-Bái.

B.— Kinh-tế.

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế 1930-1935 làm phá-sản tiểu-thương. Đồng-thời sự giảm bớt công-chức

đã được nêu lên thành vấn-đề với danh-từ « tri-thức thất-nghiệp ».

C. — Văn-hóa.

Trên đây chúng ta đã nói đến công của hai ông Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh trong công-cuộc xây-dựng nền văn học chữ Quốc-ngữ của nước nhà ; song một mặt khác ta cũng không nên quên hai tờ Đông-Dương Tạp-chí và Nam-Phong Tạp-chí do thực-dân đỡ đầu với thâm-ý dùng văn-hóa để chống lại văn-hóa (chống lại ảnh-hưởng rất mực quan-trọng của Đông-Kinh Nghĩa-Thục). Ngay số đầu Đông-Dương Tạp-chí có bài xã-luận mặt-sát những bậc lão-thành cách-mạng nặng lòng dân-tộc như Cụ Phan-Bội-Châu. Nam-Phong tiếp nối Đông-Dương Tạp-chí, phổ-biến Văn-hóa Pháp, ve-vãn dân-chúng bằng cách cũng đề ra một hướng tiến-bộ nhưng là một thứ tiến bộ cầm chân, mệnh-danh là « *hướng tiến-bộ trung-dụng* » lấy những tư-tưởng phong-kiến làm nòng-cốt để che đậy dã-tâm của họ.

Để chống lại liều thuốc ngủ « Pháp-Việt đề-huê » này, Cụ Phan-Sào-Nam đã cho phổ-biến những câu thơ như :

*Nó coi mình như trâu, như chó,
Nó coi mình như cỏ, như rơm.*

.

hay :

*Ngày mong mỗi vãi con ăm tũ
Đêm vui chơi một lũ hầu non.*

*Trang-hoàng gác hạ lầu son,
Đã hao mạch nước lại mòn xương dân (1)*

Sự thực chủ-trương ru ngủ của hai tờ Đông-Dương Tạp-Chi và Nam-Phong có làm mờ nhạt đi khá nhiều ảnh-hưởng của Đông-Kinh Nghĩa-Thục, với « *Tuyệt-hồng lệ-sử* » dịch của Từ-Trầm-Á, với giọng văn sụt-mướt khóc chồng của Nữ-sĩ Trương-Phổ (viết năm 1923).

*Trời thu thâm-đạm một màu
Gió thu hiu-hắt thêm rầu lòng em
Trăng thu bóng ngả bên thềm
Tình thu ai để duyên em bẽ-bàng.*

với giọng văn khóc vợ bi-thiết không kém của ông Đồng-Hồ :

*Cảnh năm trước vẫn là năm trước
Tình năm xưa đã khác năm xưa
Này trăng này núi này hồ
Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu ?*

Sau cùng, cuốn tiểu-thuyết *Tổ-Tâm* của Hoàng-

(1) Qua một thời bốn ba hải-ngoại, bị bắt, suýt bị tử hình, khi Cụ Phan sau rốt bị thực-dân đưa tới giam lỏng ở Huế cụ lại nêu chủ-trương « Pháp-Việt đề huề ». Lễ cổ nhiên chủ-trương « Pháp-Việt đề huề » của Cụ chỉ là một giai-đoạn để có thì giờ thâm-nhập được văn-hóa Tây-phương rồi sau đó sẽ gây ông đập lưng ông ». Nhiều nhà cách-mạng, còn nêu thêm một lý-do : Sau khi đã qua Nhật, Cụ hiểu thâm-ý tàn-ác của người Nhật, Cụ thấy rõ đừng hòng nhờ vả gì ở người Nhật. Mãi sau này khoảng 1943-45 người Việt mới được trực-tiếp nhận chân những điều đó, khi người Nhật tới hết cảng Pháp ở Đông-Dương và tung ra thuyết Đại Đông-Á đường mật nhưng gian-trá của họ. Càng nghĩ chúng ta càng thấy thương các bậc tiền bối cách-mạng trong trường-hợp các vị « *Tĩnh một mình* ».

Ngọc-Phách là cả một liều thuốc độc làm lụn bại hết chí tiến-thủ của thanh-niên ta, khiến họ coi việc đau khổ vì tình, chết vì tình, cao quí không kém gì cái chết vì nước, vì đạo.

Chính-sách của thực-dân khôn-ngoaan thật, thâm-độc thật nhưng các nho-sĩ của ta đã lợi-dụng ngay Nam-Phong để tương-kế tự-kế cồ-dộng kin-đảo cho tinh-thần yêu nước (Nguyễn-Bá-Học, Dương-Bá-Trạc, Sở-Cường, Lê-Dư. . .) Kể từ năm 1919 trở đi các trường cao-đẳng về Luật, về Thuốc, về Sư-phạm đã mở đề đào-tạo tại chỗ những cán-bộ cần-thiết cho guồng máy thống-trị thực-dân. Nhưng có mấy nhà tri-thức cam tâm làm tôi-dòi cho thực-dân và quên hẳn 'giống nòi ? Chính ở những trường trên thực-dân đã đào-tạo nên những Nguyễn - Thái - Học, Kỳ - Con. . .

II. — Sự thành-lập của Tự-Lực Văn-Đoàn.

1. — Lý-do thúc đẩy bên trong.

Trước tình-trạng lụn bại của công-cuộc cách-mạng võ-trang trước, cái tệ những tham-quan ô-lại, trước thái-độ vị-kỷ uơu-hèn của một số người tân-học lấy vợ đẹp, nhà lầu, ô-tô làm lẽ sống duy-nhất ; và nhất là trước cảnh nghèo đói, dốt nát quá bi-thảm của dân quê, một nhóm thanh-niên thẩm-nhuần văn-hóa Tây-phương đã ý-thức được vai-trò lịch-sử của mình đứng ra thành-lập Tự - Lực Văn - Đoàn năm 1932.

2. — Điều-kiện thuận-tiện bên ngoài.

Mấy năm trước đây Toàn-quyền Robin đã cho

ném bom triệt-hạ làng Cồ-Am vì tướng Nguyễn-Thái-Học trốn ở đây (1). Tới năm 1930 thì Việt-Nam Quốc-Dân Đảng hoàn-toàn tan-vỡ, mười ba liệt-sĩ lên đoạn đầu đài tại Yên-Bái. Các phóng-viên Pháp được chứng-kiến cảnh đó, khi trở về mầu-quốc cũng phải tuyên-bố rằng không ngờ đồng-bào họ ở hải-ngoại đã sa-dọa đến thế. Còn lòng người dân Việt thì khỏi phải nói, từ thành-thị đến thôn-quê không-khí cấm-uất như dầu dội lửa đỏ.

Đề mở nắp « si hơi an-toàn » Robin nói rộng quyền tự-do báo-chí, đề-cao tư-tưởng xã-hội. Khi đó chi-nhánh đảng Xã-hội (SFIO) bên này có tờ *Le petit populaire* làm cơ-quan tranh-đấu. Chính vào dịp cởi mở đó, Tự-Lực Văn-Đoàn mới có được hoàn-cảnh thuận-tiện mà xuất đầu lộ diện.

3. — Thành-phần Tự-Lực Văn-Đoàn.

Thành-phần nòng cốt của Tự-Lực Văn-Đoàn gồm các nhà văn, thơ sau này : Nhất-Linh (Nguyễn-Tường-Tam) Khái-Hưng (Trần-Khánh-Dur), Thế-Lữ (Nguyễn-thứ-Lễ), Từ-Lý hay Hoàng-Đạo (Nguyễn-Tường-Long), Thạch-Lam (Nguyễn-Tường-Lân), Tú-Mỡ (Hồ-Trọng-Hiếu), Xuân-Diệu (Ngô-Xuân-

(1) Theo một vài dư-luận giới cách-mạng thì Robin cho ném bom xuống Cồ-Am còn để triệt một anh-hùng trong bóng tối nữa của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng là Trần-Cảnh. Chính ra tên họ thực nhà cách-mạng này là Nguyễn-Đức-Cảnh, vì là con nuôi cụ Trần-Mỹ, người làng Cồ-Am nên đổi sang họ Trần. Trần-Cảnh thoát chết trong lần ném bom của Robin, nhưng về sau cũng bị bắt. Lần đầu bị bắt này, liệt-sĩ đã nhảy tự gác hai xuống, đã cắn lưỡi, đã lao mình từ trên xe lửa xuống đường mà không chết. Khi thực dân giải ông đến Saigon thì ông trốn thoát. Nhân dịp Tết Nguyễn-Đán kia vị liệt-sĩ của chúng ta có tìm đường lẩn về quê ở Hưng-Yên thăm bố mẹ thì bị bắt lần thứ hai

Diệu) với sự cộng-tác của nhiều văn-nghe sĩ khác như về họa có Tô-Ngọc-Vân, Nguyễn-Gia-Tri, Nguyễn-cát-Tường ; về nhạc có Nguyễn-Xuân-Khoát về kịch có Vi-Huyền-Đắc, Đoàn-Phu-Ư ; về phóng-sự có Trọng-Lang ; về tiểu-thuyết có Đỗ-Đức-Thu, Trần-Tiên, Thanh-Tĩnh, Bùi-Hiền ; về thơ có Đỗ-Huy-Nhiệm, Vũ-Đình-Liên, Phạm-Huy-Thông...

4.— Nội-dung của hai tờ báo *Phong-Hóa* và *Ngày-Nay*.

Nội-dung tờ *Phong-Hóa* (1932-1937) cũng như tờ *Ngày-Nay* (1935-1941) đại thể gồm 4 phần như sau :

- Phần xã-luận.
- Phần tiểu-thuyết
- Phần trào-phúng
- Phần trông tìm (Khoa-học thường-thức).

III.— Chủ-trương Tự-Lực Văn-Đoàn.

Chủ-trương của Tự-Lực Văn-Đoàn gồm hai phần : đả-phá và xây-dựng.

A.— Phần đả-phá.

1.— Về chính-trị.

Tự-Lực Văn-Đoàn đả phá chính-sách « chia để trị » của thực-dân (Sự phân chia nước Việt-Nam thành ba kỳ, việc chấn-hưng Phật-giáo, không vì Phật-giáo mà cốt để gây tinh-thần chia rẽ giữa người Việt theo Phật-giáo với người Việt theo Công-giáo) ; đả-kích chính-sách truy-lạc hóa thanh-niên (chợ phiên cứu dân bị lụt để sa-đọa thanh-niên) phản-đối sự thi-hành lại hòa-trước 1884 nghĩa

là sự tái-lập nha kinh-lược Bắc-kỳ ; phản-đối sự tạo-lập những Bộ không làm gì hết (riều Bộ Kinh-tế của Nguyễn-Khoa-Kỳ là giết hàng năm 9.000 ve sâu và 3.000 sâu đất) ; đả-kích sự hống-hách của tụi quan lại, kỳ hảo ; đả-kích những ông dân-biểu tư-vấn thuộc loại « nghị gât » hoặc thuộc loại tay sai của thực-dân « Chánh-phủ biểu ».

2.— Về Xã-hội.

Tự-Lực Văn-Đoàn đả-phá tinh-thần hương đảng, tranh chấp thủ lợn, phao câu ở chốn đình trung ; đả phá óc mê-tin dị-doan ; đả phá chế-độ đại gia-đình cùng tính cách hẹp-hòi của luân-lý Khổng-Mạnh, bóp nghẹt tự do cá-nhân (uy-quyền tuyệt-đối của cha mẹ, sự nô-dịch phải phụ-nữ, gây nên những hủ-tục ép duyên, gả bán, làm lễ, đa-thê, sự tranh-chấp gia-tài) ; chế riều những tập-tục hủ-lậu khác như « Hủ tóc » của ông Đỗ-Thận, « Hàm răng đen » của ông Nguyễn-văn-Tổ.

3.— Về văn-học.

Tự-Lực Văn-Đoàn đả-kích loại văn-chương sáo và rỗng cũ ; đả-kích lối văn « sướt mướt » sâu mây khóc gió ; đả-kích sự mất gốc của mấy người như Trạng-La (La-tinh) Nguyễn-Mạnh-Tường, Trạng Mèo Phạm-Duy-Khiêm chỉ chú-trọng nói và viết tiếng Pháp (1) ; chế riều lý-luận Mác-Xít Phan-văn-Hùm, lý-luận giầy cà ra giầy muống của Phan-Khôi. Mục « Tin văn văn » của Lê-Ta giọng châm biếm rất cay

(1) Cho đến nay ông Phạm-Duy-Khiêm còn coi thường khả-năng diễn-đạt tư-tưởng của tiếng Việt, còn ông Nguyễn-Mạnh-Tường thì sự thực ông sử-dụng tiếng Việt cũng trau chuốt như tiếng Pháp vậy.

độc ; mục « Hạt đậu nhon » để chỉ-trích những cái dở, cái lảm trong các bài văn đồng thời.

C. — Phần xây-dựng.

1. — Về chính-trị.

Tự-Lực Văn-Đoàn đòi hỏi canh-tân chống phong-kiến, chống thực-dân để tiến tới tinh-thần dân-chủ. (Sau 1945 Tự-Lực Văn-Đoàn đòi hỏi Hiến-pháp, đòi hỏi dân-chủ thực sự, v.v...); đề-cao vẻ đẹp cao quý về tinh-thần vị-tha của những con người hoạt-động cách-mạng giải-phóng dân-tộc. (Dùng trong Đoạn-Tuyệt và Đòi Bạn).

2. — Về Xã-hội.

Tự-Lực Văn-Đoàn kêu gọi sự cố gắng và tham-gia của lớp người mới vào sự cải-thiện xã-hội ; ca-tụng sự cố-gắng nhân-đạo-hóa tư-bản (như đời sống của vợ chồng Hạc trong Gia-đình).

Năm 1936 thành-lập hội Ánh-Sáng để bài-trừ « Nhà hang chuột » và thay-thế bằng những căn nhà rẻ tiền nhưng ngăn nắp sáng-sủa (do hai kiến-trúc-sư Luyện và Tiếp vẽ kiểu). Những nhà ánh-sáng này đã được dựng thành một khu kiểu-mẫu trên bãi Phúc-Tân kề Hà-Nội. Sau này thực-dân giải-tán Hội này vì ngờ đó là một hoạt-động chính-trị trá hình.

Như vậy, Tự-Lực Văn-Đoàn luôn luôn gây cho mọi người nhất là thanh-niên một thái-độ quyết-tâm phục-vụ cho đời sống tinh-thần và vật-chất của giới bình-dân nghèo khổ ; tích-cực truyền-bá tinh-thần vui sống để gạt rửa mọi tư-tưởng bi-quan yếm-thế do phong-trào lãng-mạn sướt-mướt đương lan

trần trong dân-chúng, nhất là trong giới thanh-niên và phụ-nữ.

Sau cùng việc cải-cách y-phục phụ-nữ do Tự-Lực Văn-Đoàn đề-xướng với những kiểu áo mới do họa-sĩ Lemur (tức Nguyễn-Cát-Tường) vẽ có thể coi như một cải-cách vừa có tính-cách mỹ-thuật vừa có tính-cách xã-hội. Ông Nguyễn-Duy-Diễn đã không nói ngoa khi ông viết trong cuốn Luận về Tự-Lực Văn-Đoàn của ông (xuất-bản Thăng-Long — 1958) : « Sự cải-cách này thực là một sự cải-cách quan-trọng, quan-trọng không kém gì những cải-cách lớn-lao về kinh-tế, chính-trị, xã-hội bởi nó đã phụng-sự cho cái đẹp của nữ-giới khiến cho cuộc đời chúng ta thêm muôn phần mỹ-lệ ».

Ngày nay năm-châu đều công-nhận cái đẹp uyển-chuyển kín-đáo và có cá-tánh đặc-biệt của kiểu áo Việt-Nam, há chẳng do công của họa-sĩ Lemur với Tự-Lực Văn-Đoàn ?

3.— Về văn-chương nghệ-thuật.

Tự-Lực Văn-Đoàn đẩy mạnh các thể-văn mới mượn của Pháp như phê-bình, kịch, phóng-sự, tùy bút, thơ mới...

Tự-Lực Văn-Đoàn là những người đầu tiên áp-dụng cú-pháp Tây-phương, khai-thác sự cải-cách của Hoàng-Tích-Chu. Nguyên năm 1926, Hoàng-Tích-Chu từ Pháp về nước nhà mang theo hoài-bảo cải-cách văn xuôi cho thoát-ly khỏi lối văn biền-ngẫu. Ông đã có dịp thực-hiện hoài-bảo đó trên hai tờ Ngo-Bảo và Đông-Tây (khoảng năm 1932). Phạm có sự thay đổi lớn lao thì khó tránh được sự quá khích, nên văn Hoàng-Tích-Chu biệt-lập thành một thứ văn cộc-lốc. Tới Tự-Lực Văn-Đoàn thì lối hành-

văn mới đã uyển-chuyển, trong sáng, nhẹ-nhàng hơn nhiều.

Về thi-ca, Thế-Lữ được xem như là người có công đầu trong phong trào thơ mới. Đem những cái rạo-rực, bông-bột của Tây-phương vào thi-ca Việt-Nam thì có Xuân-Diêu; và giữ được tính-chất trào-phúng đặc-biệt Việt-Nam có Tú-Mỡ.

Về dịch-thuật, trước Tự-Lực Văn-Đoàn, các ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh thường chỉ chú-trọng dịch các văn-phẩm cổ-diễn, tới Tự-Lực Văn-Đoàn, những nhà văn cộng-tác của nhóm bắt đầu dịch những chuyện ngắn nổi tiếng của các nhà văn Pháp, Mỹ, Anh, Đức, Nga, Nhật... (Thế kỷ XIX, XX). Ngoài ra còn những bản dịch các truyện dài Quốc-tế : Vũ-ngọc-Phan dịch *Treasure Island* của Stevenson, Anna Karénine của Tolstoï; Huyền-Kiều dịch *The Good Earth* của P. Buck; *Tartarin de Tarascon* của Alphonse Daudet... Những nhà dịch-thuật này thường là những cây bút tài-hoa nên dịch-phẩm có phần đặc sắc hơn thời trước.

C. — Lợi-khí đả-phó : Tinh-thần trào-phúng.

Khi-cụ hiệu-nghiệm nhất của Tự-Lực Văn-Đoàn là tinh-thần trào-phúng dưới đủ mọi hình-thức : tranh khôi hài, truyện vui cười, kịch hoạt-kê, diễn người và việc... Chỉ cần nhớ rằng Lý-Toét, Xã-Xệ, Bang-Bạnh... đã thành nhân-vật điển-hình của cả mấy thế-hệ liên-tiếp và vẫn còn tồn-tại đến ngày nay, đủ hiểu sự thành-công của họ rục-rở biết chừng nào.

Hãy nhớ lại những bức vẽ riêu Phạm-Lê-Bồng đeo kim-khánh, đội mũ cánh chuồn một cánh,

những bức vẽ riều Phạm-Quỳnh nhẩy một cái từ Hà-Nội vào Huế, những câu ca-dao nổi tiếng :

*Giấc Nam-Kha khéo hữu tình
Đừng con mắt dậy thấy mình Thượng-thư.
Gió đưa cánh trúc lá-đà,
Một thuyền chạt ních bãi ngà Thượng-thư.*

Hãy nhớ lại những bài phỏng-vấn không tiền khoáng-hậu các quan lại đương thời như Hoàng-Trọng-Phu, Vi-văn-Định, đã khiến người đọc tuy cười mà dào-dạt cảm-hôn.

Hãy nhớ lại một bức tranh khôi-hài vẽ Lý-Toét đưa đến biếu Thống-Sứ Châtel một con gà mái với câu chú ở dưới : « *Vì biếu-hiệu của nước Pháp là con gà sống Gó-loa, xin biếu quý quan con gà mái cho có đôi* », để chỉ-trích thói vô cùng mất nhân-cách của một số quan-trường dăng vợ hiến con để mong được thăng quan tiến chức.

Còn một câu chuyện có thật. Trong một bài « Tin vắn hàng tuần » kia, nhà báo có nói đến « ông » Toàn-Quyền Catroux. Ty kiểm-duyet coi sự gọi « quan Đại-Pháp Toàn-Quyền đại-thần » như thế là một sự sách mé, bèn xóa chữ « ông » đi mà điền chữ « quan » vào. Sau đó Ty kiểm-duyet nhận được một bức thư phản-kháng, trong đó nhà báo cho rằng Ty kiểm-duyet chỉ có quyền xóa văn chứ không có quyền chữa văn. Ty kiểm-duyet đành xóa chữ « quan » nhưng vẫn xóa nguyên chữ « ông ». Báo lên khuôn và trước chữ « Toàn-quyền Catroux » người đọc thấy ba cái chấm xác-dịnh chữ trên đã bị kiểm-duyet bỏ rồi. Toàn-quyền Catroux biết chuyện đó mới thông-tri cho Ty kiểm-duyet từ rầy mặc nhà báo gọi mình bằng ông vì kiểm-duyet

như thế chỉ là mắc-mưu nhà báo và càng đề-cao nhà báo trước mắt dân-chúng.

D.— Nhà xuất-bản Đời-Nay.

Cùng với Phong-Hóa, Ngày-Nay, Tự-Lực Văn-Đoàn còn lập thêm một nhà xuất-bản lấy tên là *Đời-Nay* để xuất-bản những tác-phẩm của những nhà văn trong nhóm hoặc những nhà văn được Tự-Lực Văn-Đoàn mua bản-quyền tác-phẩm (như Vi-huyền-Đức, Vũ-ngọc-Phan...) hoặc những nhà văn được Tự-Lực Văn-Đoàn tặng giải-thưởng văn-chương hàng năm (Hàn-Thế-Du, Nguyễn-Khắc-Mẫn, Nguyễn-Hồng...). Để chủ-trương của mình được phổ-biến rộng-rãi thêm, nhà *Đời-Nay* còn xuất-bản một loại sách rẻ tiền bán giá đồng loạt 0\$25 đặt tên là loại sách « Lá Mạ » và đồng-thời lại cho ra mắt một loại sách giáo-dục trẻ em lấy tên là « Sách Hồng ».

IV.— Ưu-điểm và khuyết-điểm của Tự-Lực Văn-Đoàn.

A.— Nhân-vật điển-hình.

Con người điển-hình thời Nam-Phong với truyện dịch Tuyết Hồng Lệ Sử của Từ Trầm-Á, Tố-Tâm của Hoàng-Ngọc-Phách... là những kẻ than mây khóc gió, sầu muộn ủ-ê, đau tim, coi việc khổ vì tình, chết vì tình là những hành-động cao quý chẳng kém gì các vị anh-hùng liệt-thánh

Tới Tự-Lực Văn-Đoàn, con người điển-hình của thời-dại có thể thấy ở Dũng : lãng-mạng tình-tế, giàu lòng nhà-đạo vị-tha, luôn luôn muốn vươn lên cái cao đẹp trong sáng.

B.— *Giá-trị xã-hội, chính-trị.*

Có công đá-phá phong-kiến, nhưng việc chế riều Lý-Toét, Xã-Xệ phải chăng là đá-phá cường-hào ? Hình ảnh Lý-Toét, Xã-Vệ là hình ảnh người dân quê chất-phác nhiều hơn là hình ảnh cường-hào. Cho, nên có thể nói Tự-Lực Văn-Đoàn làm một việc mâu-thuân với chính chủ-trương của họ. Việc chế riều Lý-Toét, Xã-Xệ đã gây chia rẽ giữa người thành thị và người thôn quê. Việc đá-phá chế-độ đại gia-đình, đề cao cá-nhân chủ-nghĩa, đã đi quá trớn. Cho đến nay gia-đình vẫn là cơ-sở căn-bản của con người. Phê-bình óc quá-khích đó của Tự-Lực Văn-Đoàn giáo-sư Dương-Quảng-Hàm có viết như sau đây trong V.N.V.H.S.Y. (tr. 454) :

« ... Phái ấy vì đã có thành-kiến sẵn, nên chỉ trông thấy chỗ dở mà không trông thấy điều hay, thành ra trong sự mô-lả, phán-đoán có phần thiên lệch. Tỉ như tục đàn bà góa chồng ở vậy nuôi con. Đánh rằng tục lệ ấy làm cho một số người đàn bà còn trẻ tuổi mà muốn tái-gia (vì cũng có người thực bụng không muốn tái-gia), nhưng vì sợ dư-luận hoặc muốn giữ gia-phong mà phải chịu cảnh lẻ-loi lạnh-lùng, tức là phải hy-sinh cái hạnh-phúc cá-nhân ; song cũng nhờ có tục ấy mà biết bao gia-đình đáng lẽ, sau khi người gia-trưởng mất rồi, phải lâm vào cảnh « vỡ đàn tan ghé » vẫn được đoàn-viên vui-vẻ : biết bao đứa con bỏ côi cha đáng lẽ phải chịu số phận hẩm-hiu, vẫn được nuôi dạy trông nom và thành người. Thật cái tục ấy đã gây biết bao điều xả-thân, tận-tâm, biết bao người mẹ đáng cảm-phục. Xem thế thì biết, trong sự phán-

đoán các tập-tục xưa, ta cần phải đắn-đo cẩn-thận và xét cả mọi phương-diện mới khỏi sai lầm ».

C.— *Giá-trị Văn-chương, Nghệ-thuật.*

Nếu cho tới Hoàng-tích-Chu tờ báo Việt-Nam mới thành hình tờ báo thì chúng ta cũng có thể nói cho tới Tự-Lực Văn-Đoàn tiểu-thuyết Việt-Nam mới ra hình tiểu-thuyết.

— T.L.V.Đ đã tạo ra một không-khí văn-nghe sôi-nổi chưa từng có trên văn-dân Việt-Nam.

— Đã kết-tinh được tấn bi-kịch của giai-cấp trung-lưu Việt-Nam giữa « Nho-phong » và « Âu-phong ».

— Đã có sáng-kiến cho xuất-bản những số đặc-biệt về Trung-thu, về số Xuân gây muôn phần thi-vị cho đời sống văn-nghe.

D.— *Lề-lối làm việc.*

Đã biết tập-hợp thành nhóm và làm việc có tính cách tập-đoàn, nhưng lại sa vào khuyết-diểm nặng óc bè phái. Rất ít khi Tự-Lực Văn-Đoàn khen những tác-phẩm ngoài nhóm mình (trừ trường-hợp cuốn « Vang bóng một thời » của Nguyễn-Tuân), mà thường chỉ là cách phê-bình bông đùa riếu-cợt tàn-ác nữa.

E.— *Thêm một điều ghi-chú.*

Trên đây là những lời phê-bình ưu khuyết-diểm đúng mực khách-quan. Chúng ta cũng nên biết thêm dư-luận quá nghiêm-khắc của Trương-Túu. Họ Trương kết tội Tự-Lực Văn-Đoàn là sản-phẩm si-hơi cách-mạng bằng phương-tiện văn-chương. Ông nặng

lời đả-kích lối văn-chương mà ông mệnh-danh là « Cách-mệnh sa-lông » đó. Ông lên án « Lạnh-lùng » của Nhất-Linh là cuốn sách khiêu-dâm và đáng ném ra khỏi tủ sách gia-đình. Ông kết-luận về cuốn sách đó : « Chỉ có những người nào có tư-tưởng nhất-định, tinh-nết độc-lập mới tránh được sức thối-miễn của những hình-ảnh xấu-xa và quyến-rũ tả trong một cuốn văn bằng ngọn bút tài-hoa ».

KẾT-LUẬN

Ngoài một số khuyết-diểm trên, Tự-Lực Văn-Đoàn thực đã ghi được nhiều thành-tích rực-rỡ nhờ ở cách nhìn rộng-rãi bao-quát và tinh-thần làm việc khoa-học. Ảnh-hưởng lớn-lao của Tự-Lực Văn-Đoàn vào lối cảm-nghĩ của thanh-niên còn kéo dài mãi cho tới ngày nay. Sau sự tan-rã của nhóm này, mọi người cảm thấy một sự trống rỗng mệnh-mông trên văn-dàn trong một thời-gian khá dài.



NHẤT-LINH

Thân-thế và sự-nghệp văn-chương

THÂN-THẾ (1).

Tên thật là Nguyễn-tường-Tam, sinh năm 1905 tại phố Huyện Cẩm-Giang (Hải-Dương). Thân-phụ làm Thông-phán Tòa Sứ, giòng-dối cựu nho.

Gia-dình có bảy anh em sáu trai một gái, thứ-tự như sau : Nguyễn-tường-Thụy, Nguyễn-tường-Cầm, Nguyễn-tường-Tam (Nhất-Linh) Nguyễn - tường-Long (Hoàng-Đạo), Nguyễn-thị-Thế, Nguyễn-tường-Lân (Thạch-Lam) và Nguyễn-tường-Bách.

— Học-tập và lập-chí (1905-1930).

Học trường Bưởi (1920) đậu trung-học (1923), làm Thông-phán tại sở Tài-Chính, ở đây gặp-gỡ rồi quen thân với Tú-Mỡ Hồ-Trọng-Hiếu. Viết những tác-phẩm đầu : Nho-Phong (1925). Sau Nho-Phong

(1) Chúng tôi theo cách chia thành từng thời-kỳ có mạch-lạc của ông Phạm-thế-Ngũ tác-giả « Bài Việt-Văn kỳ thi Tú-Tài » quyển III—Tài-liệu theo ông Lê-Hữu-Mục tác-giả « Thân-thế và sự-nghệp Nhất-Linh ».

đến những tác-phẩm : Thôn-dã, Hai chị em, Người quay tơ. Những tác-phẩm này còn chịu nặng ảnh-hưởng Nho-giáo và do tác-giả tự xuất-bản lấy. Cũng vào năm 1925 ông xin thôi công-sở, thoát theo trường Thuộc được ít lâu bỏ Thuộc sang học trường Cao - đẳng Mỹ - thuật. Năm 1927 du-học Pháp. Đậu cử-nhân khoa-học. Khảo-cửu thêm về văn-học, báo-chí, ấn-loát, đến năm 1930 về nước.

— *Hoạt-động văn-hóa xã-hội (1930-1938).* Dạy học tại Tư-thục Thăng-Long. Bỏ dạy học đứng ra chủ-trương tờ Phong-Hóa đổi mới (kể từ số 14 trở đi ra ngày 22-9-1932). Lập Tự-Lực Văn-Đoàn (1933). Ra tờ Ngày Nay (1935). Khởi-xương Đoàn Ảnh-Sáng, xây nhà kiểu mẫu tại bãi Phúc-Xá Hà-Nội (1937). Viết các tiểu-thuyết quan-trọng của ông trong thời kỳ này.

— *Hoạt-động chính-trị (1937-1948).* Lập Đảng Hưng-Việt (1938) sau đổi thành Đại-Việt Dân-chính (1939). Năm 1940 Pháp hàng Đức, Chính-phủ Pétain lên, tại Đông-Dương Toàn-quyền Catroux (chống Nhật) nhường chức cho Toàn-quyền Decoux (nhân nhượng với Nhật) Nhật-bản tha-hồ đặt căn-cứ quân-sự để tiến đánh Trung-Quốc. Đại-Việt Dân-Chính Nguyễn-Tường-Tam hoạt-động vào thời-kỳ này. Năm 1942 ông trốn sang Trung-Hoa đại-diện cho Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng trong Cách-Mạng Đồng-Minh Hội. Năm 1945 về nước, tập-hợp nhóm Ngày Nay cũ cho xuất-bản một cơ-quan ngôn-luận mới lấy tên là Việt-Nam. Năm 1946 đại-diện cho Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng tham-gia Chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến giữ Bộ Trưởng Bộ Ngoại-Giao. Là trưởng phái-đoàn Việt-Nam đi dự Hội-ngị Việt-Pháp tổ-chức tại Đà-Lạt. Hội-ngị này bế-lắc ngay từ phút đầu vì thực-

dân Pháp ngoan-cổ không chịu để Nam-Bộ sát-nhập Trung-Bộ và Bắc-Bộ. Bỏ sang Trung-Hoa tìm một giải-pháp chính-trị khác cho nước nhà, nhưng thất-vọng với Bảo-Đại. Thêm vào đấy cái chết của Hoàng-Đạo trên chuyến xe lửa từ Hương-Cảng về Quảng-Châu (thi-hài được đưa xuống an-tửng tại trấn Thạch-Long) càng khiến ông hết tin-tưởng vào chính-trị và quyết-định rút khỏi chánh-giới (1948).

— *Trở về viết văn* : Năm 1951 ông từ Trung-Hoa trở về Hà-Nội tuyên-bố không thuộc đảng phái nào, không hoạt-động chính-trị ; sau đấy, ông vào Nam mở nhà xuất-bản Phương-Giang tái-bản lại những sách của Tự-Lực Văn-Đoàn. Lên nghỉ tại Đà-Lạt một thời-gian, đến năm 1958 « xuống núi » chủ-trương « Văn-hóa Ngày Nay » tập đầu ra ngày 17-6-1958, bắt đầu cho đăng « Có Mùi » một truyện trong tập trường giang tiểu-thuyết « Xóm cầu mới ». Văn-Hóa Ngày Nay ra đến số 11 (tháng 5-1959) thì đình-bản, truyện « Có Mùi » còn dở-dang.

Tháng 8-1959 giai-phẩm văn-nghệ Tân-Phong ra đời (hậu thân của Văn-Hóa Ngày Nay ?) nhưng không thấy Nhất-Linh cho đăng tiếp truyện dài, chỉ thỉnh thoảng có truyện ngắn của ông.

Tân-Phong tập 17 (tháng 3-1960) bắt đầu đăng Bính giớ Hùn nguyên tác của Emily Bronte (Wuthering Heights) bản dịch của Nhất-Linh.

TÁC-PHẨM

Tác-phẩm của Nhất-Linh có thể phân loại một cách tổng-quát như sau :

— *Nho-Phong, Người quay tơ* là những tác-phẩm đầu, còn nặng ảnh-hưởng Nho-giáo.

— *Đoạn-tuyệt* (1935), *Lạnh-lùng* (1936) là những tác-phẩm luận-đề, bài Nho.

— *Đôi bạn*, *Hai buổi chiều vàng* (tập truyện ngắn) là những tập truyện tình-cảm nhiều tính-cách lý-tưởng.

— *Thế rồi một buổi chiều* là tập truyện ngắn vừa tình-cảm (1) vừa có tính-cách xã-hội. Những truyện trong tập truyện này gồm có như sau :

— *Thế rồi một buổi chiều* : truyện tình-cảm.

— *Chết dở*

— *Nghèo*

— *Hai cảnh ngoài-phố*

— *Hai vẻ đẹp*

— *Hai chị em*

— *Tiếng kêu thương*

Sáu truyện này nhiều tính-cách xã-hội vì nói đến những cảnh khổ của kiếp nghèo.

— *Bướm trắng* : Viết theo lối tham-hiềm nội-tâm con người.

— *Đi Tây* : Truyện trào lộng

— *Anh phải sống*

— *Gánh hàng hoa*

— *Đời mưa gió*

Viết chung với Khái-Hung



(1) Chúng tôi biết danh-từ « tình-cảm » dùng ở đây hơi gượng ép, chỉ cốt để phân-biệt với loại truyện ngắn tính-cách xã-hội, đề-cập đến cảnh nghèo.

Phân-tích tác-phẩm

Đoạn-Tuyệt

A.— Lược truyện.

Đoạn-tuyệt chia làm 3 phần :

Phần một (bảy chương) : Giới-thiệu các nhân-vật chính. Loan một cô gái mới, yêu Dũng nhưng bị cha mẹ ép gả cho Thân vì đã nhận lời từ khi Loan còn nhỏ. Dũng con quan Tuần, có những hành-vi quá táo-bạo (làm cách-mạng), ông Tuần sợ lụy đến mình nên từ con. Ngày gia-đình Thân đem đồ lễ đến ăn hỏi, Loan đến căn gác trọ tòi-tàn gặp Dũng quyết tâm hội thề về tình yêu của chàng để nàng quyết định về chuyện hôn-nhân kia. Dũng vốn yêu Loan nhưng khi biết Loan đã là vợ chưa cưới của người khác, không muốn gây thêm rắc-rối cho đời Loan, chàng làm như chỉ coi nàng là bạn thôi. Loan thất-vọng ra về. Lần thứ hai Loan đến Dũng thì chàng đã đi xa.

Trước ngày cưới Loan, một hôm Dũng về nhà ông Giáo Lâm, vợ là Thảo. (Lâm, Thảo là đôi bạn chí tình của Dũng lẫn Loan). Vô tình Loan cũng vừa rảnh việc cổ bàn lại chơi. Dũng toan tránh

mặt mà không xong. Hai người gặp nhau bên lò sưởi, rồi cùng Thảo nâng cốc rượu ly-biệt. Dũng lên đường gió bụi, Loan lên đường về nhà chồng. Ngày lên xe hoa Loan có thoáng thấy Dũng trong đám đông. Đêm tân-hôn Loan nghĩ đến Dũng, trong khi đó chàng đáp-chuyến xe lửa đêm đi Yên-Báy.

Phần hai (mười hai chương). Những tình-tiết xung-dột giữa mới và cũ. Ông chồng (Thân) thì đàn-độn, tầm thường, mẹ chồng thì cay-nghệt, em chồng thì đào-đẽ nhõ-nhen, vợ lẽ chồng thì ngu dốt mà lại muốn lằng-loàn, các bà con nhà chồng thì về hòa nhau để khích-bác hành-hạ Loan. Sự đàn-áp khắt-nghệt đến nỗi Loan sinh con giai mà hầu như chẳng có quyền gì về con. Khi con ốm nàng không được theo thuốc Tây. Bà mẹ chồng mê-lin mang thằng bé đi chữa bằng tân nhang nước thảo đến khi chết còn đồ vấy cho nàng. (Trong họ nhà chồng chỉ có Đức, người em họ làm thầy thuốc ở nhà thương Hà-Nội là hiền được Loan).

Phần ba (mười chương). Tối một buổi tối kia Loan không muốn cho Thân tắt đèn để lên xuống với Tuất ở nhà dưới, hai người cãi nhau. Bà Phan ở buồng bên cũng sang để xỉ-vả Loan. Cuộc xô-xát gây-go dần rồi tới mức Thân hăng máu cầm chiếc lọ đồng xông lại đánh Loan. Loan hốt-hoảng cầm con dao rọc sách để đỡ, Thân mất đà ngã mạnh vào mũi dao mà chết. Vụ án giết chồng đưa ra công-lý. Nhờ tài hùng-biện của luật-sư biện-hộ cho Loan về tội ngộ-sát và kịch-liệt lên án chế-độ gia-đình cũ, Loan được tòa tha bổng. Cuộc xung-dột chấm dứt : mới thắng cũ, cá-nhân đoạn-tuyệt với gia-đình.

Bà Hai (mẹ Loan) mất, Loan bán nhà giải món nợ ba ngàn đồng trước đây vay của bà Phan, rồi thuê nhà mở trường dạy học tư. Bị bên nhà chồng phá, việc dạy học thất-bại, một lần nữa Loan dời chỗ ở dọn đến một căn nhà tồi tàn nhưng mà rất quý đối với Loan, vì ở nhà đó Loan có cảm-lường sống cái đời của Dũng sống trước kia, độ Dũng mới từ bỏ gia-đình. Ngày ngày Loan đến làm việc tại tòa báo Minh-Nhật : đánh máy chữ, dịch những bài lật-vật ở các báo Tây.

Dũng vẫn theo dõi cuộc đời của Loan từ ngày nàng lấy Thân. Chàng hối vì đã để cho nàng đau khổ. Chàng viết thư cho Thảo kể hết nỗi-niềm và mong Thảo thu xếp cho Dũng được cùng Loan đoàn-tụ. Lá thư ấy Thảo đưa cho Loan xem đúng vào một đêm giao-thừa dạt dào gọi cảm. Đọc xong thư, Loan từ biệt vợ chồng Lâm-Thảo trở về nhà được yên-tĩnh nghĩ đến cái sung sướng của mình. Thảo nhìn theo tình-nghịch bảo chồng : « *Hiện giờ có một người sung-sướng. Người đó đang đi ngoài mưa gió, quên cả mưa ướt, gió lạnh...* »

B. — Loan và sự tiến-triển tâm-lý của nàng (1)

Đoạn-Tuyệt là truyện đời Loan. Thái-độ Loan đã rút khoát quyết-liệt với cái cũ, ở ngay chương đầu. Khi cùng Thảo nhắc đến chuyện cô Minh-Nguyệt vì gặp mẹ chồng ác mà tự-lí, Loan phát-biểu ý-kiến của nàng về nếp-sống tự-do :

« *Việc gì mà hết hy-vọng. Mẹ chồng ác thì đi*

(1) Tất cả những đoạn văn trích sau đây, đều căn-cứ vào cuốn Đoạn-Tuyệt do Phương-Giang xuất-bản 1938.

chỗ khác mà ở, chồng ghét thì lại càng nên đi lắm. Khổ là vì cứ tưởng mình là thân con gái thì phải lấy gia-đình chồng làm gia-đình mình, nếu mất gia-đình ấy là đời mình bỏ đi. Sao lại thế được. Mình sống, muốn sống thì sao không thế một mình mình sống được, nếu cái gia-đình kia không cho mình được sung-sướng. Sao đàn ông họ bỏ vợ này lấy vợ khác lại là sự thường » (tr. 4).

Một chỗ khác, ý-nghĩ thiết-tha của nàng về một nếp sống tự-lập :

Loan nhìn Dũng, ngắm-nghía vẻ mặt cương-quyết, rắn-rỏi của bạn nghĩ thầm :

— Học-thức mình không kém gì Dũng, sao lại không thế như Dũng, sống một đời tự-lập, cường-tráng, can chi cứ quanh-quẩn trong vòng gia-đình, yếu-ớt sống một đời nương-dựa vào người khác để quanh năm phải kinh địch với những sự cớ-hủ mà học-thức của mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn-cảnh, hợp với quan-niệm mới của mình (tr. 8).

Nghĩ thì thế, đến khi vào thực-tế chính Loan cũng gặp hoàn-cảnh y hệt cô Minh-Nguyệt, mà nào Loan có thoát-ly được ?

Thoạt nàng đành chịu để cha mẹ mình ép gả cho Thân :

— Vâng, con nhận rằng con mới quá, nhưng con đã đi học, không thể không cứ xù theo sự học của con được. Bây giờ thì tùy quyền thầy mẹ.

.

— Dẫu sao thầy mẹ cũng chớ nên phiền muộn.

Rồi con sẽ nghĩ lại và con sẽ trình thầy mẹ biết ý con nhất định về việc đó ra sao (tr. 27).

Loan đã nhượng-bộ cha mẹ vì chữ hiếu.

Khi về nhà chồng, nàng gắng yêu chồng mà không được vì Thân dân-dộn quá. Tuy-nhiên thái-độ của nàng cũng rất mực phải chăng, không có chi là lằng-loàn. Loan đề-nghị với Thân, nên xin bà Phán cho ra ở riêng. Thân không bằng lòng. Loan ghê tởm cho cái đời làm vợ giả dối của nàng, cho cái bôn-phận nàng là cái máy đẻ, nhưng rồi cũng đành cam chịu. Theo Tây-học, nhiễm đức-tính thẳng-thắn; Loan có thể eam chịu mẹ chồng mắng chửi vào mặt mình nếu bà cho đấy là lỗi, chứ nàng không chịu được những lời bóng gió, mát-mẻ, xa-xôi. Nàng đã thưa lại với bà Phán bằng một giọng chân thành :

— *Thưa mẹ, mẹ đã cho con về làm con, làm dâu, thì xin mẹ coi con như là một người trong nhà hay thì mẹ khen, có lỗi thì mẹ mắng. Con xin nhận lỗi và nhận những lời mẹ mắng con, dạy con. Bởi vì con biết đó không phải là những dạy dắt làm con đau-khổ vô-ích mà là những lời của một người mẹ vì yêu mà mắng (tr. 77).*

Lời nói của Loan dễ thương như vậy mà nào bà Phán có hiểu. Bà vẫn cho là Loan hay lý-sự và bà vẫn mát-mẻ vẫn mỉa-mai bảo Loan :

— *Tôi thì tôi đâu dám mắng cô, mà ai mắng nời cô ở nhà này, cô cứ dạy quá lời. Giỗ tết nhà tôi cô không thêm biết đến thì thôi ai bắt. Tôi chỉ nói để cô biết từ rầy cô có đi đâu thì cô cho tôi hay, kẻo*

ở nhà này có kẻ ra người vào, lỗ mất mát cái gì thì một mất mười ngờ, người ta nói ra nói vào thêm khó-khăn ra (tr. 78).

Như vậy là bà Phán nghi Loan khuôn của về nhà bố mẹ đẻ. Khi Loan nói là biên mấy chữ đề lại, thì đây là lời Bích — cô em chồng chứng tỏ hết cái nhỏ-nhen của cảnh chị dâu em chồng :

— Biên chữ thì ai xem được, nhà tôi có ai đồ bằng nọ bằng kia như chị dâu mà bảo xem nổi.

Rồi quay mặt đi, nói một mình, nhưng có ý để Loan nghe rõ :

— Hơi một tí là đem chữ ra khoe (tr. 78).

Ấy cảnh Loan bị hành-hạ ở nhà chồng là vậy, nàng vẫn cần rắng chịu đựng. Rồi cảm bằng như đời mình bỏ đi, nàng nghĩ đến gầy dựng tương-lai cho đứa con trong bụng.

Sự chịu đựng của Loan thực đáng khen và đúng như lời luật-sư sau này cãi cho nàng :

« Buộc cho Thị-Loan cái tội quấy rối gia-đình ư ? Chính Thị-Loan lại là người tha-thiết muốn được yên sống trong gia-đình. (tr. 169).

Cương-quyết, rút khoát trong ý tưởng, nhưng lại biết hy-sinh, nhẫn-nại khi vào hoàn-cảnh, sự tiến-triển của tâm-lý Loan rất uyển-chuyển và rất « người » ở chỗ đó.

Sau này nàng được trắng án, về mở trường dạy học, người ta còn theo đuổi phá-hoại không để cho yên, rồi cuộc nàng vào làm cho tòa báo.

Minh-Nhật là tờ báo vẫn bình-vực phải mới thì không còn ai quấy rối nàng được nữa. Sự thắng của Loan đẹp ở chỗ thắng-thần địch-đáng và hoàn-toàn tự-lập.

C.— Mỗi tình lãng-mạn của Loan, Dũng.

Hình ảnh Dũng đã biến thành một ám-ảnh đối với Loan từ đầu đến cuối truyện, ở ngay cuối chương đầu Loan đã thú-thực tình yêu đó với Thảo :

Vậy chỗ chị em, em không dứt điểm, chị hẳn biết cái tình của em đối với anh Dũng (tr. 10).

Hai lần Loan đến nhà Dũng trước ngày quyết định lấy Thân.

Trong phòng cô dâu đêm tân-hôn « Loan nhắm mắt lại, rùng mình nghĩ đến rằng đó là nơi chôn cất đời thơ ngây trong sạch của nàng » (tr. 28).

Sự thực Loan có thiện-chí muốn được yên thân vui với cuộc đời mới để quên mỗi tình với Dũng, mỗi tình không còn lý-do tồn-tại nữa.

« Loan cho việc đối-đãi với mẹ chồng không phải là việc khó-khăn. Việc cần-thiết là làm thế nào yêu được Thân. Vì nàng có yêu Thân thì đời nàng từ nay mới có nghĩa lý » (tr. 60).

Khi Thân đặt tay lên vai Loan, hình ảnh Dũng lại hiện rõ-rệt trong trí tưởng-tượng của Loan (phản-ứng khởi đầu). Đến khi Loan thấy Thân giải một miếng vải trắng lên chiếu.

«... nàng hiểu, và cảm thấy tất cả cái mọi rợ trong cử-chỉ của Thân lúc đó. Nàng mỉm cười khinh-bĩ nghĩ thầm :

— *Chỉ có sự trinh-tiết của tâm-hồn là đáng quý thôi* » (tr. 61).

Rồi suốt trong mấy tháng chung sống, Loan muốn yêu mà không yêu được. Thân tâm thường dần-độn, cổ-hủ quá thành thử cuộc hôn-phối giữa Loan và Thân chỉ làm mối tình của Loan với Dũng thêm phần xót-xa. Trong cuộc đời làm vợ bất đắc-chỉ của Loan, hình ảnh Dũng luôn luôn xuất hiện như một niềm an-ủi.

« *Chỉ có sự trinh-tiết của tâm-hồn là đáng quý thôi* » ý nghĩ thầm trên đây của Loan trong đêm tân-hôn, Loan đã biểu-diễn thành lời nói thực với Thảo, khi nàng còn trên giường bệnh sau lần đẻ khó-khăn và vẫn đinh-ninh rằng mình khó qua khỏi được :

— « *Một người đàn bà như em mà lúc chết đến nơi không mấy may thương chồng, thương con ! Chị tính như thế có đau lòng không...* Vì Thân nào có phải là chồng em, đối với mọi người em là vợ Thân... nhưng đối riêng với em, với chị, thì trước sau em chỉ là vợ Dũng, người vợ trong tinh-thần của Dũng » (tr. 104).

Nằm bên chồng Loan nhớ đến Dũng, khi ôm con Loan nhớ đến Dũng. Con chết, nhân một chuyến đi chơi, bất-ngờ gặp Dũng giữa đường rừng. Dũng xin đi nhờ xe (của bà Huyện Tịch) về Việt-Trì buộc thuốc, Loan những « *thăm mong cho chiếc xe kia đâm vào thân cây hay hốc đá và tan-tành ra như cám để nàng được hưởng một cái chết mạnh-mẽ* »

bên cạnh người nàng vẫn yêu mà lúc này nàng càng thấy yêu» (tr. 109).

Được nửa đường ô-tô ngừng để lấy nước, Dũng đi ; « Thoáng một lúc nàng có cái ý-tưởng liều lĩnh bỏ cả gia-đình, bỏ chồng con, bỏ cái xã-hội nàng đang sống, bỏ hết, nhắm mắt theo Dũng, liều thân sống với Dũng một cuộc đời rộn-rã, rồi sau này muốn ra sao thì ra » (tr. 111).

Bị bắt vì tội ngộ-sát Thân, khi ra trước Tòa Loạn nhờ đến Dũng. Khi được Tòa thả trắng án trở về đời sống tự-do, ngồi trên xe nhìn gió đùa ánh-sáng Loạn nhờ đến Dũng...

Ngược lại về phần Dũng, tình yêu của chàng với Loạn cũng chân-thành, kín-đáo và cảm-động. Làm ra vẻ chỉ coi Loạn như bạn để Loạn yên lòng về nhà chồng, khi ra đi kín-đáo mang theo ảnh của Loạn ; trước ngày cưới Loạn, có tạt về Hà-Nội ; tuy hoạt-động nơi xa nhưng vẫn hằng theo dõi cuộc đời Loạn ; ngày Loạn ra Tòa có mặt Dũng trong đám đông và sau cùng ngày Loạn tự-do và hoàn-toàn đoạn-tuyệt với cuộc đời cũ thì bức thư của Dũng tới tay Thảo.

Chính màu sắc lãng-mạn của mối tình trong sạch, lý-tưởng và thoát như tuyết-vọng giữa Loạn và Dũng đó đã làm bối-cảnh cho luận-đề, khiến cho phần luận-đề bớt vẻ lý-trí khô-khan, máy móc và khiến Đoạn-Tuyệt gây được tác-động vô cùng sâu xa trong một thời.

— Lãng-mạn cảm-động ở cảnh Loạn đến thăm Dũng, chàng đã đi, Loạn ngắm mình trong gương và :

« Bỗng nàng luôn luôn chớp mắt cảm-động, nàng nghĩ đến cái gương này trước kia không biết đã bao lần in bóng người nàng yếu, mà có lẽ bấy lâu chỉ in những vẻ mặt đau-đớn ưu-tư của người đó. Nay người soi gương đã đi xa, thật xa... và bỏ nàng lại với những ngày dài dằng-dang của một đời mà nàng chắc là buồn tẻ, đưu-hiếu... » (tr. 33).

— Lãng-mạn ở cảnh đời « nhân-tình kín-đáo » đó gặp nhau bên lò sưởi, rồi ngày hôm sau chàng lên đường gió bụi, nàng lên đường về nhà chồng, cam chịu một cuộc hôn-phối bất đắc-chí.

— Lãng-mạn ở tâm-tình u-ẩn của chàng ra đi rồi một đêm ba mươi tết dừng bước giang-hồ tại đồn-diên hạn, tưởng nhớ đến người yêu ở chân trời xa :

« Lờ mờ dưới ánh sao, dòng sông lẩn trong sương lạnh-lẽo, mơ-màng uốn khúc. Sau những chòm cây đen rải-rác dưới chân đồi, đèn nền cùng giao-thừa ở trong các nhà dân quê thấp-thoảng ánh lửa vàng.

Dừng lắng tai cố nghe tiếng pháo ở những nơi xa xa rồi lại xa hơn đưa lại và tưởng-tượng theo những tiếng pháo đó cứ mỗi lúc một đi xa mãi cho đến tận phía chân trời, nơi Loan ở » (tr. 93).

D.— Luận-đề Đoạn-Tuyệt.

Trước hết chúng tôi hãy ghi nhận đây ý-kiến của ông Phạm-thế-Ngũ về Đoạn-Tuyệt, tiêu-thuyết luận-đề :

«Tiểu-thuyết luận-đề là tiếng dùng đề dịch thành-ngữ Pháp Roman à thèse. Luận-đề đây là chỉ cái chủ trương, cái quan-niệm có hệ-thống của một tác-giả về một vấn-đề trọng-đại của tư-tưởng và liên-quan đến xã-hội, nhân-sinh. Nhà văn viết ra một câu truyện với chủ ý trình-bày những nhân-vật, dẫn-dắt các tình-tiết để đi đến một kết cục, tất cả nhằm bênh vực cái quan-niệm của riêng của mình. Thật ra thì tác-phẩm nào chẳng mang tư-kiến của tác-giả và có rất nhiều tiểu-thuyết phản-ảnh những quan-niệm của tác-giả, tuy nhiên vẫn không được coi là tiểu-thuyết luận-đề. Người ta nhận ra tiểu-thuyết luận-đề ở chỗ tác-giả đã rõ-rệt chủ ý bênh vực một quan-niệm để chống lại một quan-niệm khác và rõ-rệt uốn nắn câu chuyện, khuôn đúc nhân-vật để phục-vụ cho chủ ý của mình...

.

«Đoạn-Tuyệt được coi là tiểu-thuyết luận-đề vì Nhất-Linh trong tác-phẩm ấy đã chủ ý rõ-rệt bênh vực quan-niệm sống mới của cá-nhân, chống lại quan-niệm sống cũ của gia-đình và rõ-rệt khuôn đúc các nhân vật, uốn nắn câu chuyện để cho cuối cùng chủ-trương của ông đắc thắng, người đọc có cảm tình với cá-nhân và đứng vào phe mới. Ông đã đưa một nàng Loan bỏ hạnh-phúc cá-nhân, hy-sinh bước vào gia-đình cũ, để lần lượt chứng kiến và làm nạn-nhân cho tất cả những cái cô-hủ lạc-hậu ngu muội, tức cười hay thê-thảm có thể thấy trong tục-lệ và tâm-lý của gia-đình cũ; Rồi đến bước cùng, nàng mắc tội oan giết chồng phải vào khám và ra tòa. Kết cuộc nàng được tòa thấu nỗi oan và tha bổng, Loan đắc thắng trước pháp-luật, đắc-thắng ở hạnh-

phúc cá-nhân (Dũng trở về nơi nàng) lại đặc-thắng trong cảm-tình của độc-giả thông-cảm nàng, chia sẻ những nỗi khổ và tán thành quan-niệm của nàng tức là gián-liếp bệnh-vực cho luận-đề của tác-giả (1).

Vấn-đề thời-đại.

Vậy ở Đoạn-Tuyệt tác-giả nêu lên một vấn-đề cấp-thiết của thời-đại : Vấn-đề xung-đột mới cũ. Ngay đến tác - phẩm, tác - giả có lời đề tặng như sau :

« Tặng KHÁI-HUNG tác-giả « Nửa chừng xuân ». nhà văn cùng một quan-niệm với tôi về xã-hội hiện thời. Tặng các thanh-niên nam-nữ đã từng chịu những nỗi khát-khe của cuộc xung-đột mới cũ ».

Nội-dung cuộc xung-đột mới cũ đó chúng ta đã cảm thấy ngay khi đọc mấy trang đầu. Nào tin cô Minh-Nguyệt tự-tử vì mẹ chồng ác ; nào lời nói của Loan : *« Mẹ chồng ác thì đi chỗ khác mà ở... »* nào lời nói của Dũng : *« Truyện gia-đình bao giờ cũng rắc-rối ; nào tự-do kết hôn, nam nữ bình-quyền, mẹ chồng nàng dâu, bao nhiêu thứ lỗi-thời... »*

Hãy lần dở Đoạn-Tuyệt từ đầu đến cuối, chúng ta sẽ gặp những cái dở của xã-hội cũ :

— Gia-đình đàn-áp cá-nhân. — Đại gia-đình — mà đại-diện là người gia-trưởng — có toàn-quyền đàn-áp cá-nhân, dư-luận xã-hội bao giờ cũng về phe gia-trưởng. Dũng bị ông Tuần tù, chàng giải-thích hành-động đó của cha .

(1) Phạm-thế-Ngũ — Bài Việt-văn kỳ thi Tú-Tài-Quốc-học Tùng-Thư tr. 244 - 245.

« — Thầy mẹ tôi đâu đang báo hay nói khắp nước Nam rằng không nhận tôi là con, tôi cũng vẫn là con, vì đã đẻ tức là con rồi, không nhận cũng vô-lý như khi mới đẻ lại báo rằng không đẻ. Vậy từ con chỉ là không chia của cho con nữa.

Tôi thiết gì của ấy. Tôi vẫn sẵn lòng không lấy lắm. Hay nếu từ là đẻ không muốn thấy mặt tôi nữa thì tôi vẫn sẵn lòng đi kia mà. Vậy từ chỉ có một sự ích lợi : là báo thù con. Vì ở xã-hội ta, một người bị cha mẹ từ là một người bỏ đi, một người khốn nạn, đủ hết các tính nết xấu (tr. 16).

Con giai thì thế, về phía con gái như Loan, trong việc cưới xin chẳng hạn, thì cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đấy. Đây là lời Loan tự hỏi vào ngày Thân đem đồ lễ đến ăn hỏi :

« Sao nhà trai đến hỏi mà thầy mẹ lại không bảo mình đến nữa câu. Thế thì mình có hay không có ở nhà này, mình lấy chồng hay ai lấy chồng » ? (tr. 23).

Sự uy hiếp của đại gia-đình mạnh-mẽ đến nỗi đưa con của Loan đẻ ra cũng không là con riêng của nàng :

« Loan chắc từ nay không có cách gì cho nàng thoát ra được, không những chỉ một mình nàng, đến ngay đứa con đẻ ra mà nàng cũng thấy nó xa nàng lắm. Nó không là con riêng của nàng nữa mà của chung gia-đình nhà chồng, mới ra đời đã thấy người ta lôi kéo đi, lôi về cái đời cũ, nàng biết trước rằng không sao ngăn ngừa được » (tr. 98-99).

Đời Loan bị nhục-nhẫn tù-hãm là thế mà mĩa-mai thay nàng không dám xử-dụng biện-pháp ly-dị chồng vì :

« Chắc em không nói chị cũng đoán ra. Mẹ em không đời nào hiểu được cái khổ, nhất là cái khổ về tinh-thần của em. Mẹ em không thể tưởng-tượng em có thể bỏ chồng được ! Nếu em bỏ chồng thì lại làm mẹ em đau lòng hơn là trước kia em không nghe lời mẹ em ».

(Lời Loan nói với Thảo tr. 123).

Vì hy-sinh cho mẹ, Loan phải lấy Thân, rồi qua bao nhục-nhẫn đau-khổ, tới ngày kia Loan mắc tiếng oan giết chồng, bà Hai (mẹ Loan) vẫn chưa hiểu thấu thâm cảnh của con, bà khóc tay đầm vào ngực than vãn :

« Nó làm khổ tôi. Nó làm rơ-riều cả nhà tôi. Hai bác tính tôi hiểm-hoai có mỗi một đứa con, cũng tưởng gây-dựng cho nó nên người tử-tế, có ngờ đâu bây giờ tôi hóa ra mẹ một đứa con giết chồng. Nhục-nhã chưa ? » (tr. 153).

Trong gia-đình mẹ dễ với sự thương xót của tình máu mủ mà Loan còn bị đàn-áp là thế, huống chi về nhà chồng nơi khác máu tanh lòng, nơi câu nói của miệng là *« mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng »*.

Người duy-nhất có thể trực-tiếp bênh-vực Loan là Thân thì Thân chỉ là một người đàn-ông ngu-dần, không lý-tưởng, không hiểu nổi những băn-khoăn thắc-mắc của vợ, luôn luôn sống như một vị thành-niên dưới uy-quyền của mẹ là bà Phán Lợi.

Vì vậy cuộc đời làm dâu của Loan, đơn thương độc mã, gặp biết bao cảnh đau lòng :

— *Mẹ chồng nàng dâu xó-xát.*— Bà Phán Lợi luôn luôn muốn tỏ uy-quyền chuyên-chế của mình khiến Loan phải ngạt thở, bà luôn luôn gây xó-xát để được dịp đẩy vò Loan.

— *Chị dâu em chồng.*— Bích cô em chồng, vô học, danh-dá không bỏ lỡ một dịp nào để hoặc trực-tiếp gây chuyện với Loan, hoặc « bỏ mắm bỏ muối » cho câu chuyện thêm lăm-lẫn về phía Loan để dễ bề súi bầy mẹ và anh mà gây thêm sóng gió.

— *Họ hàng nhà chồng.*— Họ hàng nhà chồng cũng tự thấy có quyền hành-hạ Loan. Loan vô tình vắng nhà hôm có giỗ. Bà Huyện Tịch, một người cô của Thân tìm cách « giới dầu vào đám lửa ».

Bà Tịch cười hỏi ba Phán :

— *Thế nào có trứng rỗng đã về, đi đấy ư ?*

...
Đấy tôi đã can chị, chị không nghe, cứ đi rước, những thứ ấy về. Rước những hạng tân-thời ấy về để nó làm bại-hoại gia-phong nhà mình. Nó học giỏi mặc nó chứ, nhà mình là nhà có phép tắc nề nếp.

Rồi quay nói với Thân :

Thế nào là dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Cũng tại anh cả, quen chiều vợ, để mặc nó làm gì thì làm, bây giờ thì nó đã quen thân, mất nết, chậm quá rồi... hồng » (tr. 79).

Bên lề cuộc đời Loan là hình bóng một vài phụ-nữ khác đã đi bước trước cùng cảnh-ngộ Loan :

Cô Minh-Nguyệt tự-tử vì mẹ chồng ác.

Cô Lệ-Hồng cũng tự-tử vì cảnh làm dâu.

Cô cả Đạm bị cha mẹ ép gả cho con một ông Chánh-tổng giàu có ở quê nhà từ năm mười sáu tuổi. Khi về nhà chồng mấy lần bị mẹ chồng đánh chửi thâm-lệ. Thoạt cô cả Đạm còn phản-kháng về với bố mẹ đẻ, nhưng bố mẹ đẻ cũng đuổi cô về nhà chồng. Sau cùng cô cả Đạm đành chịu vào khuôn vào phép nhẫn-nhục nhưng đau-khổ ngấm-ngấm. Rồi hầu-hạ bà mẹ chồng ốm ho lao. Mẹ chồng chết, cô cả Đạm bị lây rồi cũng chờ chết.

Bên cạnh tấn thảm-kịch mẹ chồng, nàng dâu, còn những hủ-tục khác của xã-hội cũ như :

— *Trọng nam khinh nữ* : Bà Phan chỉ biết quý cháu trai, còn việc mẹ nó — Loan — thập tứ nhất sinh trên giường bệnh bà coi nhẹ.

— *Nạn đa-thê* : Khi Loan tuyệt đường sinh đẻ, Thân vụng trộm với Tuất, có mang rồi lấy Tuất làm lẽ. Khi sinh được thằng bé con trai, Tuất bèn tấp-lễnh lộng quyền với Loan.

Ông Phạm-thế-Ngũ có viết : « Việc cưới Tuất cho Thân là vừa để công nhận một sự hoang đâm vừa để thay thế cho Loan đã hết đường sinh đẻ. Nhìn Tuất, Loan tủi cho cái phận đàn-bà nói chung bị người ta mua về, hi-hục lấy người ta để nhận làm cái máy đẻ, làm con sen hầu hạ không công. Chế-độ đa-thê không thể có với quan niệm ái-tình thanh cao và sự tôn-trọng nhân-phẩm người đàn-bà (1).

(1) Phạm-thế-Ngũ — Bài Việt-văn kỳ thi Tú-Tài quyền HI trang 247 — (Quốc-Học Tùng-Thư).

— *Những chuyện mê-tin dị-đoạn* : Bà Phán tin ở sự bán-khoán, tin ở tàn nhang nước thải, chứ không tin ở thuốc Tây. Về việc Loan ốm, bà Phán nói :

« — *Tôi sợ thuốc Tây lắm. Vài ngày nữa khỏe mợ về nhà uống thuốc ta hơn. Đề chốc nữa tôi đi lễ cầu cho mợ khỏi... Mái, lúc thay áo cho con, mợ nhớ đưa cho tôi cái áo để tôi đem ra chùa làm lễ bán-khoán cho nó* » (tr. 98).

Khi con nàng ốm, bà Phán đem giao nó cho một thầy bùa. Đưa bé ngày một gầy-gò, Loan sinh nghi, đi hỏi chị em, mới biết phép chữa của bọn thầy bùa là cho uống tàn hương nước thải và có khi lại dùng roi dâu để đánh đuổi tà-ma ám-ảnh, nghĩa là đánh người ốm.

Thảm-kịch tranh chấp giữa mới và cũ, sau rốt đưa đến mối hàm-oan giết chồng và đòi bèn (Loan đại-diện phái mới, bà Phán Lợi phái cũ) cùng ra trước tòa công-lý, cũng là tòa án dư-luận của thời-dại. Qua lời buộc tội của ông Chương-Lý, lời biện-hộ của trạng-sur, chúng ta thấy rõ thái-dộ của tác-giả giữa hai quan-niệm mới và cũ.

Ông Chương-Lý kết tội :

« *Thị-Loan vì thông-minh nên sinh ra kiêu-hãnh không coi ai ra gì cả. Khinh mẹ chồng, khinh chồng, khinh bố chồng. Người nào thị cũng cho là vô học-thức. Các ngài hẳn hiểu rõ cái hại đọc tiểu-thuyết của những bọn thanh-niên biết tiếng Pháp : một luồng gió lãng-mạn cuối mùa thời qua đã để lại biết bao tai-hại.*

Vì kiêu-cường, vì lãng-mạn lại vì so-sánh những cảnh thân-tiền thấy trong tiểu-thuyết với các sự-thực tầm thường trước mắt, nên Thị-Loan tìm cách thoát-ly.

Cho là Thị-Loan muốn thoát-ly nữa, nhưng thiếu gì cách. Thị không nghĩ thế. Thị nữ giết chồng trong một lúc giận dữ...» (tr. 162).

Ông xin Tòa trị tội thật nặng để bảo-vệ nền tảng của xã-hội là gia-đình.

Trạng-sur bắt đầu cãi. Ông viện ra những chứng cớ tỏ rằng Loan không giết chồng và có thiện-chí muốn sống yên thân với gia-đình nhà chồng.

Trạng-sur lần tìm nguyên-nhân của thảm-kịch gia-đình đó :

« — Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Bà lại còn đổ cho Thị-Loan cái tội giết con ! Đến nay, bà đổ cho Thị-Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân-lý trái mùa và quá ư nghiêm-ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị-Loan và cái luân-lý cổ-hủ kia.

Nhưng nếu vượt lên trên và nghĩ rằng, không kể đến cá-nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả mà là lỗi ở sự xung-đột hiện thời đương khốc-liệt của hai cái mới cũ » (tr. 167).

Ông kết tội quan niệm « mua nàng dâu » cũ đã-mạn chẳng khác gì chế độ nô-lệ :

« Giữ lấy gia-đình ! Nhưng xin đừng lùm giữ

gia-đình với giữ lại nô-lệ. Cái chế-độ nô-lệ bỏ từ lâu, mỗi lần ta nghĩ đến không khỏi rùng mình ghê sợ! Ấy thế mà có ai ngờ đâu còn có cái chế-độ khốn-nạn ấy trong gia-đình An-nam.

Chắc các ngài sẽ sùng-sốt cho lời tôi nói là lạ. Nhưng thử hỏi : bị người ta bỏ tiền ra mua về và bị coi như thuộc quyền sở-hữu của người ta, như thế không là nô-lệ thì là gì nữa » (tr. 168).

Phần cuối bài cãi, trạng-sư dường như dờn hân mãnh đất lý-trí của nhà luật-học mà sang hẫu miêng đất tình-cảm, lời cãi thật thống-thiết : « *Thị-Loan chỉ có một tội là tội cấp sách đi học để rèn tập tâm-trí thành một người mới, rồi về chung sống với những người cũ, Thị-Loan chỉ có mỗi một tội đó. Nhưng tội ấy, Thị-Loan đã chuộc lại bằng bao nhiêu năm đau khổ.*

« Tha cho Thị-Loan tức là các ngài làm một việc công-bằng, tức là tỏ ra rằng cái chế-độ gia-đình vô nhân-đạo kia đã đến ngày tàn và phải nhường chỗ cho một chế-độ gia-đình khác hợp với cái đời mới bây giờ, hợp với quan-niệm của những người có học mới.

« Các ngài tha cho Thị-Loan tức là tha cho một người đã bị buộc tội oan, tha cho một người đau-khổ đã bị phi cả một đời thanh-xuân và đã đem thân hy-sinh cho cái xã-hội mới cũ khắt-khe này (tr. 169).

Đó là luận-đề mới cũ xung-đột, luận-đề chính của Đoạn-Tuyệt xảy ra cho Loan là nhân-vật chính của cuốn tiểu-thuyết.

Thiết tưởng chúng ta cũng không nên quên một luận-đề phụ ở một nhân-vật phụ, ấy là thái-độ chính-

trị của Dũng mà cũng là của tác-giả. Luận-đề phụ này hoàn toàn xuất-hiện ở phần hai chương bốn, câu chuyện.

Một buổi chiều về cuối năm Dũng dừng chân ít ngày ở đồn-diền một người bạn thân tên là Độ. Bằng những lời văn giản-dị nhưng rất gợi cảm, tác-giả thuật lại tình-cảm, ý-nghĩ rồi lời đàm-thoại của Dũng :

«Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân-quê, cái đời lạnh-lẽo, vô-vị kéo dài đã mấy ngàn năm. Đã mấy ngàn năm, họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít, khổ nhiều, bao giờ cũng thăm-đạm như buổi chiều đông này, không hề khao - khát một cảnh đời sáng - sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

— Chiều hôm ấy Dũng cảm như thấy tâm-hồn của đất nước, mà biểu hiệu cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa danh-nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường-dân » (tr. 87).

.
« Dũng vẫn thấy mình là một người dân và càng cảm thấy cái thú man mác được hòa với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thú hòa hợp ấy có lẫn chút rạo-rực, nao-nức : vì chưa được thỏa-nguyện về hiện-tình của dân quê nên còn khao-khát mà sự khao-khát không diễn

được nên lời ấy, nó bắt Dũng tin ở sự thay đổi, tin ở công việc Dũng làm trong bấy lâu và có lẽ còn làm mãi mãi, chưa biết bao giờ nghỉ.

Độ nhìn Dũng thương hại cho bạn bấy lâu sống cuộc đời gian-nan, vất-vả, phiêu-bạt khắp bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá thở dài, nói vắn-vơ một câu như đề mong an-ủi bạn :

— Sống không nghĩ-ngợi như bọn dân kia thể mà lại sướng.

Dũng đáp :

— Tôi không nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiến-bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được. Có lẽ họ đã quen với cái khổ lắm rồi, nên họ không biết khổ nữa hay họ có biết cũng không tỏ ra được... Ta phải diễn ra cho họ và những sự ta mong ước cho họ, ta phải làm cho họ mong-ước như ta. Tôi vẫn hằng mong ước dân-quê đỡ phải chịu hà-hiếp, ức-bách. Ta phải tin rằng sự ước-ao ấy có thể thành sự thực và làm cho dân-quê cũng mong một cách thiết-tha như ta (tr. 88).

Vậy nói một cách tổng-quát Luận-đề chính của Đoàn-Tuyệt là mới cũ xung-đột, trong đó Nhất-Linh kịch-liệt đả-kịch quan-niệm hôn-nhân lỗi-thời cũ, cùng những hủ-tục khác và ông đòi giải-phóng cá-nhân khỏi xiềng-xích cả gia-đình. Cá-nhân phải được tự-do, tự-lập.

Luận-đề phụ là thái-độ của tác-giả (qua nhân-vật Dũng) về vấn-đề cải-thiện dân-sinh. Tác-giả tuy có theo nguyên-tắc « Dân vi quý » của Mạnh-Tử

nhưng có thái-độ tích-cực hơn ở điểm đòi giáo-hóa cho người dân biết ham muốn đời sống mới. Lòng ham muốn đó chính là động-cơ thúc-dẩy cuộc cách-mạng dân-sinh.

—...—

Phê-bình Đoạn-Tuyệt

I.— Kết-cấu và động-tác câu chuyện.

A.— Nhận-xét tổng-quát.

Khởi đầu hãy xin đơn cử ra đây những dòng nhận-xét ngắn gọn và xác-đáng của ông Phạm-thế-Ngũ, sau đó xin có ý-kiến bình luận thêm.

Câu chuyện kết-cấu khá giản-dị. Chủ-ý tác-giả là trình bày cuộc xung-đột giữa mới và cũ, giữa cá-nhân và gia-đình. Phần một là sự-trạng xui-nén nạn-nhân phải bước vào hoàn-cảnh xung-đột. Phần hai là tất cả tình tiết của cuộc xung-đột và phần ba là cuộc xung-đột chấm dứt đưa đến mới thắng cũ, cá-nhân đoạn-tuyệt với gia-đình. Mặt khác thì lại còn là một câu chuyện tình, có ý-vị lãng-mạn-nhĩa. Phần một là mối tình của Dũng và Loan. Họ chia ly để phần hai Loan bước vào con đường bất-hạnh và phần ba nàng ra khỏi cơn ác-mộng trở về với Dũng. Thành ra một câu chuyện hóa hai. Ta có cảm tưởng như nếu chỉ trình bày một bức tranh xung-đột xã-hội thì thiếu hấp-dẫn,

nên tác-giả đã đem mối tình của Dũng mà dàn lên trên cho có thi vị lãng mạn, rồi bằng sự quay về của Dũng mà tăng thêm phần vẻ vang và sung sướng cho sự đắc thắng của Loan (1).

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy cách kết-cấu câu chuyện khá chặt-chẽ và động-tác khi khoan khi mau rất uyển-chuyển, khiến câu chuyện giữ được vẻ hấp-dẫn đặc-biệt. Câu chuyện kết-thúc bỏ lửng nhưng vẫn hé cho độc-giả thấy cuộc đời toại-nguyên của Loan được xum-hạp với Dũng sau này. Đúng như nhận xét của ông Phạm-thế-Ngũ lối giải kết bỏ lửng đó chính là đặc-điểm của nghệ-thuật mới vượt ra ngoài sáo xưa.

B. — Một vài tình-tiết không hợp-lý.

1. — Một nét tâm-lý của Loan.

Ở ngay chương I phần một, tác-giả đã cho chúng ta thấy cảnh Loan, Dũng gặp nhau với những cử chỉ ngôn-ngữ tế-nhị, chứng tỏ tình yêu kín-dáo giữa hai người. Nếu chúng ta lại nhớ đến Đồi Bạ là cuốn sách tụy ra sau nhưng thuật lại cuộc đời Loan Dũng trước Đoàn-Tuyết, cả tập truyện Đồi Bạ chỉ đề tả mối tình kín dáo của Loan Dũng. Sang đến Chương II của Đoàn-Tuyết, Loan đích thân đến thăm Dũng ở căn gác trọ tồi-làn của chàng, Dũng lúc đó đương sắp va-li để sửa-soạn đi, Loan đã tò mò nhìn ra một cái ảnh nửa người của nàng chụp hai ba năm về trước :

(1) PHẠM-THẾ-NGŨ — Bài Việt-văn kỳ thi Tú-Tài -- quyển III — trang 241 — Quốc học tùng thư.

« Nàng lấy làm lạ vì nàng không hề tặng Dũng bức ảnh nào. Cảm-động nàng nhìn bức ảnh của nàng mà Dũng có lẽ vì yêu nàng đã lấy trộm và lúc đi lại nhớ đem theo đi... Nàng thấy trong lòng man-mác, sung-sướng... » (tr. 14).

Vậy thì mối tình đó có, Loan Dũng và cả độc-giả nữa, tưởng không còn ai nghi-ngờ được nữa. Ấy thế mà sau vài câu chuyện Loan lại hờn giận nghĩ như sau :

«...Dũng nói luôn mấy câu nữa, nhưng nàng không để ý đến. Nàng đã biết được điều nàng muốn biết : là Dũng không yêu nàng, trước sau chỉ coi nàng như một người bạn » (tr. 18).

Cả Chương hai, Nhất-Linh tả tâm-trạng thất-mắc của Loan về tình yêu của Dũng, diêm mà lẽ ra không ai còn nghi-ngờ nữa, nhất là — tôi nhắc lại — khi chúng ta liên-tưởng đến *Đôi Bạn* (Điều này dưới đây khi bàn đến *Đôi Bạn* tôi còn nhắc tới). Cho đến khi đọc hết Chương hai này, người ta có cảm tưởng như chứng kiến Loan đến gõ một cái cửa bỏ-ngỏ rồi lại quay về mà than phiền rằng cửa vẫn đóng.

2. — Loan sinh con trai và bị ốm.

Chương V phần hai, Loan sinh con trai nhưng suýt nguy đến tính-mạng vì đẻ khó, phải mổ và hết đường sinh đẻ. Cả một sự kiện quan-trọng như vậy tác-giả chỉ thuật lại sơ-sài :

Có đỡ nói :

— Bà ấy sốt, lúc đẻ khó-khẩn lắm, phải mổ. Nhưng bây giờ đã khỏi (tr. 96).

Từ lúc mở đến lúc khỏi sao nhẹ-nhàng thế ? Và lẽ nào Loan để khó phải mở mà Thân không hề biết ? Lông-lẻo ở chỗ đó.

3.— Loan hấp-hối.

Sang chương VI Loan hấp-hối, viết thơ gọi Thảo đến giường bệnh căn-dẫn trả giùm tiền thuốc và tiền buồng, nhờ bạn nói dùm với Dũng là đến phút cuối-cùng nàng cũng không quên Dũng. Sang chương VII chúng ta đã thấy Loan đi chơi đèn Mầu với bà Huyện Tịch và suốt mấy giờ nàng được thỏa-thích chạy chơi hết các đồi gần đèn Mầu.

Đã dành việc khỏi bệnh bất-ngờ đó đã được sửa-s soạn trước ở Chương VI :

Thảo đoán là vì có chuyện bức-tức gì khác chứ không phải là vì bệnh trạng nguy-kịch mà Loan thốt ra những câu chán-nản ấy. Thảo xem ra Loan cũng không ốm nặng lắm, tuy bệnh kéo dài đã gần một tháng... » (tr. 102).

Tuy-nhiên ta thấy vẫn chưa đủ và Chương VI này cũng lông-lẻo như chương V trên.

4.— Loan đi chơi đèn Mầu với bà Huyện Tịch.

Bà Huyện Tịch là một người cô của Thân, xưa nay Loan vẫn ghét bà ta nhất vì bà hay sùu bà Phan Lợi. Mỗi ngày nào bà Tịch cười hỏi Bà Phan :

« Thế nào có trắng răng đã về rồi đấy ư ?

Rồi lại nói :

« Bấy, tôi đã can chi, chi không nghe, cứ đi rước những thứ ấy về. Rước những hạng tàn-thời ấy về để nó làm bại-hoại gia-phong nhà mình. Nó học giỏi mặc nó chứ ; nhà mình là nhà có phép-tắc nề-nếp ».

Rồi Bà nói với Thân :

« — Thế nào là dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về. Cũng tại anh cả, quen chiều vợ, để mặc nó muốn làm gì thì làm, bây giờ thì nó đã quen thân mất nết, chàm quá rồi... Hồng. (Chương II, phần hai, tr. 79).

Ấy thế mà đến Chương VII Loan đã nghiệm-nhiên được bà Tịch mời đi thăm đền Mẫu trên ô-lô của bà y như chỗ thân-tình vẫn qui-hóa nhau từ xưa đến giờ.

Đã đành có nhiều trường-hợp trước ác-cảm, san cảm-tình, nhưng sự biến-chuyển tâm-lý đó, đòi hỏi sự giải-thích. Sự giải-thích đã hoàn-toàn không có ở đây. (Việc đi chơi xa này của Loan cần để có sự bất-ngờ gặp Dũng bị thương và xe hỏng ở giữa đường rừng).

5. — Các chị em nhà chồng có dám nói mả Loan ?
Chương XII phần hai, nhà chồng có giỗ :

« Loan ngồi riêng ra một nơi, cúi đầu yên-lặng, không dự vào câu chuyện của chị em họ. Nàng biết, trước rằng hễ có dịp gặp nhau là họ nói cạnh nói khoe nhau và đem những chuyện tư chuyện riêng ra nói cho há dạ. Ngoài những chuyện ấy ra, họ cũng không biết chuyện gì, cũng như sống ở trên đời

ngoài những cỗ bàn bếp nước họ cũng không còn công việc khác nữa.

.

Gồm, chị trưởng hôm nay sao mà nghiêm-trang thế ?

Loan phải vội ngừng lên mỉm cười vì nàng biết là họ bắt đầu muốn sinh-sự. Một cô nữa vừa mỉm cười vừa nói tiếp :

— Nghiêm trang không đúng. Phải nói chuyện khinh-khỉnh. Người ta là nữ văn-sĩ kia mà, ai thêm nói chuyện với bọn quê mùa như các chị (tr. 140).

Chúng ta đã biết Loan là một cô gái thông-minh có học, hường-bình, lý-sự lại khôn-ngoa ở chỗ bướng bỉnh lý-sự trong khuôn phép, trong lễ phải (tỉ như lời nàng thưa lại với mẹ chồng (tr. 77). Chính Bà Phán Lợi tuy ghét nàng mà vẫn phải gờm nàng. Bích là cô em chồng dành-hạnh, tuy có nhiều lần hỗn sược với nàng nhưng nàng khinh không thèm chấp. Loan như vậy liệu các chị em nhà chồng có dám nói mả nàng như trên không và Loan có chịu mỉm cười im lặng không ? Tôi tin là không ! Vì vậy những nét tâm-lý trên đây mất phần thống-nhất.

6.— Loan và Thân dọn nhà lên Hà-Nội.

Chương I, Phần ba.

Loan thấy Thân nằm bên cạnh chốc chốc lại vật mình thở dài. Nàng biết Thân tức bực lắm, vì Thân chỉ đợi nàng tắt đèn đi ngủ là xuống nhà dưới với Tuất, vì từ hôm dọn nhà lên Hà-Nội để chữa lại

nhà ở dưới Ấp, Tuất về quê vắng, hôm nay vừa mới lên (tr. 144).

Trong Chương này có vụ ngộ - sát. Tác giả muốn vụ ngộ - sát đó xảy ra tại địa-phận Hà-Nội chăng, nên mới có vài lời giải-thích sơ sài là dọn nhà lên Hà-Nội để chữa lại nhà ở dưới Ấp. Cho tới Chương này độc-giả mới đột nhiên được biết bà Phán Lợi vẫn có nhà trên Hà-Nội. Nhà đó hẳn không phải nhà cho thuê bởi một lẽ rất giản-dị là Thân và Loan dọn lên ở ngay khi nhà dưới ấp chữa lại. Như vậy khi cả nhà bà Phán Lợi ở dưới ấp thì nhà đó bỏ hoang ? (Căn-cứ vào các tình-tiết trong chuyện độc-giả nào cũng phải nhận rằng cả nhà bà Phán Lợi đều ở dưới ấp) Thành thử độc-giả có cảm tưởng viết đến đâu thấy cần thêm chi-tiết nào, tác-giả tới lúc đó mới nhét thêm vài lời giải-thích vào đó.

7.— Sự tình-cờ đâm máu.

Sau cùng trong phần nhận xét về kết cấu và động tác này chúng ta cũng nên nhắc đến sự tình cờ đâm máu ở Chương I, Phần ba.

Trương-Tửu chê Đoạn-Tuyệt là đã phải nhờ ở một sự tình cờ và một nhà văn khác đã chê lối giải-quyết ấy là đâm máu.

Hai ý kiến đó đều không phải là không sáng suốt. Kể ra khi đọc xong cuốn truyện, gấp sách lại ta cũng phải đặt câu hỏi : « Ngộ không xảy ra sự tình cờ đâm máu thì cuộc đời Loan sẽ ra sao, nàng sẽ hành-động cách nào để chuyển bại thành thắng cho quan-niệm mới ».

Sở dĩ độc-giả khi vừa đọc tới chương đó không kịp đặt câu hỏi, vì động-tác chương này rồn-rập, tình thế căng thẳng dần cho đến lúc tai nạn xảy đến, lời văn thuật chuyện rất hấp-dẫn. Chính phần nghệ-thuật đã cứu vãn cho sự sơ-hở của phần nội-dung trong chương này.

II.— Nhận-xét về sự tiến-triển tâm-lý của các nhân-vật.

I.— Loan.

Tôi đã trình-bày ở một chương trên đây là sự tiến-triển của tâm-lý Loan rất uyển-chuyển và hợp-lý.

Ông Lê-Hữu-Mục viết trong cuốn « Khảo-luận về Đoạn-Tuyệt » là « ... Ông Nhất-Linh đã rất thiên-vị khi ông cho Loan « muốn yêu mà không thể được » tưởng như ông cho rằng lời ấy không phải là ở Loan, nhưng là ở Thân với nét mặt và đời sống quá tâm-thương của chàng. Ông có biết đâu lúc nào tâm-hồn Loan cũng chứa đầy hình-ảnh của Dũng thì còn yêu ai được nữa » (1).

Không ai chối cãi tâm-hồn Loan chứa đầy hình-ảnh của Dũng, và sang thời mới, trai gái đã tương-đối được tự-do nhiều thì việc người con gái về nhà chồng mang theo trong lòng một vài vương-vấn nào không có chi lạ. Tôi vẫn nghĩ rằng Thân có thừa trư-thế để xóa hình-ảnh Dũng trong tâm-hồn Loan, nếu Thân không quá dằn-độn, tâm-thương như vậy. Sự tan-vỡ kia Thân hoàn-toàn chịu trách-nhiệm.

(1) LÊ-HỮU-MỤC — Khảo-luận về Đoạn-Tuyệt — tr. 65— Khai-Trí xuất-bản.

Phê-bình tâm-lý Loan, ông Phạm-thế-Ngũ viết :

« Người đàn-bà ở thời nào cũng vậy, như chúng ta nghĩ, bản-tính dễ quên, dễ hòa-đồng, dễ uốn-nắn, lại thường lấy sự thành-thật sự mềm yếu mà dễ gây thiện-cảm với chung quanh. Ở đây ta thấy một mẫu phụ-nữ ít có : không then-thùng, không e-dè sợ-sệt, chủ-quan, cứng-cỏi, kiêu-hãnh, lý-sự, mới đến cùng. Nhất là về sau, khi đã thoát khỏi gia-đình Thân, trở về nhà, bán nhà cửa, dẹp bỏ bàn thờ tổ-tiên, một mình lặn-lội vào xóm nghèo, mở lớp dạy học, rồi lại giải-tán lớp học, vào làm báo, hàng ngày đi bộ trên một cây số để đến nơi làm việc : Loan trở nên một phụ-nữ phi-thường, một nữ siêu-nhân. Tâm lý Loan vì thế có chỗ thiếu sự thực linh-hoạt » (1).

Nhận-xét của ông Phạm-thế-Ngũ thật xác đáng, nhất là là việc dẹp bàn thờ tổ-tiên, tôi sẽ đề-cập ở phần bình luận-đề. Ở đây có lẽ chúng ta phải nghĩ : Đoạn-Tuyệt là một tiểu-thuyết luận-đề, Loan chính là một phụ-nữ lý-tưởng thời đó mà tác-giả nêu ra để chuyển bại thành thắng cho phái mới. Sau khi « Đoạn-Tuyệt » ra đời du-luận có xôn-xao, rồi rốt cuộc quan-niệm cũ phải tỏ vẻ kiêu-nể và có thái-độ hiểu biết hơn với quan-niệm mới điều đó là công lớn của Nhất-Linh bù vào cái tội quá-khích của ông qua nhân-vật Loan.

2.— Dững.

Thoạt xuất hiện một cách ẽm-ả, bình thường, nhưng về sau chàng trở thành một nhân-vật huyền-

(1) PHẠM-THẾ-NGŨ — Bài Việt-văn kỳ thi Tú-Tại —
Quyển III — tr. 243 — Quốc-học tùng-thư.

bí, ẩn hiện bất-ngờ. Chính hành-tung bí-mật có kèm theo mỗi tình u-ẩn của chàng với Loan đã làm độc-giả có cảm-tình nồng-nhiệt với nhân-vật này. Dù trong Đoàn-Tuyệt có phong-độ một Phạm-Thái tung-hoành với chí lớn nhưng vẫn mang trong lòng hình-ảnh của Trương-Quỳnh-Như.

3.— Các nhân-vật phụ khác.

— *Lâm, Thảo* đôi bạn tốt của Loan-Dũng, luôn luôn biết thương bạn, hiểu thấu những thắc-mắc của bạn và hết sức an-ủi giúp-dỡ bạn khi cần.

— *Thân*, một anh chồng tâm thương, ngu hèn từ nét mặt, cử-chỉ đến ngôn-ngữ.

— *Bà Phan Lợi*, người mẹ chồng cay-độc, khi thì mát-mẽ, khi thì hung-băn nhưng tất cả những lời nói cùng hành-động khác nhau đó đều vụ mục-đích hành-hạ Loan.

— *Bích*, cô em chồng vô học, danh đá, v.v..

Mỗi nhân-vật phụ đều có cá-tính riêng và giữ được cá-tính đó từ đầu đến cuối.

III.— Nhận-xét về luận-dề Đoàn-Tuyệt.

Luận-dề mới cũ xung-dột ! Ở Đoàn-Tuyệt Nhất-Linh dụng tâm quy-tụ mọi tật xấu của xã-hội cũ : những quan-niệm lỗi-thời về hôn-nhân, cưỡng ép trong việc gả bán, hạ thấp nhân-cách của người đàn bà, nạn đa-thê, cùng những hủ-tục khác như mê-tin dị-doan.

Tuy nhiên, ở Đoàn-Tuyệt có những điểm quá trớn.

1.— Đối với mẹ chồng.

Hãy nghe Loan đối đáp với mẹ chồng :

— *Không ai có quyền chửi tôi, không ai có quyền đánh tôi.*

— *Tao có quyền, mày chửi lại xem nào ?*

Loan quay lại :

— *Tôi không quen chửi, chửi người khác tức bản mồm mình.*

Ở Tòa ra, Loan xin lỗi mẹ chồng bằng một giọng ngang hàng :

— *« Tôi xin lỗi bà... còn như bà, nếu bà vẫn coi tôi như một kẻ thù, đó là quyền riêng của bà... »*

Đọc những đoạn như vậy chúng ta chẳng khỏi cảm thấy bùi-ngùi chua-xót. Bùi-ngùi chua-xót cho sự va-chạm đau thương giữa Mới và Cũ. Bùi-ngùi chua-xót cho giá-trị đạo-đức cố-hữu của dân-tộc bỗng chốc bị phá hủy vùi dập. Đạo-đức truyền-thống của dân-tộc là đạo hiếu, là kính lão đắc thọ. Bạc làm cha mẹ hầu hết để lại những gương hy-sinh đáng quý. Còn việc mẹ chồng nàng dâu thường xảy ra bất hòa cũng là lẽ dễ hiểu chung cho cả Đông lẫn Tây (các bà mẹ thường cảm thấy tình mẫu-lũ bị xâm-phạm, chia sẻ).

2.— Theo mới đến cùng.

Theo Nhất-Linh, tất cả những gì của xã-hội cũ đều hủ-bại, bởi vậy Nhất-Linh đã đề Loan đòi theo mới đến cùng. Sự thực có cái mới nào mà hoàn-toàn ly-khai hẳn cái cũ ? Hiện tại luôn luôn bắt

nguồn ở dĩ-vãng để tiến-triển vào tương-lai. Mặc dầu cố tình thỏa-mạ cái cũ, mà vô tình đòi chỗ Nhất-Linh vẫn đề thoát ra những cái đẹp cố-hữu của nếp sống cũ :

— Tình bằng hữu đáng quý của Lâm, Thảo há chẳng phản-ảnh tâm-hồn trung-hậu của nếp sống cũ ?

Hãy nghe lời đối-thoại giữa Loan với con sen :

— *Thưa cô, miễn ở với cô có đủ cơm ăn là con xin ở mãi. Tiền công cô cho mấy tháng nay, con chỉ ăn quà và tiêu nhảm.*

— *Thế còn chồng con chị ?*

— *Thưa cô, con chưa có cháu nào. Còn chồng con nó đi làm thợ mộc cũng đủ tiêu, con không phải lo.*

Rồi con sen cười để che cảm-động :

— *Ở với cô chẳng bao giờ sợ đói. Thế là đủ. Mà đâu có đói đi nữa thì hai cô cháu cùng đói. Xin cô đừng ngại (tr. 195).*

Đó há chẳng là nghĩa tứ thủy vô cùng đáng quý của nếp sống cũ ?

3.— Cá-nhân quá trớn.

Chỉ cần đơn cử đoạn văn sau này ở đầu Chương X, Phần Ba :

« Loan mở cửa bước vào nhà rồi ưỡn-oải đặt mấy cái gói giấy lên bàn. Nàng vừa ở phố về, mua mấy thức lặt-vặt để dùng trong ba ngày Tết vì, sáng

ngày con sen đã xin phép nàng về quê. Đưa mắt nhìn gian nhà vắng vẻ, tự nhiên Loan thấy buồn bã lạ thường. Trong lúc năm hết Tết đến, Loan còn cảm rõ nỗi cô-độc của nàng, một thân một mình sống trơ-trọi ; gian nhà này mỗi khi về nàng thấy ấm cúng bao nhiêu thì chiều hôm nay có vẻ lạnh-lẽo bấy nhiêu » (tr. 205).

Sự thực cảnh lạnh-lẽo này đâu chỉ vì thiếu có con sen ? Đó chính là cảm-giác cô-độc của một cá-nhân, không còn cha mẹ, không còn họ hàng thân-thích. Niềm cô-độc đó lại càng rõ rệt, chua xót giữa một nếp tình-cảm truyền-thống : năm hết tết đến, ai nấy ao-ước được đoàn-tu trong không-khí ấm-cúng của gia-đình. Tôi đây liệu Loan có dám thực-tình ca ngợi tự-do cá-nhân như một cái gì siêu-việt tuyệt-vời ? Tôi đây liệu Loan có thấy hối nếu nàng nhớ lại quan-niệm quá khích của nàng khi xưa :

« Nó có đời của nó, phớt lên nó phải hoàn toàn sống cái đời của nó. Theo lệ cũ, thì con mình cả đời chỉ quanh-quẩn lấy mình thôi, quanh-quẩn với những bần-phận trong gia-đình. Khi bố mẹ còn trẻ thì bố mẹ bắt con theo ý mình, đến khi bố mẹ già, nếu bố mẹ không lo liệu lấy thân thì tất nhiên con nó phải bận mưu sự sống cho bố mẹ. Tôi muốn nó có lòng kính-yêu tôi mà không bao giờ phải bận vì tôi (tr. 84).

Khi còn bé, cha mẹ dạy dỗ mình, khi đã trưởng thành mãi-mãi cha mẹ là cố-vấn cho mình. Và khi cha mẹ đã về già bần-phận cao-quý của kẻ làm con là phải nuôi-nấng, săn-sóc lo-lắng, đến sức-khỏe của các người.

4.— Quá trớn trong quan-niệm đồ - phá việc thờ cúng.

Sau khi được tha trắng án, Loan trở về sống với cha mẹ. Ít lâu sau bà Hai cũng bị bệnh mà mất. Loan bán nhà, bỏ bàn thờ. Lời Loan nói với bà dì :

— *Lư-hương với cây nền cháu đã bán đi rồi, đây chỉ là cái bàn không, cháu để lại cho chủ mới.*

Cháu thì cháu chỉ biết thờ ở trong lòng. Cần gì phải thờ, cần gì phải người thừa-tự (tr. 185).

Đồng-y quan-niệm trọng nam khinh nữ phải bỏ, không cần lập người thừa tự, nhưng đâu có phải vì thế mà bỏ hẳn việc thờ cúng tổ-tiên ? Ông Phạm-Thế-Ngũ phê-bình : *« Còn như chủ-trương chỉ thờ tổ-tiên ở trong lòng như lời Loan nói thì hoặc là nguy-biến hoặc là lý-tưởng cao xa quá. Sự thờ cúng nào mà chẳng cần đến một tối thiểu hình-thức lễ-nghi. Không có hình-thức bên ngoài thì rồi đối-tượng bên trong cũng không còn nữa ».*

IV.— Văn-chương Đoàn-Tuyệt.

Lời văn trong sáng, nhận-xét tế-nhị, gợi hình gợi cảm.

Cả Chương V, Phần một, Nhất-Linh đã khéo gợi lại được cuộc gặp mặt với những rung-động tâm-tình tế-nhị của những cặp tình-nhân muôn thuở.

Những câu tả cảnh của Nhất-Linh ít khi là tả cảnh thuần-túy, thường có lẫn quất tâm-tình :

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như giấc-mộng ; mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên, đợi gió (tr. 86).

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiều ngày cuối cùng của một năm, còn lảng-vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt-thướt trên cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải-rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như đê nên dưới vẻ to-tát của trời đất rộng-rãi. Khói thời cơm chiều của một vài nhà dân không còn có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu lam ôm-ấp lấy các mái tranh (tr. 87).

Cảnh đêm giao-thừa ở miền trung-du, hòa với tình Dững yêu Loan khi chàng tha-thiết nhớ đến nàng, tất cả đã được Nhất-Linh ghi thành những dòng vô cùng gợi cảm sau đây :

« Lờ mờ dưới ánh sao, giòng sông lẩn trong sương lạnh-lẽo, mơ-màng uốn khúc. Sau những chòm cây đen rải-rác dưới chân đồi, đèn nền cùng giao thừa ở trong các nhà dân quẻ thấp-thoảng ánh lửa vàng.

Dừng lắng tai cố nghe tiếng pháo ở những nơi xa xa rồi lại xa hơn đưa lại và tưởng tượng theo những tiếng pháo đó cứ mỗi lúc một đi xa mãi cho đến tận phía chân trời, nơi Loan ở » (tr. 93) (1).

(1) Cả nửa bài « Giây phút tranh lòng » (cảm-đề truyện Đoạn-Tuyệt) của Thế-Lữ là nói đến giây phút trên đây của Dững :

Hôm nay tạm nghỉ bước gian-nan,
 Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
 Rũ áo phong-sương trên gác trọ,
 Lặng nhìn thiên-hạ đón xuân sang.



Ta thấy xuân nồng khắp mọi nơi,
Bên đường rộn rã tiếng đua cưỡi,
Động lòng nhớ bạn xuân năm nọ,
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.



Lòng ta tha-thiết dùm tình yêu,
Như cánh đồng xuân nhuộm nắng chiều,
Mất lệ dầm trong miền cách biệt,
Phút giây chùng mồi gối phieu-lưu.



Cát bụi lung trời — Đường vất vả,
Còn dài — Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa-xăm ấy,
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân.

Tổng-kết về Đoạn-Tuyệt

- Kết-cấu khá chặt-chẽ, động-lạc uyển-chuyển.
Tuy nhiên xét kỹ thấy có những chi-tiết lỏng - lẻo.
- Sự tiến-triển tâm-lý của các nhân-vật (chính cũng như phụ) đều giữ được vẻ hợp-lý.
- Luận-dề Đoạn-Tuyệt : đúng ở phần bài-bác những hủ-tục, nhưng quá-khích ở một vài điểm khác.
- Văn-chương Đoạn-Tuyệt : trong sáng, gợi hình, gợi cảm.



ĐÔI BẠN (1)

I. — Sơ-lược câu chuyện.

« Dững vì vui anh em bãi khóa để tang cụ Phan-chu-Trinh về quê ở với cha là ông Tuần. Chàng sống ngọt-ngọt trong nếp sống đố kỵ và kiêu cách của một gia-đình quan-liều. Chàng yêu Loan và Loan cũng yêu chàng, nhưng cả hai cùng không bao giờ ngỏ lời yêu ấy với nhau. Đồng thời chàng và Trúc, một người bạn thân nhất, vẫn đi lại với các đồng-chí. Ông Tuần hỏi cô Khánh cho chàng. Chàng không chối từ. Gần ngày cưới, chàng và Trúc bỏ đi sang Tàu ».

Đây là cuộc sống của người thanh-niên lãng-mạn trong một khung cảnh ngọt ngào, tuy im lặng mà chứa đầy bão-tố vì là một tổng-hợp của những mâu-thuẫn.

II. — Phê-bình tổng-quát.

Đôi Bạn ra đời nhờ sự thành-công quá rực-rỡ của Đoạn-Tuyệt. Ở Đoạn-Tuyệt, Dững là một nhân-

(1) Những đoạn trích trong bài này căn-cứ vào quyển « **Đôi Bạn** », do Văn-Học Hương-Anh xuất-bản tại Ba-Lê — 1951.

vật khi ẩn khi hiện, huyền-bí. (Hãy nhớ lại cảnh chàng bị tai-nạn ô-tô, vấp xe đi nhờ thì lại gặp xe Loan). Hành-tung bí-mật của chàng, sự tự đầy-đọa thân-thể vì một lý-tưởng nào đó mà tác-giả chỉ phác qua, làm cho độc-giả yêu say-mê con người đó. Cho nên có thể nói : khai-thác cảm tình của độc-giả đối với Dũng với vòng hào-quang lãng-mạn của chàng, Nhất-Linh đã viết « Đồi Bạt ».

Nếu trong Đoạn-Tuyệt, vai chính là Loan thì trong Đồi Bạt vai chính là Dũng. Chúng ta ngạc-nhiên thấy ở đây một cô Loan nhu-mĩ yêu-đương một cách hoàn-toàn không vụ-lợi, sung-sướng với mối tình gần như tuyệt-vọng của mình, khác hẳn con người kiêu-hãnh và lý-sự của Đoạn-Tuyệt.

Ở « Đồi Bạt » trước hết, ta thấy trung-tâm vũ-tru của Dũng là Loan và chính cả chàng nữa. Mỗi chương trong chuyện đều có ít nhiều dính-dáng đến Loan. Có thể nói Loan như một viên đá nam-châm qui-tụ tất cả những ý-nghĩ của chàng. Yêu đến thế mà bằng một tình yêu vô cùng tế-nhị, ta thấy từ đầu đến cuối chuyện, chàng không hề bao giờ ngỏ lời nói chuyện yêu-đương với nàng. Cái lối « yêu tôn-thờ » luôn luôn chơi ú-tim với chính mình, với người yêu là một lối cực-kỳ lãng-mạn nhập-cảng tự Tây-phương vào. Yêu đến thế mà chàng không muốn lấy nàng, sợ tình yêu sau này sẽ phai lạt, sẽ không đẹp-đẽ bằng tình yêu tôn-thờ hiện tại.

Đó là một người luôn luôn đau khổ ngấm ngấm, nét mặt luôn luôn đăm-chiêu, luôn luôn tự chuốc cho mình những nỗi đau-khổ lẽ ra không có hay không nên có. Tình yêu giúp chàng tưởng tượng sẽ

Mỹ Loan, sẽ về ở ấp Quỳnh-Nè. Nhưng câu hỏi cuối cùng : « Rồi sao nữa, cứ thế cho đến suốt đời ư ! ». Chàng nghĩ đến sự suốt đời một ghê sợ và tương-tượng ra một cuộc sống đều đặn buồn buồn, điều mà chàng ghét hơn hết. Ở đâu cũng đau khổ, cái gì cũng làm chàng đau khổ. Chàng là người không ưa bằng bó vết thương lòng của mình lại, mà cứ tìm cách cấu-xé thêm lòng mình ra với một vẻ thích-thú mà ta thường thấy có ở những nhân-vật chính của Dostoievsky. Tựa như người lên nhọt biết nặn ra là đau-đớn mà cứ nghiền răng cố nặn để rồi nước mắt chan-hòa và miệng suýt-soa một cách khoái-lạc.

Ở con người ấy, tâm và trí hoàn-toàn ly-dị nhau và luôn luôn chống đối nhau. Với một lý-trí vô cùng minh-mẫn, chàng không ưa suy-xét mà ưa cảm xúc. Vì thế cho nên đó là một con người rất ít hành-động, tuy suy tính rất nhiều và mỗi khi hành-động đều có tính-cách liêu-lĩnh. (Hãy đọc lại lý-do khiến Dũng và Trúc bãi khóa, rồi đọc đến đoạn Dũng trốn sang Tàu). Nhưng nếu hành-động không thực-tế, suy nghĩ liêu-lĩnh, trái lại đó là một nhà thơ hoàn-toàn về lối cảm nghĩ. Chỉ một xúc-động rất nhẹ nào đó cũng khiến chàng say-sưa ngây-ngất. Hãy đọc lại đoạn chàng trông thấy bóng cửa chan hòa ánh nắng in hình trong gương, hãy nhớ lại ý nghĩ của chàng sau khi qua bến đò Gió, đoạn ngồi uống nước trà, nghe mưa rơi... ta sẽ thấy chàng thanh-niên ấy nghệ-sĩ đến mực nào, cảm-xúc của chàng mẫn-nhuệ biết chừng nào. Bất cứ một chi-tiết đẹp đẽ nào cũng làm cho chàng mơ-mộng được: Một con bướm trắng bay lên trời xanh, những-hoa

cái vàng treo phoi trên dây thép, một đồng cỏ gió gợn...

Cuối cùng đó là một con người hay tủi thân vì rất nhiều tự-ty mặc-cảm và cũng lại rất nhiều tự-thượng mặc-cảm nữa. Chàng tự-ty mặc-cảm đối với đồng-chí « *cái giàu sang của tôi đối với tôi chỉ là một cái nhục* ». Nhưng đối với các anh ruột chàng và những người ở cùng từng lớp với chàng thì chàng rất nhiều tự-thượng mặc-cảm, chàng so-sánh bà với một gốc cây cổ, người ta đem khoe hôm thượng-thọ. Chàng không hiểu về mặt hồng-hào, phi-nộn và thỏa-mãn của những kẻ đến dự lễ thượng-thọ bà chàng. Chàng khó chịu vì cha chàng đêm đêm lên sang nhà bà Ba. Sau cùng chàng vô cùng khinh-bĩ lẽ-lối cư-xử đối-đãi giữa hai anh và hai chị dâu của chàng.

Về phương-diện xây-dựng, ta phải nhận rằng quyển « *Đôi Bạn* » lỏng-lẻo hơn các tác-phẩm khác của Nhất-Linh nhiều. Giấy liên-lạc của mỗi chương với nhau hờ-hững đến nỗi có thể coi đó là những truyện ngắn liên-tiếp. Truyện gần như không có cốt truyện.

Nhưng ta cũng phải nhận rằng chưa bao giờ ngòi bút Nhất-Linh tế-nhị bằng trong tác-phẩm này. Nguyên bài đầu « *Nhật lá bàng* » thay lời tựa cũng đủ để so-sánh với bất cứ bài thơ nào. Rồi suốt những chương sau cũng vậy. Mỗi lần tác-giả tả cảm-xúc của Dũng, của Loan hay cả của Trúc nữa, ta lại thấy xuất-hiện những lời thơ xuôi sao mà tinh-tế và trữ-tình, nhất là ở chương cuối-cùng kể lại cuộc đi chơi từ-biệt của Dũng và Loan trước khi Dũng lên đường.

(Ý-kiến của Giáo-sư Lý-quốc-Sinh).

III. — Không-khí cách-mạng trong Đôi Bạn.

A. — Những câu chuyện tình.

Có thể nói Đôi Bạn là một tập truyện tình đan lát trên một nền hoạt-động cách-mạng bí-mật.

1. — *Mối tình Loan-Dũng.* — Mối tình này là mối tình chính-yếu trong chuyện. Sau cùng Dũng cùng Trúc trốn sang Tàu.

2. — *Mối tình Trúc-Hà.* — Trúc là bạn học thân của Dũng. Không nhà, không cửa, không vương-viu đến ai cả. Trước đây hai người đã cùng nhau nhảy ra khỏi trường trong dịp bãi khóa, rồi Trúc trong coi ấp Quỳnh-Né cho Dũng. Trúc là một thanh-niên vui-vẻ, hồn-nhiên nhưng không kém phần tế-nhị, tính-tình cao-thượng vô-tư.

— *Tôi chỉ biết làm việc... làm việc, mình được vui thế không đủ à ? Còn thóc ấy về phần anh Dũng hay về phần cô Loan chẳng nữa, tôi không kể đến (tr. 202).*

Hà là con cụ Chánh Mạc, người làng Ý-Đương. Hà cùng chị ruột (Phương), anh ruột (Cận) đều có tham-gia cách-mạng. Đã một lần Phương bị bắt tình-nghi rồi được tha, về nhà ít lâu thì mắc bệnh lao chết. Hà cũng mắc bệnh lao. Nàng nhí-nhảnh vô-tư, thái-độ tham-gia cách-mạng của nàng cũng hồn-nhiên.

Trúc sang Tàu. Hà ở lại với bệnh lao, với cảnh nhà nghèo túng.

3. — *Mối tình Tào-Phương.* — Phương là chị Hà như trên đã nói. Hồi chưa bị bắt nàng thường

nhánh nhện tươi cười đi hô-hào các chị em buôn bán tây-chay một cửa hàng Khách.

Tạo mồ-côi cha mẹ khi còn học năm thứ hai trường Bảo-Hộ. Một ông cậu làm án-sát vì mến chàng nuôi cho ăn thừa-tự. Ông Án mất đi, chàng chán dần cái cảnh ngồi bó gối giữ ngôi nhà thờ, làm cỗ cúng quanh năm, nghe các bà di hặc-sách. Rồi các bà di chọn vợ cho Tạo, một cô gái vừa béo, vừa rỗ, vừa đen. Tạo bỏ nhà ra đi gặp Thái (một nhà cách-mạng chân-chính) cùng mấy người bạn khác. Chàng tham-gia cách-mạng từ đấy. Mối tình của Tạo với Phương cũng chỉ là một mối tình thăm-kín thôi, vì Tạo nay đây mai đó, hành-tung rất bí-mật. Ngày đưa đám Phương, Cận thoáng trông thấy, Tạo quay mặt đi, vội lấy tay áo gạt nước mắt. Sau đấy, Tạo cũng chết cô-quạnh ở một đồn-diễn kia vì bệnh sốt-rét. Tính Tạo hay khôi-hài, đến lúc gần chết chàng cũng vẫn vui. (Theo lời ông chủ đồn-diễn).

B. — Tâm-trạng Dũng khi đi vào con đường cách-mạng.

1. — Nhục vì cái giàu sang của mình.

Là con quan, nhà giàu nhưng nhiều lần Dũng thú thật là chàng thấy nhục trong cảnh giàu sang bất-nghĩa đó.

2. — Một tâm-trạng trống rỗng thê-thảm.

Sau ngày bãi-khóa Dũng về ở với ông Tuần. Tâm-trạng của Dũng, cũng như của Trúc trong những ngày đó là cả một sự trống-rỗng kinh-khủng, một sự chán-chường phát ớn lạnh. (Phải chăng vì cách-mạng đương thời bị đế-quốc đàn-áp dữ-dội nên mới có tâm-trạng đau-đớn ấy). Lời Dũng :

« No nê hết sức rồi. Nhưng nên uống cà-phê vì cà-phê lâu, mất được nhiều thì giờ hơn.

.....
 Muốn chiều cả anh lẫn chị, chúng tôi xin uống cả cà-phê lẫn chè tàu. Cà-phê trước, chè tàu sau.

Chàng tiếp theo :

Lưỡng cử lưỡng tiện vì, như thế vừa đau dạ dày vừa đau bụng » (tr. 58).

3.— Một chút hình ảnh dân quê đã xúc-động lòng Dũng :

... Dũng chăm một điều thuốc lá hút rồi đưa mắt ngắm nghĩa đám nhà quê thăm-đạm, quần-áo xơ-xác trước gió, đương đứng đợi bên bờ sông. Họ đứng yên không nói, vẻ mặt bình-tĩnh, không nghĩ-ngợi gì. Chuyển đồ mà họ đợi sang, Dũng thấy là hình ảnh của cuộc đời ; họ sinh ra, sống thần-thiên trong ít lâu, không hiểu vì có gì, rồi lại khuất đi, những người bỏ-hành một buổi chiều đông, qua bên đó in bóng trong chốc lát trên giòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng (tr. 68).

Phải chăng chính nếp sống bình-thản vô-tri vô-giác đó của người dân quê đã thúc đẩy Dũng sau này gia-nhập cách-mạng để đem lại cho họ ý-nghĩa của cuộc sống ?

Một chỗ khác, ký-ức Dũng nhớ lại cảnh cha chàng rập đầu một người nhà quê vào tường và tát luôn mấy cái nữa, mặc dầu trán và má người kia đã ướt đầm máu. Dũng không khó chịu vì cha chàng độc-ác đánh người, chàng khó chịu vì những người

bị đánh không kháng-cự lại, không lấy thế làm nhục. Dũng cho là có lẽ cha chàng không độc ác. Có lẽ vì quên tay thấy dễ lúc thì cứ tức, dễ đánh thì cứ đánh.

Phải chăng vì thế mà sau này Dũng chủ-trương hòa-dồng với dân-quê để khích-dộng lòng ham muốn một cuộc đời tốt đẹp hơn ở họ.

(Xem Đoạn-Tuyệt Chương IV, Phần Hai).

C.— Không-khí cách-mạng trong Đôi Bạn.

Phản ảnh đúng thời thoái-trào của cách-mạng vì đã bị đế-quốc thẳng tay khủng-bố tàn-bạo. Không khí cách-mạng rã-rời tẻ nhạt. Thái ám-sát một ông Phủ không xong bèn tự-sát :

« Dũng nghĩ đến Trúc và các bạn khác ở rải-rác trong các làng quê, giờ này có lẽ cũng đang như chàng nghĩ đến Thái và ngẫm đến thân phận riêng của mình. Các bạn chàng đối với nhau chỉ mỗi một giây liên lạc chung là tình bạn hữu, có còn ngoài ra mỗi người đi theo một ngã đường, sống theo một đời riêng, yếu ớt, rời rạc. Thỉnh thoảng lại nghe tin một người trong bạn chết đi hay bị tù tội rồi ai nấy trước số mệnh, chỉ việc cúi đầu, yếm lặng, nơm nớp đợi đến lượt mình » (tr. 101).

IV.— So-sánh Đôi Bạn và Đoạn-Tuyệt.

A.— Những điều Đôi Bạn bỏ khuyết cho Đoạn-Tuyệt.

Đôi bạn, như trên đã nói, ra đời nhờ sự thành-công quá rực-rỡ của Đoạn-Tuyệt. Đôi Bạn tuy viết sau nhưng thuật lại thuở ban đầu của Dũng Loan ở chốn quê nhà.

1.) *Gia-đình Loan.*— Về Loan, chúng ta được biết nàng là con bà hai Hằng (ở Đoạn-Tuyệt chỉ là Bà Hai). Cha nàng (ông Hai) là bạn học cũ của cha Dũng (ông Tuần). Vườn đất xung quanh nhà, ông Hai vì túng quẩn đã phải bán dần cho ông Tuần, chỉ còn giữ lại hơn một mẫu làm chỗ ở.

2.) *Độ.*— Ở Đoạn-Tuyệt, Chương IV, Phần Hai, Dũng trên bước đường phiêu-lưu có dừng chân tại đồn-diễn người bạn tên là Độ trong dịp cuối năm.

Cũng ở chương IV, Phần Hai, trong *Đôi Bạn*, lý-lịch của Độ được soi sáng thêm chút nữa : Độ là con của bà huyện Thanh-Thủy. Bà Huyện là chị ruột bà Hai.

3.) *Trúc.*— Ở Đoạn-Tuyệt, Chương IX, Phần Ba, Dũng xuôi thuyền về đồn-diễn Độ nhưng tới Thanh-Thủy thì tối, thuyền phải dừng lại. Trên thuyền có Trúc. Đây là một nhân-vật vui-vẻ, vô-tư, rất đáng yêu. Nhưng phải đợi đọc « *Đôi Bạn* » chúng ta mới được rõ thêm : Trúc không còn người thân thích, là bạn học của Dũng, đã từng nhảy qua hàng rào nhà trường bãi khóa, rồi về trông nom ấp Quỳnh-Nè cho Dũng.

B.— Những điểm bất nhất giữa *Đôi Bạn* và Đoạn-Tuyệt.

1.) *Loan.* — Ở Đoạn-Tuyệt Loan là một cô gái mới. Không e dè sợ sệt, chủ-quan, cứng cỏi, kiêu-hãnh, lý-sự đến cùng. Ở *Đôi Bạn* nàng quá ư thùy-mị, đôi khi như thiếu tự-trọng :

« Bên ông Tuấn có mở tiệc thọ mừng cụ Bạng, bà nội Dũng. Loan sang làm giúp từ sáng sớm ; nàng cũng ríu-rít vui-vẻ vì công việc nhà Dũng, nàng coi không khác gì công việc nhà mình ».

Có lẽ chúng ta phải viện cớ vì sự sai biệt tuổi-tác giữa hai cô Loan Loan trong Đồi Bạ mới mười bảy, Loan, ở Đoàn-Tuyệt đã tới tuổi trưởng thành. Nhưng nếu Loan trong Đồi Bạ mới mười bảy tuổi thì chúng ta phải nêu lên điểm này : nhiều chỗ đối-thoại giữa Loan và Dũng ta thấy Loan già dặn quá. Tỉ như đoạn nàng và Dũng triết-lý về bắt đom-đóm :

Dũng nhìn lên mặt trăng cao mà tròn, khuất sau lá cây. Ở thành phố nên Dũng thấy mặt trăng có vẻ buồn-bã hình như đương nhớ những quãng rộng-rãi ở các vùng quê xa-xôi, nhớ những con đường vắng gió thổi cát bay lên trắng mờ mờ như làn sương, nhớ những con đom-đóm bay qua ao bèo, lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thồn, thức... Chàng dịu-dàng nói với Loan :

— Thế mà mới độ nào, cô còn nhớ không, những đêm trăng sáng chúng mình còn ngồi ở sân đợi có đom-đóm bay qua rồi đứng lên reo : đom-đóm xuống đây ăn cơm với cá.

Loan nói :

— Hình như nó biết chúng mình đánh lừa hay sao nên nó lại càng bay cao già. Lạ thật, đến khi nhón thì mình không biết là có đom-đóm nữa. Tại mình không để ý.

Dững nói :

— *Mình lại đề ý đến những cái khác, đi tìm những con đom đóm khác và cùng đánh lửa cho nó xuống.*

Loan mỉm cười :

— *Mà nó lại càng bao cao.*

(Phần Hai, Chương IV, tr. 118-119).

Ở Đoạn-Tuyệt, Loan rõ ràng là một nữ-sinh theo học ở chốn ngàn năm văn-vật. Nhưng ở Đồi Bạ, Loan chỉ là một nữ-sinh tỉnh nhỏ, nằng ra thăm Hà-Nội lần đầu cùng với mẹ và Dững ; chính Dững đưa Loan đi xem các phố.

(Chương IV, Phần Hai, trang 112).

2) Ông Bà Hai.— Ông Hai ở Đồi Bạ là một nhà nho lỗ vụn, phải chặt vật để mưu lấy cuộc sống thừa ấy. Ông Hai đã phải lên Hà-Giang dạy học ở nhà một người bạn học cũ làm hớ-chánh ; ông đi có lẽ vài ba năm mới về, có Quýnh đi theo để hầu-hạ. Quýnh là người anh cùng bố khác mẹ với Loan. Bà Hai thì vẫn quanh-quần ở quê nhà với cuộc sống túng thiếu. Sang Đoạn-Tuyệt chúng ta chứng-kiến một hoàn-cảnh khác hẳn. Ông bà Hai có cửa hàng bán chiếu ở Phố Mới. Việc vay của bà Phan-Lợi ba ngàn đồng chưa đủ chút nào để giải-thích sự thay đổi hoàn-cảnh đó. Còn nhân-vật Quýnh ở Đồi Bạ tuyệt-nhiên không được tác-giả nói đến một dòng trong Đoạn-Tuyệt.

3.) *Mối tình của Dững đối với Loan.*

Ở Đoạn-Tuyệt Chương II, Phần Một, Nhất-Linh

viết « Dững bùi ngủi nhớ lại những ngày mới gặp Loan, mới quen Loan, nghĩ tới cái tình yêu Loan kín đáo lúc buổi đầu, nổi thất vọng khi biết Loan đã là vợ chưa cưới của người khác... » (tr. 19).

Nếu đem đối chiếu với Đôi Bạn, tình yêu của Dững-Loan đâu có chỉ đơn-giản như vậy. Mỗi tình đó tuy kín-đáo nhưng cũng thâm-thiết lắm, lâu bền lắm, cũ-kỹ lắm. (Loan, Dững ở cùng quê, lại cùng xóm với nhau).

Cần thêm một nhận-xét này nữa, ở Đoàn-Tuyệt Dững khi ẩn khi hiện, vừa yêu Loan vừa hoạt-động cách-mạng thật sự, thành-thử tâm-hồn Dững vừa trữ tình vừa hào-hùng (như Phạm-Thái). Ở Đôi Bạn, Dững chẳng còn gì là huyền-bí. Giấy tâm-tình quá tế-nhị của Dững ở mọi chương khiến độc-giả nhiều khi tự hỏi : con người ủy-mị như vậy làm sao ra đi làm cách-mạng nổi ?

Tổng kết về Đôi Bạn :

— Đứng về phương-diện văn-chương, Đôi Bạn thành-công rực-rỡ ở nhận-xét tâm-lý tinh vi, tả cảnh vô cùng gợi cảm, lời văn trang-nhã sáng-sủa đẹp như thơ (nếu xét riêng từng đoạn).

— Xét về động-tác, thì động-tác ở Đôi-Bạn hết sức ngưng trệ, từ đầu đến cuối chỉ là những sự-kiện được nêu lên để tác-giả được dịp tả tình, tả cảnh bằng một ngòi bút lọc-tối. Vì vậy càng về sau người đọc càng có cảm tưởng được mời dự một bữa tiệc mà chủ-nhân bắt phải ăn đến thừa mứa (dù là thức ăn ngon).

— Thoạt viết Đoạn-Tuyệt trước, ngòi bút Nhất-Linh phóng-khoáng như múa gươm trên khoảng đất rộng không người, không đồ-đạc. Lẽ ra khi viết Đới Bạ sau này ông phải đọc lại Đoạn-Tuyệt mà nép mình trong cái khung cố-định do chính ông đặt ra nó, để tránh những điều bất nhất đáng liếc như trên.



Lạnh - Lùng

Để việc nghiên-cứu Đoàn-Tuyệt cho thật hoàn-hảo tưởng chúng ta cũng nên xét qua tác-phẩm Lạnh-Lùng đôi chút.

Lạnh-Lùng được bắt đầu đăng từ Ngày Nay số 16 ngày 12-7-1936 đến số 38 ngày 13-12-1936. In xong thành sách vào tháng Giêng năm 1937. Tác-phẩm này xuất hiện sau Đoàn - Tuyệt và trước Đòi Bận.

Tóm tắt câu chuyện như sau :

« Nhưng một góa phụ trẻ tuổi, con một ông Nghè và con dâu một bà Án. Nàng yêu người giáo-sư tên là Nghĩa. Tuy vậy nhờ sự khéo dẫu-diểm, nàng vẫn được mọi người quý trọng. Và ngay trong những lúc say-mê nhất nàng cũng vẫn giả dối được. Sau cùng chính bà Án biết sự giả dối ấy cũng đành lờ đi như không biết, để mặc nàng tháng tháng nhân-danh đi thu họ mà gặp-gỡ Nghĩa ở trên tỉnh ».

Đây là tất cả cuộc sống ngọt-ngạt của một sương phụ còn trẻ tuổi vẫn còn yêu và được yêu mà bị dư-luận gia-dinh, dư-luận xã-hội dồn vào chỗ thành một con người tiết-bạnh bất-dắc-dĩ.

Nếu so-sánh Đoàn-Tuyệt với Lạnh-Lùng, chúng ta thấy ngay những điểm hoàn-toàn trái ngược nhau.

— Loan trong Đoàn-Tuyệt theo mới đến cùng. Nhưng trong Lạnh-Lùng nhu-mi nép vào khuôn-khổ cái cũ.

— Bà mẹ chồng, chị em nhà chồng trong Đoàn-Tuyệt là những hung-thần (vì vậy Loan đoạn-tuyệt với cái cũ), ở Lạnh-Lùng không-khí khác hẳn : mọi người nhà chồng đều quý mến Nhung, coi Nhung như bông hoa quý trang điểm cho đạo-đức gia-đình (vì vậy Nhung không thoát-ly nổi, đành sống giả dối).

Tuy có những điểm hoàn-toàn đối-lập nhau nhưng cả hai tác-phẩm kể trên đều vụ chung một mục-đích : đánh những đòn chí tử vào quan niệm cũ.

Hoặc tích-cực tranh-đấu như Loan đề thoát ly hoặc nép mình vào khuôn khổ đầy nhưng tiên-cực, hành-động phản-đối bằng cách lén đi vụng trộm ái ân, dẫu nào thì những quan niệm cũ cũng bị sụp đổ.

Thăm ý của Nhất-Linh chính là vậy.



HOÀNG - ĐẠO

H o à n g - Đ a o

(1907 — 1948)

Tiêu-sử :

Tên thật : Nguyễn-Tường-Long

Đạo hiệu : Phúc-Vân

Các bút hiệu khác : Tứ-Ly, Tường-Minh, v.v...

Nguyên quán làng Cầm-Phổ, nay thuộc xã Hội-An tỉnh Quảng-Nam, ông nội làm tri-huyện Cầm-Giang tỉnh Hải-Dương (Bắc phần) và khi về hưu đã lưu cư tại đây, ông thân sinh là một nhà nho không thành đạt và mất sớm, bà thân mẫu tần-tảo buôn bán nuôi bảy người con, sáu trai một gái. Đến khi tất cả đều trưởng-thành, bà cụ đi tu đạo Phật hiện trụ-tri tại một ngôi chùa kế cận Saigon.

Trong bảy anh chị em, ông là người thứ tư :
1) Nguyễn-Tường-Thụy, 2) Nguyễn-tường-Cầm,
3) Nguyễn-tường-Tam tức Nhất - Linh, 4) Nguyễn-Tường-Long, 5) Nguyễn-thị-Thế, 6) Nguyễn-tường-Lân tức Thạch-Lam, 7) Nguyễn-tường-Bách.

Ông sinh tại làng Hàn-Giang, huyện lỵ huyện Cầm-Giang tỉnh Hải-Dương (trên đường xe lửa Hà-

Nội Hải-Dương) ngày 11 tháng 10 năm Đinh-Mùi tức ngày 16 tháng 11 năm 1907, thuở nhỏ học ở trường huyện, ông tên là Nguyễn-Trường-Tư nhưng sau không đủ tuổi để đi thi nên gia-đình khai tăng lên bốn tuổi, đổi tên là Nguyễn-trường-Long và đổi ngày sinh là 3-4-1903. Qua bậc tiểu-học ông bị ốm nên tự học ở nhà. Năm 1924 thi đậu bằng Cao-Đẳng Tiểu-Học Pháp và liền đó đậu vào trường Luật Đông-Dương tại Hà-Nội. Tốt nghiệp năm 1927 ông vào làm Tham-tá ngân-kho Hà-Nội. Tiếp-tục học thêm, ông đậu Tú-tài Pháp và chuyển sang ngạch Tư-pháp, làm Tham-tá lục-sự năm 1929. Với chức vụ này, ông đã ngồi ghế lục-sự khắp các tòa « Tây án » và vì thế đã có dịp sống ở khắp các tỉnh và thành phố từ Nam chí Bắc. Trong khi ở ngạch Tư-pháp, đã có lần Chánh-phủ Pháp bổ ông sang ngạch quan-lai và bổ-nhiệm tri-huyện nhưng ông nhất thiết từ chối hành-động mua chuộc này. Sau hơn mười năm ở ngạch Tư-pháp, ông từ chức để chuyển tâm vào các hoạt-động văn-hóa và cách-mạng.

Lập gia-đình năm 1933, ông được bốn người con, ba gái một trai. Ông mất ngày 16 tháng sáu năm Mậu-Tý tức 23-7-1948 trên chuyến xe lửa từ từ Hương-cảng về Quảng-Châu, thi-hải được đưa xuống an táng tại trấn Thạch-Long. Thời-gian này, ông lưu-trú trên đất Trung-Hoa sau khi lực-lượng quân-sự của hàng ngũ cách-mạng dân-tộc bị Việt-Minh Cộng-Sản tiêu-diệt trong cuộc nội chiến kéo dài suốt từ 1945 sang đến cuối năm 1946.

Sự-nghịệp văn-hóa.

Năm 1932, sau khi đã hoàn toàn dẹp xong cuộc

khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng, thống-trị Pháp mở một cuộc thuyền-chuyến lớn trong hàng ngũ viên-chức bốn xứ, nhằm gián-đoạn liên-lạc giữa những người tri-thức Việt-Nam yêu nước. Nhưng đối với Nguyễn-tường-Long việc dời từ Saigon ra Hà-Nội lại là một dịp may để ông cùng với anh em hoạt-động. Nghiên-cứu những kinh-nghiệm mang lại do cuộc khởi-nghĩa thất-bại của Nguyễn-thái-Học và tổ-chức V.N.Q.D.Đ., ông cùng với anh ruột là Nguyễn-tường-Tam và một người bạn là ông Trần-Khánh-Giur tức Khái-Hưng tự vạch ra một con đường chiến-đấu trường-kỳ đi tới giải-phóng dân-tộc khỏi ách thống-trị của thực-dân Pháp.

Đó con đường huấn-luyện quần-chúng bằng báo-chí. Năm 1933 bộ ba này nhận lại một tờ báo đang sắp chết là tờ Phong-Hóa của một người bạn là Phạm-hữu-Ninh. Bằng một kỹ-thuật học được của báo-chí tiến-bộ Âu-châu, bằng một lối hành văn mới và nhất là bằng giọng hài-hước, họ đã làm cho tờ Phong-Hóa sống lại và truyền-bá rất mau. Chủ-trương của bộ ba này lúc đầu là dùng nghệ-thuật, văn-chương để thu-hút quần-chúng, dùng cái cười làm khí-giói để chen vào cuộc xung-đột giữa hai khuynh-hướng « theo mới » và « tồn cổ » mà họ đứng hẳn vào khuynh-hướng triệt-đề theo mới. Khi đã thu-hút được quần-chúng rồi, họ bắt đầu chuyển sang việc truyền-bá những tư-tưởng cách-mạng dân-tộc và cách-mạng xã-hội, nhịp theo trào-lưu tiến-hóa của thế-giới. Thanh-thế của tờ báo càng lớn thì những người có tâm-huyết có tài năng tìm đến hợp-tác mỗi ngày một đông, và nổi bật nhất là Từ-Mở tức Hồ-trọng-Hiếu, Thế-Lữ tức Nguyễn-Thế-Lữ.

Trong báo Phong-Hóa, Nguyễn-Tường-Long lấy bút-hiệu là Tứ-Ly. Sở dĩ ông chọn bút hiệu này là vì muốn đả-phá thói mê-tín bốc-phệ, ông đã chọn giờ xấu nhất trong ngày là giờ Tứ-Ly làm tên hiệu. Thời-kỳ này Tứ-Ly rất ít khi viết những bài nghị-luận chính-trị, kinh-tế hoặc xã-hội mà chỉ chuyên về mặt đả-kích. Bằng một lối văn hài-hước khi thì nhẹ nhàng thâm-thúy kiểu nhà nho, khi thì sáu cay độc-địa kiểu những cây bút đả-kích Tây-phương, Tứ-Ly đả-kích tất cả những người và những việc mà ông cho là tiêu-cực, là hủ-bại, là cản đường tiến của xã-hội. Bất cứ một chuyện nhỏ hay chuyện lớn ảnh-hưởng quan-trọng hay thoảng qua, tất cả đều có thể là những đầu đề cho Tứ-Ly đả-kích để đưa chủ-trương « theo mới » những tư-tưởng tiến bộ của mình ra : một vụ kiện tranh ngôi thứ, một biện-pháp hành-chính mới của thống-trị Pháp, một thay đổi chức-vị trong Triều-đình Huế, một viên quan bị tố-cáo ăn hối-lộ, một câu văn viết không rõ ý của một tờ báo khác, một tư-tưởng nhai lại, thậm-chi một nét mặt, một kiểu phục-sức như cái mũi đỏ của Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, cái búi tóc củ-hành của Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tổ... tất cả đều bị Tứ-Ly đưa lên mặt báo, mổ xẻ để đả-kích bằng cả lý-luận lẫn giọng cười.

Báo Phong-Hóa càng ngày có ảnh-hưởng càng lớn. Mật-thám Pháp dò biết Tứ-Ly là linh-hồn của cơ-quan này nên đã ra lệnh đòi viên Tham-tá lục-sự Nguyễn-tường-Long từ Hà-Nội vào Đà-Nẵng nhằm tách rời ông khỏi bộ tham-mưu. Nhưng trở lại miền Trung là Tứ-Ly lại có thêm một dịp để đả-kích chế-

độ cai-trị cực-kỳ khắc-nghiệt của thực-dân với những tay sai đắc-lực của chúng trong hàng ngũ quan lại Nam triều. Vì thế, thực-dân Pháp không còn cách nào khác là hạ lệnh đóng cửa tuần báo Phong-Hóa. Lúc đó vào năm 1937.

Nhưng báo Phong-Hóa chết, nhóm của ông đã có sẵn nhà xuất-bản Đời Nay để làm cầu liên-lạc với người đọc qua những tác-phẩm văn-nghe đã đăng trong báo đó. Thời kỳ này Tứ-Ly không có một văn-phẩm nào để xuất-bản. Ít lâu sau người anh thứ hai của ông là Nguyễn-Tường-Cầm xin được ra một tờ báo khác là tuần báo Ngày Nay. Trong 18 số đầu, tờ Ngày Nay chuyên về hình-ảnh và phóng-sự với mục-dịch là tránh sự rình-rập của thực-dân Pháp. Từ số 19, tờ Ngày Nay bắt đầu đổi thể-tài, chuyên về văn-nghe và Tứ-Ly đổi là Hoàng-Đạo để thỉnh-thoảng viết một vài bài đả-kích nhẹ-nhàng. Ngược lại với bút hiệu chọn lần trước, với tờ Ngày Nay, Nguyễn-Tường-Long lấy giờ Hoàng-Đạo là giờ tốt nhất trong ngày để thay cho tên Tứ-Ly. Chính trong thời-gian bắt đầu xây-dựng tờ Ngày Nay, tác-giả đã ghi chép một số những vụ xử án điển-hình tại Tòa tiểu-hình Hà-Nội trong khi ông ngồi ghế Lục-sự tại tòa này và đăng trong mục « TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA ». Dung ý của ông khi viết mục này là vẽ lại cảnh sống cơ-cực trình-độ thấp kém của người dân Việt-Nam dưới chế-độ thống-trị của thực-dân Pháp qua sự xét-định của tòa-án Pháp, theo luật-lệ của Pháp, thứ luật-lệ mà người Pháp vẫn tự-hào là nhất thế-giới.

Qua nhiều lần thay đổi thể-tài, phần văn-nghe

dần-dần được giới-hạn và đưa từ trang đầu vào trang giữa rồi chuyển về những trang cuối của tờ báo, phần nghị-luận chính-trị, kinh-tế xã-hội được tăng-cường tùy theo tình-hình chính-trị và sự cạnh tranh của thực-dân lúc đó. Cây bút nghị-luận Hoàng-Đạo càng ngày viết càng nhiều và không ngừng đưa ra những tư-tưởng tiến-bộ, giới-thiệu những khuynh-hướng chính-trị và cách-mạng trên thế-giới, khảo-cứu thực-trạng của xã-hội Việt-Nam để dẫn-dắt người đọc đi tới con đường cách-mạng. Ông đã viết từng loạt bài nối tiếp, từ Mười Điều Tâm Niệm mà ông coi như kim chỉ nam cho thanh-niên thời ấy., đến Công-dân Giáo-dục đề giới-thiệu các chế - độ chính - trị, khuynh - hướng dân - chủ ở nước ngoài, cùng các chủ-nghĩa chính-trị, các đảng phái, từ chủ-nghĩa vô Chính-phủ, đến chủ-nghĩa phát-xít và chủ nghĩa Cộng-sản. Các vấn-đề trong nước được ông khảo xét một cách minh-bạch, từ đời sống nông-dân sau lũy tre xanh đến những cảnh vật lộn cực khổ của lao-động thợ-thuyền ở thành-thị, với những loạt bài « Bùn Lầy Nước Đọng » và « Vấn-Đề Cần-Lao ». Trong thời kỳ Mặt Trận Bình-Dân lên cầm quyền ở Pháp, ông đã có hoàn-cảnh lên án cực-kỳ nghiêm-khắc chủ-nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc-địa với loạt bài khảo-cứu nhan đề : « Thuộc-Địa Kỳ-Uớc ».

Trong báo Ngày Nay ông cũng có viết một chuyện dài nhan-đề : *Con Đường Sáng* và một số truyện ngắn, nhưng ông chưa tìm ra được một lối viết truyện thích-hợp. Sau này ông có đề riêng một một thời-gian để nghiên-cứu kỹ-thuật về tiểu-thuyết

và ông đã xây-dựng một số tác-phẩm lớn nhưng đều phải bỏ dở vì những hoạt-động cách-mạng.

Có thể nói rằng sự-nghiệp văn-chương của Hoàng-Đạo ngừng lại cùng lúc với tuần báo Ngày Nay bị đóng cửa năm 1940 sau khi nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Và từ đó ông chuyên về những hoạt-động cách-mạng. Cuối năm 1940 vì tổ-chức Đảng Đại-Việt Dân-Chính chủ-trương xây-dựng lực-lượng lợi-dụng các biến-cố quốc-tế để đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ triều đình Huế xây dựng một nước Việt-Nam Độc-lập và Dân-chủ mà ông cùng các đồng-chi bị Pháp bắt giam và đưa đi đày tại trại an-trí Vụ-Bản thuộc châu Lạc-Sơn tỉnh Hòa-Bình. Năm 1943 thực dân Pháp giải ông về quản-thúc tại Hà-Nội. Tháng 6 năm 1946 sau khi lực-lượng cách-mạng dân-tộc bị kiệt quệ trong cuộc nội-chiến chống Việt-Minh Cộng-Sản, ông cùng các chiến-sĩ Quốc-Dân Quân rút sang Trung-Quốc. Trú ở Côn-Minh rồi sang Quảng-Châu, ông bị bệnh đau tim và mất tại đó.

(Bản của nhà xất-bản Tự-Do).



Mười điều tâm-niệm

(Những đoạn trích căn-cứ vào bản của Nhà Xuất-Bản Tự-Do — 1958).

1.— Điều tâm-niệm thứ nhất.

Theo mới

Hoàn-toàn theo mới, không chút do-dự.

A.— Sơ-lược nội-dung.

Thoạt tác-giả ghi nhận sự thực tình của người dân Việt, sự thực một giấc ngủ cồ-hủ tự ngàn năm. Tỉnh giấc như vậy là điều đáng mừng. Trước khi đề cập đến nội-dung và phương-pháp của vấn-đề theo mới, tác-giả thoát cực-lực đả-kích thái-độ bảo-thủ cũng như thái-độ trung-dụng :

— Phải bảo-thủ muốn duy-trì nếp sống cũ giản-dị, chất-phác, nên thơ : trai đọc sách ngâm thơ, gái ra vào canh cửi. Nhưng trong cuộc đời cũ bề ngoài nên thơ đó ngấm-ngấm biết bao đau-khổ. Nào trong gia-đình thì cảnh khổ làm dâu, làm con, nào ngoài xã-hội thì cảnh khổ của lũ người cùng-đình khổ rách áo ôm chịu đủ thứ thiệt-thòi.

— Phải trung-dụng muốn dung-hòa cũ mới. Nhưng phải này tất-nhiên thất-bại vì không thể dung-hòa được :

« Hai cái văn-hóa như hai giòng nước chảy trên một trái núi xuống, nhưng một giòng chảy về phía Đông, một giòng chảy về phía Tây, không sao hợp lại làm một được » (tr. 20).

Sau khi đã-kích hai phái thủ-cự và trung-dụng, tác-giả đưa đến quyết-định : phải theo mới, theo một cách quả-quyết.

Theo mới đây là Âu-hóa. Cứ cho dù-nhập văn-hóa Âu-Mỹ vào đất nước, rồi người dân Việt sẽ biết cách dung-hòa mà chọn lấy những cái thích-hợp hoặc bỏ những cái không thích-hợp.

Mỗi hành-động của ta phải là bành-động của người có óc tân-tiến. Sau khi bành-động phải tự kiểm-thảo ngay xem tư-tưởng của ta có còn rớt cặn-bã của óc thủ-cự hay không để liệu mà khử-trừ ngay.

Ngoài ra ta còn phải luôn luôn nỗ-lực giảng giải, dẫn dụ cho người xung quanh ta cùng theo mới.

Và sau hết tác-giả kết-luận, giọng nhiệt-thành, danh thép : « Nào những ai thành-thực muốn cho nước ta, dân ta sống một đời sống... đứng cả dậy ».

B.—Phê-bình

Chúng ta đồng ý với Hoàng-Đạo ở điểm ông đã-kích những cỗi-hủ của phái cũ — Và cũng chỉ riêng

những cớ-hủ của phái cũ thời, bởi có phải đâu tất cả cái cũ đều dở.

Chúng ta cũng đồng ý với Hoàng-Đạo ở điểm ông dả-kịch thái-độ lưỡng-lự, rụt-rè của phái trung-dụng. Nhưng thiết-tưởng chúng ta không nên lầm *nội-dung* của thuyết trung-dụng với thái-độ rụt-rè của những người theo thuyết trung-dụng.

Nếu trung-dụng là « tùy cảnh tùy thời mà xử sự, mỗi lúc một khác nhưng bao giờ cũng hợp với thiên-lý, hợp với lẽ phải, không thái quá mà cũng không bất cập », thì sao chúng ta có thể chê được ?

Sau khi hò-hào là phái hoàn toàn theo mới và theo mới không chút do-dự, tác-giả viết :

«...Văn-hóa Âu-Mỹ đem sang trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến, những điều hợp với tinh-thần An-nam sẽ còn và nảy nở ra, những điều không thích-hợp sẽ tự-nhiên bị đào-thải. Không nên lo ta sẽ hóa ra người Pháp nửa mùa, nói tiếng Pháp lai căng. Dân-tộc ta hàng ngàn năm bị văn-hóa Tàu-đàn áp mà vẫn giữ được tính-cách riêng không đến nỗi hóa ra người Tàu cả. Vậy bây giờ ta đem văn-hóa thái Tây áp-dụng vào cuộc đời, mũi ta không đến nỗi hóa lỗ và ta không đến nỗi mất tinh-thần riêng của ta » (tr. 22).

Cái gì đã khiến dân-tộc ta hàng ngàn năm bị văn-hóa Tàu đàn-áp mà không bị « Tàu hóa », cái gì khiến tác-giả tin-tưởng rằng văn-hóa Âu-Mỹ đem trồng ở xứ ta sẽ biến tính đi cho thích-hợp ? Phải chăng đó chính là năng-lực đồng-hóa làm nên cá-tính của dân-tộc nhà.

Giữ được cá-tính dân-tộc phải chăng là giữ được căn-bản tinh-hoa cái cũ?

Thu nhận văn-hóa ngoại-lai mà vẫn không bị ngoại-lai đồng-hóa, phải chăng vì chúng ta đã khéo biết giữ tinh-hoa của cái cũ, làm chiếc đĩa thần-đồng hóa những cái mới? Và như vậy há chẳng là một hình-thức của dung-hòa?

II.— Điều tâm-niệm thứ hai.

Tin ở sự tiến-bộ.

Một ngày có thể một hơn.

A.— Sơ-lược nội-dung.

Có tin ở sự tiến-bộ, ta mới có thể lo hành-động để đi tới sự tiến-bộ được. Tin ở sự tiến-bộ của người về phương-diện luân-lý cũng như về phương-diện tinh-thần và vật-chất.

Tin ở sự tiến-bộ của người vì người có lương-tri:

« Ta cần phải tin rằng hết thảy mọi đẳng cấp trong xã-hội không khác nhau về lương-tri, về tinh-thần, chỉ khác nhau về học-thức. Từ người phu xe cho chí ông tiến-sĩ, ai ai cũng vậy, đều có thể thay đổi một ngày một hơn (tr. 29).

Về mặt luân-lý, tác-giả tin rằng luân-lý hiện giờ nhân-đạo hơn nềp luân-lý xưa nhiều lắm, mà rồi về sau đây quan-niệm của ta về phương-diện ấy chắc chắn là sẽ hợp với nhân-đạo hơn quan-niệm của ta hiện giờ.

Về mặt tinh-thần và vật-chất, tác-giả nói điều cốt-yếu là ta phải tin ở sự tiến-bộ của khoa-học. Theo ý tác-giả đời sống khoa-học có nghĩa là đời sống cương-cường tác-giả viết :

« Đời ta đương sống hiện thời là một đời khoa-học : có cương-cường mới sinh-lồn được, còn nhu-nược ắt phải lặn hời đào-thải (tr. 28).

B. — Phê-bình.

Xưa Mạnh-Tử tin ở tính thiện của con người, ở đây Hoàng-Đạo tin ở sự tiến-bộ tất nhiên của con người. Tự huấn-luyện cho có lòng tin ở đó, cố thực-hiện lòng tin đó để nhân-loại cùng tiến bước trên con đường văn-minh, còn gì đáng quý cho bằng ?

Điều tâm-niệm thứ nhất hô-hào theo mới, điều thứ hai tin ở sự tiến-bộ, hai điều một và hai như bổ-khuyết cho nhau ở cùng một quan-niệm : tin ở văn-minh khoa-học hiểu động của Tây-phương, đả-kích văn-minh chủ tĩnh của Đông-phương :

« Văn-hóa Tây-phương hiểu động, cốt ở chỗ luôn luôn thay đổi, không lúc nào ngừng ; còn văn-hóa Viễn-đông cũ chủ tĩnh, luôn đứng dừng lại một nơi ».

(Điều tâm-niệm thứ nhất — tr. 21).

« Về mặt tinh-thần và vật-chất, điều cốt yếu là ta tin ở sự tiến-bộ của khoa-học. Đời ta đương sống hiện thời là đời khoa-học ».

(Điều tâm-niệm thứ hai — tr. 28).

Hai điều tâm-niệm thứ nhất và thứ hai này hợp với điều tâm-niệm thứ bảy (Luyện lấy bộ óc khoa-học) và điều tâm-niệm thứ mười (Cần có trí xếp đặt) thành một « bộ bốn » để ca-ngợi khoa-học như một chiếc đũa vạn-năng đã và đang xây-dựng văn-minh, hạnh-phúc cho những dân-tộc nào biết đến nó.

Hồ-hào cổ-dộng đem ánh-sáng khoa-học đến đả-phá những lề-lối làm việc luộm-thuộm lạc-hậu, những mê-tin dị-đoan hủ-lậu là điều khẩn-cấp hợp-lý của Hoàng-Đạo vào thời ấy. Tuy nhiên dầu sao chúng ta ngày nay cũng phải nhìn vào vấn-đề cho thấu-triệt và ghi thêm rằng : khoa-học không phải là vạn-năng, khoa-học không thể giải-quyết được những vấn-đề con người. Einstein đã ưu-tư khổ-não bao nhiêu sau khi hai trái bom nguyên-tử đầu-tiên hủy-diệt ngót một triệu sinh mạng ở hai thành phố Hiroshima và Nagasaki. Ông há chẳng đã tuyên-bố : kiếp sau thà đi bán bánh mì kiếm ăn còn hơn làm nhà bác-học.

Câu nói cửa miệng của người Tây-phương : « Khoa-học không lương-tâm chỉ là bại-hoại của tâm-hồn » (Science sans conscience n'est que ruine de l'âme). Nhà bác-học vừa ra khỏi phòng thí-nghiệm với bộ mặt chiến-thắng thì liền bị ám-ảnh bởi những hậu-quả vô kể mà sự phát-minh của ông có thể mang lại hạnh-phúc hay đau thương cho nhân-loại.

Hắn cũng là thông - cảm điều trên mà ông Phạm-thức-Ngũ có đoạn viết về Hoàng-Đạo như sau :

« Bởi vì con người khao-khát tuyệt-đối lại

sống trong cõi thế đầy sự bất toàn này có quyền nhìn lên một lý-tưởng toàn thiện toàn chân, thể-hiện ở một tôn-giáo để tìm một hướng đi cao-siêu cho cuộc đời, một niềm an-ủi tuyệt vời cho những nỗi đau khổ. Sự tin-ngưỡng ấy không có chi là phản khoa-học, trái lại được rất nhiều nhà khoa-học chia theo. Mà chẳng nói ở phạm-vi cá-nhân về phương-diện lý-tưởng, nói ngay ra xã-hội về phương-diện thực-tiễn, nếu những mê-tin nhảm-nhỉ là có hại thì lòng tin vào một đấng chí công vô tư, thường thiện phạt ác không phải là vô-ích cho tinh-thần đạo-đức của dân-chúng, cho phong-hóa, cho trật-tự xã-hội. Ở địa-hạt này chúng ta không dám nói là Hoàng-Đạo chủ-trương vô-thần, nhưng lời lẽ cực-đoan của ông khiến người ta có thể hiểu rằng ông đã loại bỏ tôn-giáo, đã không công-nhận cho tôn-giáo một lợi ích gì trong đời sống cá-nhân hay xã-hội ».

(PHẠM-THẾ-NGŨ — Bài Việt-văn kỳ thi Tú-Tài
quyền III Quốc-học Tùng-Thư — Trang 273).



III.— Điều tâm-niệm thứ ba.

Sống theo một lý-tưởng.

Sơ-lược nội-dung.

Tác-giả đã-kịch nếp sống các cụ đồ Nho xưa quá nô-lệ cho những tư-tưởng trong tứ thư ngũ kinh :

« Các cụ Nho ta ngày xưa ; hết đời này sang đời khác cứ bình-tĩnh lần theo đường ấy, như con ngựa thấy cương cứ thẳng lối mà đi không lệch sang lối khác » (tr. 31).

Rồi tiếng súng thần-công của Tây-phương đến phá đổ tòa lâu-dài kiên-cố của nhà Nho, và các bạn trẻ sống vào buổi giao-thời bị giằng co giữa hai lực-lượng văn-hóa cũ và mới :

« Giáo-dục ở nhà trường đưa họ đi một nơi, giáo-dục trong gia-đình kéo họ về một nẻo, bao nhiêu nỗi băn-khoăn, đau khổ đều vì sự tương-phản ấy mà ra » (tr. 33).

Trong tình-trạng đó một số thanh-niên không đủ can-đảm chịu đựng được lòng băn-khoăn bèn tìm quên lãng trong hoan-lạc vật-chất ; một số khác không đủ can-đảm tìm-tòi nghĩa-lý đời người cho đến cùng ; chung cục cũng đành theo hoàn-cảnh mà sống một đời vô-vị.

Sau khi nhận định hai hạng người trên tác-giả viết :

« Thanh-niên ta không thể sống mãi như vậy được. Ta muốn đời ta có nghĩa lý, muốn cho dân ta một ngày một mới, một ngày một hơn, ta phải tìm một lý-tưởng mà theo » (tr. 33).

Đời có giá-trị là đời có lý-tưởng. Lý-tưởng phải dựa vào những năng-lực những tính-chất cao quý của loài người. Có lý-tưởng ta sẽ vui mà sống, tự-hào mà sống.



IV. — Điều tâm-niệm thứ tư.

Làm việc xã-hội.

Sơ-lược nội-dung.

Thời xưa, dưới trình-độ nhà Nho, trí óc họ bó

nhỏ hẹp trong gia - đình, tầm mắt không vượt lũy tre xanh. Song thời-đại văn-minh cá-nhân cần được giải-phóng khỏi chế-độ chật-hẹp đó để gia-nhập vào đoàn-thể xã-hội, đem hết tài-trí ra làm việc cho xã-hội, nâng đỡ những người yếu-hèn khổ sở.

Phải kết đoàn để lập nên một sức mạnh mà bênh-vực giúp nhau cùng tiến. Lập hội học để mở-mang trí-thức; lập hội thể-dục vừa để gây tinh-thần bằng hữu, vừa để luyện tập cho thân-thể cường-tráng; lập hội cứu-tế để giúp-đỡ những người khác, nuôi lấy một tinh-thần nghĩa-hiệp.



V.— *Điều tâm-niệm, thứ năm.*

Luyện tính-khí.

A.— *Sơ-lược nội-dung.*

Luyện trí-não để mình thành người có học-thức. Nhưng có học mà không có hạnh thì cái học đó cũng chẳng ích lợi gì hoặc có học nhưng đem áp-dụng tại mình vào những dịp lừa bịp, bợ đỡ thì lại càng tệ-hại hơn nữa.

Luyện tính-khí để mình trở thành con người cương-cường quả-quyết, những khuynh-hướng xã-kỷ, nhân-ái để bẹp những khuynh-hướng vị-kỷ, dè-hèn; luyện cho mình và cho người xung-quanh mình có được tâm-hồn cao-thượng.

Luyện tính-khí để không còn do-dự (tỉ như do-dự giữa cũ và mới).

Luyện tính-khí để can-đảm chủ-động, giữ-gìn nhân-phẩm chứ không nhần-nhục ủy-mị, hèn yếu : *cương phải thẳng như.*

Luyện cho thân-thể cường-tráng để linh-hồn minh-mẫn, không sợ, không nịnh, không ghét, vui vẻ và quyết-đoán, luyện được tinh-khí như vậy ấy là giữ được giá-trị của con người.

B. — Phê-bình.

Chủ-trương của Hoàng-Đạo ở đây «cương» nhất định phải thắng «nhu» cũng nhiễm tính-chất cực-đoan, một chiều. Gandhi chủ-trương bất bạo-động đã được cả thế-giới tôn-sùng là bậc thánh, Krishna Chaitanya, một bậc thánh khác khuyên : *«Hãy biết tự hạ hơn ngọn cỏ làm thương, kiên-nhẫn hơn một khúc gỗ, không đòi hỏi ai kính trọng mình mà mình thì kính trọng hết thủy chung sinh»*.

Phải có một sức mạnh tinh-thần phi-thường mới thực-hiện được cái đứng dưới hình-thức nhân nhẹ đó của thánh nhân.



VI. — Điều tám-niệm thứ sáu.

Phụ-nữ ra ngoài xã-hội.

A. — Sơ-lược nội-dung.

Ở đây tác-giả tán-thưởng về kiêu-diễm của cô gái tân-thời nhưng tác-giả nhấn mạnh rằng như vậy chưa đủ. Phụ-nữ Âu-Mỹ họ đòi bình-đẳng không những về quyền-lợi mà còn về nghĩa-vụ nữa, họ có mặt trong hầu hết các nghề-nghiep : canh-sát, thương-thu, dân-biêu, lãnh-sự... Tác-giả ho-hào chị em phụ-nữ nước nhà «*cần phải mạnh bạo hơn nữa gom tài, góp sức để lập hội học, hội thể-dục, hội cứu-tế; đoàn hương-đạo... và những công-cuộc khác bọn nam giới đương theo đuổi*» (tr. 51).

Như vậy xã-hội sẽ được hưởng thêm những tấm lòng từ-thiện xả-kỷ bấy lâu ẩn núp trong gia-đình.



VII.— Điều tâm-niệm thứ bảy.

Luyện lấy bộ óc khoa-học.

A.— Sơ-lược nội-dung.

Trong bài này tác-giả cực-lực đả-kích óc mê-tin dị-doan xưa và hô-hào thanh-niên phải luyện lấy bộ óc khoa-học, tin ở sự mẫu-nhiệm của khoa-học :

« *Vấn hay khoa-học hiện giờ không phải có phân giải được hết thiên tượng: Nhiều điều huyền-bí vẫn còn nguyên là huyền-bí. Nhiều tuyệt thiên-nhiên vẫn còn trong vòng mờ-ám, chưa phát-minh ra được. Song những người có óc khoa-học đều tin rằng những điều còn huyền-bí kia sẽ có ngày phân-giải được, vì những điều ấy là sự phát dương của một luật thiên-nhiên chưa minh-hiễn. . .* (tr. 55).

Tác-giả hô-hào chúng ta chỉ nên tin-phục chân-lý của khoa-học, chỉ nên tin là thật những điều mà khoa-học đã chứng-minh là thật.

Sau khi nêu những tí-dụ tức cười về mê-tin dị-doan, tác-giả kết-luận bằng lời hô-hào khích-lệ :

« *Vậy bốn-phận của thanh-niên ta, không những là luyện lấy bộ óc khoa-học mà còn phải luyện trí-thức người khác cho trở nên có tính-cách khoa-học nữa.*

« *Ta phải luôn luôn nhớ rằng thiếu bộ óc khoa-học, không thể có tiến-bộ được* » (tr. 56).

B.— Phê-bình.

(Xin xem phần phê-bình điều tâm-niệm thứ hai ở trên).



VIII.— Điều tâm-niệm thứ tám.

Cần sự-nghiep không cần công-danh.

A.— Sơ-lược nội-dung.

Tác-giả đả-kích thói chuộng công-danh của người mình. Xưa đi học mong đỗ ông Nghè ông Cống để võng lọng nghênh-ngang, nay thì đi học mong kiếm được chức quan tham, quan Huyện. Câu châm ngôn « *Phi cao-đẳng bất thành phu-phụ* » của nhiều thiện-nữ thực đáng cho ta ngao-ngán không biết ngần nào.

Sau khi nêu gương sự-nghiep về cai-trị của Nguyễn-Công-Trứ, sự-nghiep văn-chương của Nguyễn-Du, Trần-Tế-Xương, Cao-Bá-Quát (những vị này hoặc coi thường công-danh, hoặc không có công-danh) tác-giả khuyên các bạn trẻ :

« *Ta phải lúc nào cũng tự-nhủ rằng công-danh không đáng kể duy có sự-nghiep thôi* » (tr. 59).

« *Ta phải chăm nom vun xới cho sự-nghiep của ta, ta sẽ được hưởng cái lạc-thú vô song của một đời sống đầy đủ, của một đời có ích cho người chung quanh* » (tr. 60).

B.— Phê-bình.

Ông Lê-hữu-Mục có viết về Hoàng-Đạo trong cuốn Luận-dề Hoàng-Đạo của ông như sau :

« Xuất thân trường Cao-Đẳng Pháp-Chính, ông

nhất định không ra làm quan như các bạn đồng-liêu và đã dùng tất cả thì giờ của một ông Tham-lá Lục-sự để tranh-dấu cho dân quê thoát khỏi sự bóc-lột tàn-nhẫn của quan-trường, coi bỏ những tập-tục hủ-lậu, những điều mê-tín dị-đoan để tự-do sống trong một tổ-chức hành-chính và chính-trị hợp-lý.

Chúng ta thấy gương sáng của Tác-giả « Mười điều tâm niệm » chính là ở chỗ lời nói với việc làm là một.



IX. — Điều tâm-niệm thứ chín.

Luyện thân - thể cường - tráng.

Sơ-lược nội-dung.

Các cụ đồ nho ta trước đây thường trọng văn khinh võ, yên trí rằng sức mạnh thân-thể sẽ làm lấp mất sự sáng-suốt của trí khôn. Có biết đâu câu châm-ngôn xác đáng của Hy-Lạp xưa đã nói : « Một linh-hồn cường-tráng trong một thân-thể cường-tráng ».

Luyện tập thể-thao còn có ảnh-hưởng lớn đến tinh-khí của ta nữa, nhiều đức-tính của ta nhờ đó mà tăng tiến, lòng dũng-cảm, trí kiên-nhẫn, lòng tự-tin, và sự biết phục theo kỷ-luật. Vậy bổn-phận của thanh-niên là phải kết-đoàn lại lập hội thể-thao, luyện lấy thân-thể cho cường-tráng mà đạt tới những thành-tích vẻ-vang như người Đức, người Mỹ, người Nhật.



X. — Điều tâm-niệm thứ mười.

Cần phải có trí xếp đặt.

Dân ta sống hồn-nhiên không biết giá-trị của thời-gian mà cũng không chịu vào khuôn vào phép vào kỷ-luật để mưu-tồn những công-cuộc to lớn lâu dài. Hãy noi gương người Âu-Mỹ trong một công-cuộc chung phải có tổ-chức, xếp đặt để những phần-tử đều có quyền hạn rõ ràng, có trách-nhiệm phân-minh, những phần-tử ấy đều cùng hoạt-dộng nhịp-nhàng để mưu đạt mục-dịch chung. Hãy thay cái tinh-thần luộm-thuộm, cầu-thả của các cụ xưa, bằng phương-pháp xếp đặt của người thái Tây để các công cuộc chung của chúng ta đạt được kết-quả rực-rỡ.



Tổng-luận về mười điều tâm-niệm.

A. — Phân-loại.

Căn-cứ vào nội-dung của từng bài chúng ta có thể xếp loại mười điều tâm-niệm như sau :

1. — Đề - cao và khuyến - khích tinh - thần khoa-học :

- Theo mới (điều 1)
- Tin ở sự tiến-bộ (điều 2)
- Luyện lấy bộ óc Khoa-học (điều 7)
- Cần có trí xếp đặt (điều 10)

2. — Luyện tinh-khí và luyện thân-thể :

- Luyện tinh-khí (điều 5)
- Luyện thân-thể cường-tráng (điều 9)

3.— *Lý-tưởng sống :*

- Sống theo một lý-tưởng (điều 3)
- Cần sự-nghiệp không cần công-danh (điều 8)

4.— *Cùng làm việc cho xã-hội :*

- Làm việc xã-hội (điều 4)
- Phụ-nữ ra ngoài xã-hội (điều 6)

Ở đây chúng tôi ghi nhận thêm một cách phân-loại nữa của ông Phạm-thế-Ngũ để học-sinh tiện bề tra-cứu :

<i>Con người</i>	{	— Thân-thể : cường-tráng	Đ. 9
		— Trí-não {	ọc khoa-học Đ. 7
		ọc xếp đặt	Đ. 10
		— Tâm-hồn : luyện tinh-khi	Đ. 5
<i>Tư-tưởng</i>	{	— Tin vào sự tiến-bộ	Đ. 2
		— Có một lý-tưởng	Đ. 3
<i>Hành-động</i>	{	— Xây-dựng sự-nghiệp	Đ. 8
		— Làm việc xã-hội	Đ. 4
		— (Cả giới phụ-nữ)	Đ. 6

Và ta có thể tóm-tắt những cái cũ tệ-hại thành một bảng đối-chiếu như sau :

<i>Con người cũ</i>	{	— Thân-thể : yếu-đuối nhu-nhược	
		— Trí-não : óc mê-tin dị-đoan, cầu-thả, luộm-thuộm	
		— Tâm-hồn : mềm yếu, nhút-nhát	
<i>Tư-tưởng cũ</i>	{	— Không tin vào tiến-bộ, đặt sự tận thiện tận mỹ ở quá khứ.	
		— Không có lý-tưởng tranh-đấu. Xưa kia nhà nho nhắm mắt tòng cổ, giờ đây nhiều người sống bơ-vơ vô lý-tưởng.	

- Hành-động cũ* {
- Mưu công-danh (địa-vị, quan-chức, bổng-lộc)
 - Chỉ làm việc cho bản thân hay cho gia-đình
 - Nhất là phụ-nữ sống trôi buộc hèn yếu.

(Xem Quyển III trang 270 - 271).

B. — Tổng-bình nội-dung.

Hầu hết những điều tâm-niệm đều đả-kích xã-hội cũ mà đại-diện là nhà nho thủ-cự. Chúng ta đồng ý với tác-giả ở thái-độ sống phải có một lý-tưởng, cần sự-nghiệp không cần công-danh, cần làm việc với tinh-thần khoa-học. . . Nhưng về thái-độ tác-giả hoàn-toàn đả-kích những cái cũ và đề-cao đến tuyệt-đích khoa-học thì chúng ta nên nghĩ rằng đó là thái-độ hợp-lý cho riêng thời tác-giả. Vào thời đó tác-giả cần phóng-dại khía-cạnh khoa-học để đánh đổ những tập-tục hủ-lậu cũ, chúng ngăn cản bước tiến của dân-tộc. Sự thực vấn-đề cũ mới, vấn-đề quá tôn-sùng khoa-học cần được nhận định lại cho sâu-sắc và toàn-diện hơn.



Bùn lầy nước đọng (1)

Tiếp theo Mười điều tâm-niệm, đến tác-phẩm *Bùn lầy nước đọng* là tập nghị-luận đặc-biệt chú ý đến những vấn-đề sinh-hoạt của người dân quê, cả cuộc đời họ lẫn-quần trong cảnh đói khổ, đói nát.

A.— Kế-hoạch về chính-trị.

Đề chống lại với những sự thối nát của quan trường (sự lạm-quyền, nạn hối-lộ) Hoàng-Đạo đề-nghị biện-pháp phân-quyền cho hợp lý, trừng-trị những nhân viên thối nát và giáo-dục dân quê về phương-diện pháp-luật.

Đề chống nạn trộm cướp làm cho dân quê luôn luôn sống trong tình-trạng bất-an, Hoàng-Đạo đề-nghị một tổ-chức trị-an chuyên-nghiệp « có nhiệm-vụ rõ-ràng, có trách-nhiệm hẳn-hoi, hết sức tìm phương-pháp ngăn ngừa những sự cướp bóc nơi thôn giã ».

Đề chống óc xoi thịt, Hoàng-Đạo đề-nghị phá đình, bãi bỏ sự tôn-ti, để mọi người được bình-đẳng

(1) Phần này chúng tôi căn-cứ theo ý-kiến của ông Lê-Hữu-Mục trong quyển Luận-đề về Hoàng-Đạo của ông
— Nhận-Thức — Huế 1957.

ngồi chiếu ngang nhau. Đình sẽ là một nhà họp sạch-sẽ cao ráo, dân-chúng thường lui tới để bàn luận về việc làng, mưu những ích lợi chung.

Hoàng-Đạo đòi ban-bổ những quyền tự-do dân-chính. Theo ông muốn nâng-cao trình-độ của dân quê không gì bằng bảo-dảm cho họ những quyền tự-do ; dân-chủ.

B. — Kế-hoạch về Kinh-tế.

Muốn cho nền hành-chính và chính-trị được vững-vàng, điều quan-hệ là phải đặt nó trên một căn-bản kinh-tế vững chắc.

Hoàng-Đạo công-kích chế-độ thuế má nặng-nề của thực - dân bóc - lột một cách dã-man người dân quê.

Hoàng-Đạo công-kích chính-sách của thực-dân cố tâm dim các công-nghệ Việt-Nam, cấm nhân-dân nấu rượu, nhưng lại bắt mọi người uống rượu của hãng Fontaine, đồng-thời lại cho -phép tự-do hút thuốc phiện để cho sinh-lực dân bị trị hao mòn.

Hoàng-Đạo tố-cáo sự đòi-bại, sự bất-công trong việc quản-cấp công-diễn, sự nguy-hại của chế độ đồn-diễn mà quyền chiếm-hữu chỉ ban-bổ cho người Pháp hoặc một vài người Việt có công lớn với Chính-phủ Pháp.

Sau cùng Hoàng-Đạo tố-cáo nạn chợ vay nặng lãi ở thôn quê của bọn trọc-phú. Có khi họ ăn lãi đến 20% nếu con nợ cần tiền.

Đề đối-phó với những khuyết-diểm trên, Hoàng-Đạo đã đưa ra những ý-kiến rất cụ-thể về những

vấn-đề chỉnh-đốn thuế-vụ, nâng-cao tiền-công-nghệ địa-phương, bên vực quyền-lợi của công-nhân tại các đồn điền, tiêu-diệt nạn cho vay nặng lãi bằng cách nói rộng và bình-dân hóa những nông-phổ ngân-hàng. Thành lập nhiều nông-đoàn để tương-trợ lẫn nhau, giáo-dục dân quê.

Có áp-dụng được những điều tối-thiểu như vậy mới bảo-đảm được đời sống ấm no, hạnh-phúc cho dân quê.

C.— Kế-hoạch giáo-dục.

Nền giáo-dục ở thôn-quê cần phải được triệt-đề phổ-thông. Hoàng-Đạo đề-nghị một chương-trình giáo-dục đại-cương gồm hai điểm căn-yếu :

1.— *Phổ-biến pháp-luật* : để người dân-quê ý thức được quyền-lợi, ý thức được nhiệm-vụ của họ.

2.— *Truyền-bá tinh-thần khoa-học* : phổ biến những điều thường thức về vệ-sinh, về y-khoa, luyện cho người dân bộ óc tối-thiểu về khoa-học, để họ sống một cách lành mạnh.

Tổng-luận về « Bùn lầy nước đọng ».

Ở đây chúng ta thấy Hoàng-Đạo thiết-tha với thân phận đám dân quê nghèo-dói dốt-nát biết là chừng nào. Những vấn đề ông nêu lên, những giải-pháp ông đề ra rất sát với thực-tế.

Đọc « Bùn lầy nước đọng » ta còn thấy rung mình về thái-độ đàn-áp ngu-dân của lũ thực-dân cướp nước và càng đem lòng cảm-phục tâm-tình cao-thượng ưu-thời mẫn-thế của Hoàng-Đạo.

Con đường sáng

Con đường sáng là tiểu-thuyết luận-đề của Hoàng-Đạo. Trong tác-phẩm này ông muốn miêu-tả một thanh-niên nhà giàu, có học bỏ-vợ trước ngã ba thời-dại vì không biết mình đi đâu, nên chỉ còn biết lấy sự chơi bời trác-táng làm mục-đích. Nhưng trước cuộc sống lầm-lthan của đám đàn què, Duy cảm-thông và dần dần giác-ngộ, chàng trở về đồn-diền cùng với người yêu là Thơ, bắt đầu xây-dựng hạnh-phúc mình trong sự hy-sinh làm việc để nâng cao đời sống của đám người nghèo khổ.

Trong tác-phẩm này lời văn của ông tuy vẫn có phần trong sáng, gọi hình gọi cảm nhưng cách bố-tri những tình-tiết câu chuyện không được uyển-chuyển và hấp-dẫn như tiểu-thuyết luận-đề của Nhất - Linh.



Trước vành móng ngựa

Hoàng-Đạo tỏ thái-độ nhiệt-thành trong việc cải-tạo thôn-quê ở hai tập lý-thuyết « Mười điều tâm-niệm », « Bùn lầy nước đọng » và ở tiểu-thuyết luận-đề « Con đường sáng » nhưng về phương-diện nghệ-thuật sáng-tác thì ông thành-công hơn cả ở tập « Trước vành móng ngựa ». Có thể nói đây là một thứ vui cười ở tòa-án xếp thành những vở kịch nhỏ rất linh-động.

Nhân-vật thường-xuyên là :

- Ông Chánh-Ấn : Khi vui tính, khi hắc-búa.
- Thông-ngôn : Cũng vậy.
- Ông Biện-Lý : Thường-thường vui tính, ưa khôi-hài.
- Các bị-cáo : Có tính-cách quốc-tế : Việt, Tây đen, Tây trắng, Tàu ; có đủ các hạng người : công-chức, ăn cắp, ông nghị, ông đồ và những người dân quê ; nghèo đói khi thì láu-lỉnh, khi thì ngờ-ngẩn.

Ở tác-phẩm này Hoàng-Đạo đã chứng-tỏ ông có con mắt nhận-xét thật tinh-tế.

Ông miêu-tả những cử-chỉ ngôn-ngữ hoặc láu-lỉnh hoặc ngây-thơ, dór-dần đến tức cười của lũ người phạm-pháp bị ra trước vành móng ngựa và chính ở nơi này ẩn dưới những nụ cười thông-minh đó, ông đã lần-lượt pho-bày những mâu-thuẫn đến rơi lệ của một chế-độ pháp-trị, vô-nhân dưới thời thực-dân,



Bài « *Chỉ vì con chó săn* » dưới đây, tác-giả đã khéo tả cho ta thấy hình ảnh một tiểu-nhân cây thế hẳn ông đội Tây và hình-ảnh « nhỏ mọn » của một ông phu-lit An-nam :

Chỉ vì con chó săn

Bùi-Độ-Diễm, có bộ mặt gân-guốc tướng binh của một anh bếp hầu một viên đội Tây, phải buộc vào tội thóa mạ viên chức nhà nước lúc đương hành-sự.

Chắc Diễm thường được trông « quan » đội — mà Diễm được cải hân-hạnh làm bếp — ra uy hống-khách với bọn lính ở dưới quyền « quan », nên Diễm coi thường bọn « phu-lit » mà Diễm nhăm là lính tập.

Sự nhăm lăm ấy đưa Diễm ra trước Tòa.

— Bẩm con không dám đánh ông ấy ạ.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— *Thế sao áo người ta lại rách ?*

BÙI-ĐỘ-DIỄM.— *Bẩm tại ông ấy ngã xe đạp. Thấy xe đạp con không có đèn, ông ấy đuổi con, chặn đường thế nào lại húc ngay phải vệ đường ngã sóng toài ra. Nếu con không đến đỡ dậy, thì ông ấy bắt thế nào được con.*

ÔNG BIỆN-LÝ.— *À, ra làm án nên oán đấy.*

VŨ-VĂN-TU.— *Người nấp và gầy, co ro trong chiếc*

áo bánh-tô rộng, để ý lắm mới trông thấy bộ mặt hốc-hác, có vẻ khó khăn. Giá thử đem để bên một viên đội xếp bên Anh hay bên Mỹ thì vị tất đã cao quá đầu gối họ. Trông bộ dạng viên « phu-lít » Tơ, người ta mới hiểu cái thái-độ quật-cường của Diễm.

— Hôm ấy, tôi « xe-vít » ở phố « Dô-lăng », tôi thấy « oog anh đi đèn » « lúy » đi xe đạp không có « lúy me ».

VIÊN THÔNG-NGÔN.— Biết tiếng Tây thì cứ nói tiếng Tây bằng không thì nói tiếng ta, chớ đừng bắt chước ông nghị « phứt, a la póc » như thế (cứ tọa cười).

VŨ-VẤN-TƯ.— Vâng (chỉ vào Diễm) Tên này đi xe đạp không có đèn, tôi bắt mang về bóp, rồi nó đưa tôi về nhà nó ở phố Sinh-Tử, về đến đấy nó chạy thẳng vào nhà, cho vợ ra « xin » tôi. Tôi không nghe, nó bèn ra siêng-sộ, đâm tôi hai cái vào ngực, vỡ cả đồng-hồ, gãy cả bút chì, rồi nó rút cuốn sổ tay của tôi lúi vào nhà mất.

Tư phanh áo bánh-tô, chỉ vào chỗ áo rách, lấy cái bút chì gãy và lấy cái đồng-hồ quả quít vỡ mặt kính để lên tay:

— Đây, quan xem. Tang chứng còn rành rành ra đây.

ÔNG BIỆN-LÝ.— Đồng-hồ và bút chì của anh bị thương, còn anh có bị thương không?

VŨ-VẤN-TƯ.— Bấm không việc gì. Duly nó bảo con là đồ chó săn, nên con xin quan tòa làm tội nó.

BÙI-ĐỘ-DIỄM.— Bấm quan thực con oan. Con không bảo ông ấy là chó săn. Còn cuốn sổ tay, ông ấy đánh rớt xuống đất, vợ con nó nhặt được đem giặt, thế là chúng con tức-tế lắm rồi.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Dè thường anh đợi người ta cảm ơn anh nữa chớ? Anh còn điều gì nữa không?

BÙI-ĐỘ-DIỄM.— (ngập ngừng).— Bấm... quan đời con thường bảo ở bên Pháp, phu-lít, mật-thám lại thích cho người ta gọi là chó săn tốt, phanh ly-mê (fia limier) (cứ tọa cười).

ÔNG CHÁNH-AN.— *Đấy không phải ở bên Pháp. Bốn mươi quan tiền phạt.*

Lần sau, trước khi dùng chữ dịch, chắc Diêm phải nhắc rằng mình ở bên Annam.



Bài « Hai nghìn quan tiền Tây » dưới đây rất linh-động ở cách đối thoại, rất cảm-động ở những nhận xét từ-mi về những người dân cùng khổ và nhẫn-nại ở chốn bùn lầy nước đọng. Tất cả cái phi-lý, lạnh-lùng của công-lý thực-dân thể-hiện trong bài này. Tình cảnh người dân Việt thật đáng thương và càng đáng thương ở thái-độ nhẫn-nại của họ. Không-khi di-dòm, ngộ-nghĩnh, đùa-cợt vụn biếm. Chúng ta đi vào một thế-giới của cảm-uất bi-phẫn. Quan tòa, thông-ngôn ở đây cũng đáng ghét.



Hai nghìn quan tiền Tây

Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử « tù rượu », nghĩa là những người bị cáo về tội buồn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghi-ngợi báng-khuáng hơn.

Một dãy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tã, váy đụp, không dám ngồi hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mất ghế của nhà nước, một dãy người lắc hắc, hỏi hám như những tang chứng hoạt-động của sự lam-lũ, neco-nhớt ở nơi bùn lầy nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đi hiện hồn lên trách thăm cái phú-quý của những người khác.

Mày có nấu rượu lậu không ?

— *Bẩm có.*

ÔNG CHÁNH-AN.— *Phạt hai nghìn quan tiền Tây.*

Sự thất-vọng và tình nhân-nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy-gò, xanh-xao của một người nông-phu rết run trong manh áo mỏng sờn vai, và nhiều chỗ. Anh ta đã rời vòng mòng ngựa còn quay cổ lại như muốn nài điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng vô ích nên lại bước chân đi.

— Mày có cơm rượu lấu không ?

— Bám, con không nấu rượu lấu...

— Nhưng người ta bắt được bả rượu ở nhà mày.

— Bám có.

ÔNG CHANH-AN.— Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão già kén van :

— Bám, con già nua... quan thương cho...

VIÊN THÔNG-NGÓN.— Già nua mặc kệ, về việc đơm, không ai thương xót đâu. Ra !

Bà lão thở dài, nước mắt rung-rung muốn khóc, ó vang lên :

— Bám, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đàn con già ?

VIÊN THÔNG-NGÓN.— Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống-án. Đi ! đi ra.

Thấy bà lão trù trù, viên thông-ngón quát :

— Đội xếp đầu ! lỏi nó ra.

Người đội xếp sấn xô lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, vẩy đũa, áo tứ thân rách, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

— Mày có cơm rượu lấu không ?

— Bám không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.
 - Bẩm không ở ruộng con đây ạ.
 - Thế là đã rồi.
 - Bẩm ruộng con cách nhà con xa lắm. Người ta thù con người tư bỏ vào đấy ạ.
 - Có biết ai bỏ không ?
 - Bẩm không.
- ÔNG CHÁNH-ÁN.**— Hai nghìn quan tiền phạt.
 Rồi kế tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội.
Ông chánh-án không lần nào phải nghỉ-ngơi khi lên tiếng :
 — Hai nghìn quan tiền phạt.



- Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra vờn lạy :
- Bẩm, con tàn-tật, tật...
 - Tàn-tật mặc, anh, có cơm rượu lậu không ?
 - Bẩm có.
 - Anh đã bị án hai lần rồi. Sao lại còn phạm nữa ?
 - Bẩm con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn-tật bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.
 - Không biết, Hai nghìn quan tiền phạt.



— Bài « Anh-hùng mặt lộ » cho ta thấy cảnh nhà nho suy-tàn gặp cái phi-lý của công-lý cấm-phô-biến giáo-dục. Một bức tranh ghi được đầy đủ những nét điển-hình của một nhà Nho hết thời, để cười ra nước mắt :

Anh-hùng mặt lộ

Nguyễn-xuân-Bi là một nhà nho, cứ trông ông ta cũng đã biết. Từ cái áo the sồi vai xúng-xính, cái khăn lượt chải chững-chạc cho đến dáng-điệu, ngôn-ngữ, ông đều để lộ về nhà nho lúc nào.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Thế nào, anh có nhận tội không?

BI.— Bẩm chúng tôi làm gì nên tội?

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Không có tội sao lại ra đây?

BI.— Bẩm, không biết. Chúng tôi chỉ biết theo lễ-nghi của cổ nhân dạy bảo lũ trẻ... học đạo thánh hiền.

ÔNG CHÁNH-ÁN (đặc thế).— Chính thế. Anh dạy học không có giấy phép. Anh muốn dạy đạo thì dạy, nhưng phải có giấy phép nhà nước cho.

BI.— Bẩm, vâng dĩa học trò nửa người nửa ngựa, làm gì mà phải phép với tác.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Anh dạy mấy dĩa?

BI.— Bẩm, sáu dĩa?

ÔNG CHÁNH-ÁN.— (lại đặc thế).— Sáu dĩa thì còn n'ì gì nữa. Lại chỉ có 5 dĩa học trò mới không phải xin phép.

BI.— Bẩm, năm với sáu thì khác nhau cái gì? Thật chúng tôi không hiểu.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— (mím cười).— Tôi cũng không hiểu. Nhưng luật-pháp là luật-pháp. *Dura lex, sed lex*.

Một ông Tây n'ì tiếng La-tinh cho một người An-nam thông chữ Tàn nghe, thì còn hiểu nhau làm sao được.

Ông Bi chỉ lấy cái mím cười ngầy ngỗ đáp lại ông Chánh-án.

ÔNG CHÁNH-ÁN (tuyên án).— Chiều theo Nghị-định ngày 14 tháng 5 năm 1924, phạt Nguyễn-xuân-Bi trăm quan tiền Tây. Còn bút nghiên, giấy, mực bắt được, tòn tịch biến. Mà từ rày, không được dạy học như thế nữa, nghe!

BI. — (nào-nùng). — *Vậy đạo thánh-hiền, chúng tôi cũng không được dạy à ?*

ÔNG THÓN-NGÓN. — *Tòa tuyên-án rồi, thôi đi ra.*

Bi lặng lẽ đi ra, trên nét mặt hiện vẻ thất-vọng chán-nản và nhủ-nại. Bi ngửa mặt lên trời tác lưỡi thờ dài : ý chừng y tự nhắc đến câu : « Ta hồ ! ngộ đạo suy-hĩ ! » của đức Không khi xưa.

Trông Bi lúc bấy giờ có vẻ bi-thương ào-nào như cái biểu-hiệu của một thời đại tàn-tạ, điêu-linh.



Thình thoảng tác-giả cũng cho chúng ta gặp một sự phi-lý ngộ-ngĩnh và nhân-đạo. Giá tất cả nhân-loại đối với nhau phi-lý như thái-độ của ông Vĩnh-Thái dưới đây thì cuộc đời dễ thở biết mấy.

Năm trăm bạc

Xúng xính trong chiếc áo the mới. Nguyễn-văn-Cầu, cu-li xe, thình-thoảng lại liếc nhìn ông Trần-văn-Chương, đứng nhỏ xíu ở giữa ghế trạng-sư, như anh ta sợ ông trạng-sư biến mất thì không còn ai bảo-vệ cho nữa vậy.

ÔNG CHÁNH-ÁN. — *Anh bị khép vào tội ăn cắp năm trăm bạc, có không ?*

NGUYỄN-VĂN-CẦU. — *Bẩm ăn cắp thì quả con không ăn cắp. Chỉ có cụ Vĩnh-Thái bỏ quên trên xe còn cái ví đựng năm trăm bạc, con đã trót lấy con tiền...*

ÔNG CHÁNH-ÁN (mìm-cười). — *Lấy của người ta mà tiền thế gọi là ăn cắp. Sao anh không đem số tiền bắt được trả lại ông cụ hay nộp trên sở cảnh ?*

NGUYỄN-VĂN-CẦU (thực-thà). — *Bẩm con nghèo.*

Cử tọa cười. Ông Chánh-án cũng cười. Dạy Cầu ngo-

ngạc lầy lầm lự. Ý giã anh ta nghĩ làm cu-li xe kiết xác mà vô được năm trăm bạc, bảo đem lên sở cấm nộp, thì chẳng khác gì bảo ông Lý-Toét đừng toét, bảo ông Bung Bạnh đừng bạnh, hay bảo ông Tôn-thất-Bình đừng tán-dương ai nữa vậy.

Ông cụ Vinh-Thái là người mất tiền, có lẽ cùng đồng-ý với bị-cáo nhân, và khi người ta gọi vào làm chứng, một nụ cười bí mật nở ra sau bộ râu bạc phơ của ông cụ.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Ông bỏ quên trên xe của bị cáo nhân một cái ví ?

ÔNG VINH-THÁI.— Vâng

ÔNG CHÁNH-ÁN.— Trong ví có năm trăm đồng bạc ?

ÔNG VINH-THÁI.— Bẩm không. Chỉ có năm đồng thôi.

ÔNG CHÁNH-ÁN.— (ngạc-nhiên) Chỉ có năm đồng ?

ÔNG TRẠNG-SUP TRẦN-VĂN-CHƯƠNG.— Vâng, chỉ có năm đồng.

Cụ Vinh-Thái từ trước đến giờ vẫn chỉ nhận có thế. Cụ là một nhà giàu ở Hà-Nội, năm trăm bạc đối với cụ không là bao, chớ đối với Nguyễn-văn-Cần, thì thật là to. Cụ nghĩ như vậy, nên thương Cần nghèo không nhận mất 500đ mà Cần đã nhận là lấy của Cụ. Như vậy ý Cụ đã định cho Cần số tiền ấy, thiết tưởng tòa cũng lượng cho mà làm án như một người cu-li nghèo khổ. Còn số tiền 495đ kia, Cụ Vinh-Thái đã không nhận thì là tiền vô chủ. Mà đã làm tiền vô chủ, thì người bắt được đem nộp ở Cấm hết hạn một năm sẽ có quyền lấy về làm của mình. Vậy xin Tòa lên án cho Cần cái quyền ấy...

Ngoài cái quyền ấy, tòa lại gia thêm cho Cần bốn tháng nhà phạt. Ở bốn tháng nhà phạt rồi được lĩnh số tiền 495đ về tiền, nên Cần bước ra khỏi vành móng ngựa, còn được lủ bị cáo nhân ngồi trong tòa nhìn theo bằng con mắt thêm thường.

KHÁI - HƯNG

Khái-Hưng

(1896 — 1947)

Khái-Hưng tên thật Trần-Khánh-Giur, sinh năm 1896 tại làng Cồ-Am, huyện Vĩnh-Bảo, tỉnh Hải-Dương, con cụ Tuần-phủ Trần-Mỹ, rề cụ Tổng-đốc Lê-văn-Đình. Ông còn người anh cả là Trần-Xuân và hai em gái là Trần-Tự và Trần-Tiêu. Ông theo học ở Albert-Sarraut, đỗ Tú-tài ban Cồ-diễn rồi ra dạy học ở trường Thăng-Long, tỉnh tỉnh khoáng-đạt vui-vẻ. Năm 1930, Trần-Khánh-Giur bắt đầu viết cho tờ báo của Chu-Mậu, viết những bài xã-thuyết hoặc truyện vui hàng tuần. Năm 1931 ông gặp Nguyễn - tường - Tam ở trường Thăng-Long cả hai bàn cách sáng lập một tờ báo có chủ-trương rõ rệt.

Ngày 22-9-1932 tờ *Phong-Hóa* đời mới ra đời. Khái-Hưng bắt đầu viết tiểu-thuyết. *Hồn bướm mơ tiên* (1933) là tác-phẩm đầu tay của ông. Cho tới năm 1940 ông đã viết được nhiều tác-phẩm.

Giai đoạn 1940-1945 giai đoạn đấu-tranh chính-trị, ông bị Pháp bắt giam năm 1941 ở lao-xá Vụ-Bản.

Sau vụ-đảo chính-Nhật, *Ngày Nay* kỷ-nguyên mới ra đời (1945) ông viết « *Xiềng xích* » tập truyện

dài kể cuộc đời chốn lao tù, bị tra-tấn dã-man của chiến-sĩ cách-mạng. Khi Việt-Minh nắm chính-quyền, Nhất-Linh ở Tàu về, ông viết báo Việt-Nam của Quốc-Dân Đảng. Theo tài-liệu của ông Tú Gầy, đăng trong Tâm-Tinh — số 1 — thì khi cuộc kháng-chiến bùng nổ, ông về quê ngoại ở làng Dịch-Diệp, huyện Trục-Ninh tỉnh Nam-Định, rồi bị công-an V.M. bắt giam tại « Cải hối thất chính-trị phạm Liên-khu III » ở Lạc-Quần (Trục-Ninh). Ông bị chúng thủ tiêu ở bến đò Cự-Gà thuộc Phủ Xuân-Trường vào năm 1947. Chúng hành-quyết ông bằng hai phát súng lục cho xóc vào bao tải rồi đẩy xuống sông cho mất tích.

Tác-phẩm của ông đại loại có thể tạm xếp như sau :

A. — Tiểu-thuyết dài

1. — Tiểu-thuyết lý-tưởng

- a) *Hồn bướm mơ tiên* (ái-tình lý-tưởng nhuộm màu tôn-giáo)
- b) *Nửa chừng xuân* (ái-tình lý-tưởng nhuộm màu nhân-tính).
- c) *Trống mái* (ái-tình lý-tưởng về cái đẹp của thể-chất, tỷ như pho tượng đẹp).

2. — Tiểu-thuyết có tính-cách lãng-mạn tiêu-tu-sôn. (Loại này cũng là biến-thể của loại trên, chỉ thiếu tính-cách lý-tưởng) :

- *Những ngày vui*
- *Đẹp*
- *Thanh-Đức (Băn khoăn)*

3. — Tiểu-thuyết phong-tục :

- *Thoát-ly*
- *Thừa-tự*
- *Gia-đình*

4. — Tiểu-thuyết tâm-lý :

- *Hạnh*

5. — Tiểu-thuyết dã-sử :

- *Tiểu-sơn-tráng-sĩ*

B. — Kịch :

- *Tục lự*
- *Đồng bệnh*

C. — Những tập truyện ngắn :

- *Giọc đường gió bụi*
- *Tiếng suối reo*
- *Đợi chó*
- *Đồng xu*

D. — Truyện loại sách hồng :

- *Ông đồ bề*
- *Cóc tía*
- *Đạo sĩ...*

Dưới đây là những ý-kiến của chúng tôi về riêng ba truyện được xếp loại là tiểu-thuyết lý-tưởng.



Hồn bướm mơ tiên

A. — Lược truyện.

Ngọc sinh-viên trường Cao-Đẳng canh-nông, một thanh-niên thông-minh, lạc-quan, giàu tình-cảm từ Hà-Nội về nghỉ hè với bác là sư cụ chùa Long-Giáng. Tới đây Ngọc gặp chú tiểu Lan mà chàng nghĩ là gái. Sau bao ngày quan-sát, dò xét, mối nghi-ngờ của Ngọc càng sâu đậm hơn. Rồi một hôm sư cụ chùa Long-Giáng sai Lan mang bánh và chè sang tạ sư ông bên chùa Long-Vân, Ngọc cũng xin phép đi theo chú Lan. Vì trời mưa Ngọc và Lan phải ngủ lại chùa Long-Vân. Ngọc muốn ép Lan cùng ngủ với mình, đổi bên người lười đi kẻ kéo lại, áo dài áo ngắn của Lan đều tuột cúc. Ngọc bỗng kêu rú lên một tiếng buồng tay Lan ra. Chàng thoáng thấy ngực Lan quần vải nâu.

Lan sợ-hãi bỏ trốn. Ngọc chạy theo xin lỗi. Ngọc tổ tình yên với Lan và nguyện sẽ vì nàng hy-sinh hết thảy, kể cả ái-tình tuyệt-vọng của chàng. Thái-độ quân-lử của Ngọc làm Lan rất đổi cảm phục, Ngọc bỏ chùa về Hà-Nội. Một chiều chủ-nhật Ngọc từ Hà-Nội đạp xe lên Bắc-Ninh thăm Lan (mấy lần trước chàng chỉ đạp xe đến chân đồi chùa Long-Giáng rồi quay trở lại). Ngọc hứa là suốt đời yên

Lan bằng tình yêu lý-tưởng và xin phép Lan mỗi lần nghỉ học được lên chùa gặp Lan rồi lại quay trở về :

« Tôi xin thề với Lan rằng tôi giữ được mãi như thế. Tôi xin viên phật-tổ thề với Lan rằng suốt một đời tôi, tôi sẽ trung-thành thờ ở trong tâm-trí cái linh-hồn diệu-dàng của Lan.

« Gia-đình ? Tôi không có gia-đình nữa. Đại gia đình của tôi này là nhân-loại, là vũ-trụ mà tiểu gia-đình của tôi là... hai linh-hồn của đôi ta, ẩn-nấp dưới lòng từ-bi Phật-tổ.

« Yêu là một luật chung của vạn-vật mà là bản tính của Phật-giáo. Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh-hồn, trong lý-tưởng, Phật-tổ cũng chẳng cấm- đoán đôi ta yêu nhau như thế ».

Và đôi tình-nhân đã biết đồng-hóa tình yêu vào tình yêu tôn-giáo đó, từ biệt nhau trong một cảnh chiều tịch-mịch đây là rừng.

« Ngọc từ giã Lan, giắt xe đạp xuống đồi. Bấy giờ sắc trời dịu-dịu, vạn-vật như theo tiếng chuông chiều thông-thả sắp rơi vào quầng êm-đềm tịch-mịch. Lan đứng chấp tay tụng niệm, con mắt lơ-lơ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu...

Lá rụng !

B. — Phê-bình.

Trong truyện Atala của Chateaubriand, Atala

yêu Chactas nhưng vì đã trót hứa với mẹ nàng sẽ đi tu, nàng chết vì tình yêu ấy. Ở « *Hồn bướm mơ tiên* » ta cũng thấy Lan nhắc đến lời hứa với mẹ. Điều này chúng ta thấy phi-lý. Vào bất cứ thời-đại nào, người mẹ Việt-Nam có thể buộc con phải hứa sẽ thành chiến-sĩ cách-mạng chứ không bao giờ buộc con thể phải đi tu thành « ni-cô » như vậy.

Chúng ta lại có thể như một số nhà phê-bình (trong số có ông Vũ-Ngọc-Phan) nêu câu hỏi : trẻ như Ngọc, đẹp như Lan, lãng-mạn như cả hai, con đường từ Hà-Nội đến chùa Long-Giáng lại không xa lắm, liệu Ngọc có giữ nổi lời hứa chẳng? Nhưng dù sao chúng ta cũng phải công nhận là tác-giả đã dừng lại ở chỗ đáng dừng, khiến câu chuyện tình ngọt-ngào hương lý-tưởng.

Cái thú của bản-văn này chính là sự hiếu-kỳ, ban đầu bị kích động ở trong lòng Ngọc rồi nó nhóm dần cảm-tình của Ngọc đối với Lan. Và sự hiếu-kỳ càng tăng, càng muốn điều-tra ra tông tích chú tiểu Lan, Ngọc càng mắc vào bả tình mà không hay. Khi chàng biết được Lan là gái thì ý nghĩ về nàng đã chiếm cứ toàn-thể tâm-hồn Ngọc rồi.

Chúng tôi rất đồng-ý với ông Trương-Chính là với những tác-phẩm sau, nghệ-thuật Khái-Hưng đã điều luyện lắm, nhưng « *Hồn bướm mơ tiên* » vẫn giữ mãi hương-vị êm-dịu, ngào ngọt của những bông hoa đầu mùa. Chẳng khác gì « *Lettres de mon moulin* » của Alphonse Daudet so với những tác-phẩm về sau của cùng tác-giả.



Nửa chừng xuân

I.— Lược truyện

Truyện gồm ba phần :

PHẦN THỨ NHẤT

Mai từ quê nhà — Ninh-Bắc — tới Hà-Nội tìm em là Huy đang học năm thứ ba tại trường Bào-Hộ. Hai chị em đến nhà ông Phan Hai, ông bác họ nhưng bị ghê lạnh. Hôm sau Huy vào trường, Mai ra ga Hàng Cỏ để trở về quê. Nàng quyết-định chuyển này sẽ bán nhà để lấy tiền cho em tiếp-tục học. Trên chuyến xe lửa nàng gặp Lộc :

« Thưa cô, cô có phải cô Mai, con cụ Tú Ninh-Bắc không ?

Mai ngước mắt nhìn lên rồi hỏi :

— Thưa ông, sao ông biết tôi ?

Chàng kia cười :

— Thế ra cô quên tôi rồi, tôi là Lộc...

Mai vui mừng hỏi :

— Cậu Lộc, con quan Huyện Kim-Anh ?

— Vâng, chính tôi là Lộc. Nhưng thầy tôi không làm tri huyện nữa. Thầy tôi đã thăng đến án-sát và mất rồi.

— Khở ! Thế cậu bây giờ làm gì ?

— Tôi làm tham-tá ở Hà-Nội.

Mai cười :

— Chóng nhĩ. Mới ngày nào !

Lộc đỡ lời nói luôn :

— Đã bảy tám năm nay rồi, có còn bảo mới ngày nào.

Bảy năm về trước, quan Huyện Kim-Anh có mời cụ Tú Lãm đến dạy hai cô con gái học chữ Nho. Bấy giờ cụ Tú đã gặp lúc quần-bách vì luôn mấy năm buôn gỗ bị thua lỗ, cái vốn dăm, sáu nghìn đã gần khánh-khiet, nên thấy người bạn xưa muốn tìm cách giúp đỡ thì nhận ngay.

Cụ Tú lúc đó góa vợ nên đưa cả con gái lên huyện cho tiện đường dạy dỗ, còn Huy thì Cụ đã cho trọ học ở nhà ông Phán Hai ở Hà-Nội.

Trong hai năm, mỗi lần nghỉ lễ, hoặc nghỉ hè, Lộc về chơi nhà đều gặp Mai. Khi ấy Mai mới 11 tuổi mà Lộc thì đã lớn và theo học ở lớp ba trường Trung-học Tây.

Lộc coi Mai như một người em nhỏ, và yêu quý Mai lắm, mỗi lần ở Hà-Nội về mua quà cho hai em thực gì thì cũng mua cho Mai thực ấy.

Mai nhằm ôn lại truyện xưa, mồm mím cười xuống nhìn quốc nói :

— Thế ra ông là anh Lộc của em đấy ? ».

Mai đã cảm-động buột mồm nói ra câu quá thân-mật. Chính với câu nói thân-mật đó tác-giả đã sửa-soạn cho chúng ta thấy cảm-tình của hai người đối với nhau sẽ một ngày thêm nặng nề sau này.

Vẫn trên chuyến xe đó, khi rõ tình-cảm của Mai, Lộc nhất định giúp Mai một số tiền là 20\$ để phòng khi chưa bán được nhà thì hãy tiêu tạm. Mai cương-quyết từ chối mà không xong.

Việc bán nhà cho Hàn-Thanh quả không xong, Mai còn đang phân-vân, thì vừa hay Lộc tìm đến nặng.

Thái độ trang-nhã, cao-thượng của Lộc đã làm Mai tin cần và cùng chàng lên Hà-Nội. Lộc thuê một căn nhà ở phố Yên-Phụ, bên hồ Trúc-Bạch để hai chị em Mai ở. Huy tiếp-tục việc học.

PHẦN THỨ HAI

Trong thời kỳ ba tháng đầu, Mai ở chung với em, không ngày nào Lộc không đến thăm, tình-cảm mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu đã đổi ra tình yêu. Bà Ân (mẹ Lộc) phản-đối cuộc nhân-duyên này vì bà đã hỏi con quan Tuần cho Lộc để cuộc nhân-duyên được môn đăng hộ đối. Lộc nhờ một cụ già giả làm mẹ đến tác thành cuộc hôn-nhân giữa chàng và Mai. Câu chuyện vỡ lẽ, bà Ân lập kế ly-gián, gieo nghi-ngờ vào đầu óc Lộc rồi trực-tiếp đến gặp Mai, đuổi khéo nàng ra khỏi nhà mặc dầu khi đó nàng đã có mang.

Mai nhần-nhục làm cô hàng quả. Huy bị ốm thập-tử nhất-sinh, may nhờ Diên mời đốc-tờ chữa giúp, nên chẳng bao lâu Huy khỏi bệnh. (Diên là một gái giang-hồ, em Diên là Trọng bạn học với Huy, Diên coi Huy như em, ông đốc-tờ là tình-nhân của Diên).

Mặc dầu trải bao lầm than khổ cực, Mai vẫn đương đầu được mọi cám dỗ, nằng từ chối lời hối của ông Đốc Minh, từ chối tình-yêu của họa-sĩ Bạch-Hải.

PHẦN THỨ BA

Năm năm qua. Ông Tham Lộc đã thành ông Huyện Lộc. Vợ chàng, con gái quan Tuần — bị hai lần hữu sanh vô dưỡng, tình tình trở nên gắt gỏng, đôi khi hỗn láo cả với mẹ chồng.

Trong khi đó Huy đã thành tài và được bỏ đi dạy học ở Phú-Thọ. Sống cùng với Huy là Mai, cháu Ái (con Mai) và ông Hạnh, người lão-bộc trung-thành.

Vì một sự tình cờ gặp họa-sĩ Bạch-Hải mà Lộc hiểu rõ hết nỗi oan khổ của Mai. Bà Ân lên tận Phú-Thọ tìm Mai, những mong mạng được cháu Ái về nhưng thất-bại.

Lộc lên tìm Mai, gặp lại người cũ trên đời, rồi qua một đêm hàn-huyên bên lò sưởi, tình-cảm của Mai từ giận hờn tủi cực chuyển dần sang tha thứ, thương yêu.

Nhưng tình xưa dù nặng, Mai vẫn vì hạnh-phúc, thanh-danh của người yêu mà hy-sinh ái-tính của nàng, dù nàng mới... nửa chừng xuân.

Tình yêu cao-thương của Mai, lòng hy-sinh cao đẹp của Mai đã giác-ngộ Lộc, đã nức-khải cho Lộc thấy một đường sống mới vị-tha, đầy dũng-cảm và hy-sinh.

« Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa, anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác mà anh sẽ bỏ cái đời an-nhàn phú-quí mà giấu thân vào cuộc đời gió bụi,... »

II. — Phê-bình tâm-lý nhân-vật

(Những dòng trích sau đây theo cuốn « Nửa chừng xuân » Phụng-Giang — 1953).

MAI

Nàng là vai chính duy-nhất trong Nửa chừng xuân. Được hưởng nền giáo-dục khoáng-đạt của cha (cụ Tú Lãm) nàng giữ lòng biết ơn, tha-thứ và yêu-thương rộng lớn. Chính vì vậy cả cuộc đời nàng là lịch-sử cuộc đời hy-sinh vì kẻ khác, hầu như không bao giờ nàng nghĩ đến mình.

Mai, một người chí giàu lòng hy-sinh.

Dưới đây là câu chuyện giữa Mai với Lộc trên xe hỏa.

« — Thưa ông lúc này là lúc phải liều. Thế nào em cũng phải để em Huy học đến nơi đến chốn, mà muốn được thế chỉ còn một cách là bán nhà... Và nếu ông lo-ngại cho em thân gái thì ở đâu mà không lo ngại Ở nhà quê đã chắc đấu-tranh khỏi bọn cường-hào hà-hiếp ? Dầu sao em vẫn nhớ lời nguyên-vọng cuối cùng của thầy em : là để em Huy học thành tài và trở nên người hữu-dụng.

Lộc mỉm cười :

— Nhưng còn có ?

Mai ngo-ngác :

— Em không hiểu.

— Tôi hỏi còn có thì có trở nên gì. Từ nãy đến giờ tôi chưa hề thấy có tướng đèn có.

— Tôi ấy à ?

Mai hơi lấy làm lạ. Vì thực ra cũng không mấy khi có tự-nghĩ đến có...» (tr. 34).

Lời Mai nói với bà Ân :

«... Trong lúc quẩn-bách, con đã toan lấy một ông Hàn cự-phủ, không phải là để tìm chỗ nương thân, vì con xin thú-thực, con không hề tưởng đến thân con, nhưng chỉ cốt giữ được lời hứa với cha con lúc lâm-chung : là thay cha nuôi em ăn học thành tài và trở nên người hữu-dụng (tr. 130).



Mai, một người tình giàu lòng hy-sinh và chung - thủy.

Trước hết, Mai yêu Lộc không phải vì Lộc giàu sang mà vì cái đẹp của tâm-hồn Lộc :

«Thực vậy, từ ngày nàng gặp Lộc đến nay, trái tim nàng đã nhiều lần hồi-hộp vì những tính-tình cao-thượng, những cách hành-vi quân-tử của chàng. Nàng chỉ mong có dịp báo đáp ơn sâu...» (tr. 80).

Và trong khi nghe lời trần-tình thành-thực của Lộc-ngổ ý muốn lấy Mai làm vợ, đây ý-nghĩ thầm của Mai :

«Thì ông không biết rằng cái thân này, cái linh-hồn này đã là của ông rồi hay sao ? Hà tất ông còn phải xin, phải van » (tr. 81).

Tin ở chân giá-trị tình yêu cao-thượng, trong sạch của mình, Mai bất-chấp lễ-nghi. Đây là lời tác-giả nói về Mai :

« Kề ra giá chàng cứ thú-thực với Mai rằng mẹ chàng không bằng lòng cho chàng kết-hôn cùng Mai, nhưng ngoài Mai ra, chàng không thể yêu được một người nào khác thì có lẽ Mai cũng vì nàng mà hy-sinh hết trinh-tiết cùng danh-dự, hy-sinh cả cái đời thanh-niên » (tr. 80).

Là người tình chung-thủy, Mai vượt mọi cảm dỗ, ngay cả trong hoàn-cảnh đen tối nhất (cụ-tuyệt ông Đốc Minh, tránh họa-sĩ Bạch-Hải). Tình yêu của nàng với Lộc sâu xa đến nỗi sau năm năm xa cách, giận hờn mà khi thoáng thấy mau giấy viết thơ biết ngay là thơ của Lộc :

« Huy toan nói dối là bức thơ của bạn. Song hình như đọc được tư-tưởng của em và muốn tránh cho em một sự nói dối vô ích, Mai cười gượng :

— Anh ấy vẫn dùng thứ giấy viết thơ ngày xưa nhỉ ? » (tr. 192).

Cái linh-dộng ở nhân-vật Mai còn ở chỗ nàng rất « người ». Nàng có giận hờn tủi hổ về cách ăn ở tệ-bạc của Lộc, cùng thái-dộ tàn-nhân của bà Ân nhưng rồi sau đó lại xúc-dộng từ-tâm.

Khi bà Ân lên Phú-Thọ tìm nàng, bà đã hai lần bị Mai mĩa mạt. Lần thứ nhất khi hai người mới chạm trán nhau :

« Kia chào mẹ ! Mẹ đi chợ về ?

Mai chấp tay đáp lễ rồi ngáy người đứng im.

Bà Ân cười vui-vẻ hỏi :

— Mẹ quên tôi rồi ?

Mai cũng cười chua-chát trả lời :

Bầm cụ bao giờ con quên được cụ...» (tr. 231).

Lần thứ hai khi Mai mời bà Ân ăn cơm :

« *Huy bảo chị :*

— *Ấy em đã hết sức mời cụ nhưng cụ từ chối.*

Mai mỉm cười :

— *Hay cụ chế nhà chúng cháu nghèo, cụ khinh chúng cháu là con nhà hạ-liên* (tr. 232).

Nàng cũng chỉ nói vậy cho vợ bớt nỗi sầu uất chứa chất trong lòng, còn thái-độ thường-xuyên của nàng tuy cương-quyết đấy nhưng lễ độ, nhân-ái.

Rất giàu tình-cảm nhưng lý-trí sáng-suốt, nàng biết nhìn xa trông rộng, khuyên Lộc đừng tìm cách nối lại duyên xưa với nàng mà nên trở về với trách-nhiệm nặng-nề của chàng.

Tình-cảm và lý-trí quân-bình như vậy, tâm-hồn rộng-rãi giàu tình thương, giàu hy-sinh như vậy. Mai thực là một người đàn-bà hiem có, cho nên chúng ta không ngạc-nhiên khi thấy nàng ý-thức được rõ-rệt giá-trị của nàng :

« *Lộc ngất :*

— *Thế còn em ? Em không phó-thác vào anh sao ?*

Mai mỉm cười :

— *Không, em khác. Ở đời có phải ai ai cũng hy-sinh được đâu ? »* (tr. 258).

Điểm phi-lý trong vai Mai và cũng là điểm phi-lý của câu chuyện là :

— Mai đã từng gặp bà Âu ở huyện Đông-Anh khi ông Tú dạy học ở đấy, vậy mà nàng đã quên

mặt bà Ân đến nỗi Lộc có thể nhờ một người đàn bà khác giả làm mẹ mà ngay lúc đó Mai không một chút nghi-ngờ.

— Suốt trong thời gian đã là vợ Lộc, ở ngay Hà-Nội, việc con dâu đi lại thăm mẹ chồng là một việc tất yếu phải có, mà tuyệt-nhiên ta không thấy Mai làm truyện đó.

LỘC :

Nếu tâm-lý vai Mai được tác-giả dựng chặt-chẽ bao nhiêu thì vai Lộc lỏng-lẻo bấy nhiêu. Tâm-lý Lộc biến-chuyển theo ba đợt tương-ứng với ba phần của câu chuyện.

Đợt một :

Trong phần thứ nhất câu chuyện, Lộc xuất hiện như một Kim-Trọng hào-hoa phong-nhã, tu-tướng phóng-khoáng, hành-vi vô-tư-lợi. Việc chàng tìm đến Ninh-Bắc gặp Mai rất đúng tâm-lý chàng trai bắt đầu yêu.

Đợt hai :

Trong phần thứ hai câu chuyện Lộc nhờ một bà cụ giả làm mẹ để xin hỏi cưới Mai cho chàng. Thế là tiền gia-dình này gồm : Lộc, Mai và Huy. Nhưng sang phần này Lộc biến thành một người đàn ông nhu-nhược, ích-kỷ bản-tính, ghen một cách mù-quáng.

Nhân-danh chữ hiếu, chàng nép mình chịu khuất-phục quan-niệm cũ của mẹ.

Bà Ân sủa sói vào mặt con :

— À mày dở văn-minh ra với tao à ? Tự-do kết-

hôm à ? Mày không bằng lòng. Nhưng tao bằng lòng. Mày phải biết lấy vợ gả chồng phải tìm chỗ môn đăng hộ đối, chứ rầy đình bắt tao thông-gia với bọn nhà quê à ? với bọn cùng đinh à ? Mày làm mất thể-diện tao, mất danh-gia tổ-tiên, mày là một thằng con bất hiếu. Nghe chưa ?

Lộc thấy mẹ giận dữ quát tháo, liền cúi đầu tạ lỗi và xin cam-đoan vâng lời mẹ dạy. Xưa nay Lộc vẫn là người con có hiếu (tr. 69).

Nghi Mai có ngoại tình, chàng đã mắc-mưu mẹ một cách quá ngây thơ (vì cái thơ nặc-danh ký tên NG. Y.).

Đọc xong chương « Mẹ con », chúng ta phải đi đến kết-luận rằng : Cái thằng thần và trong sáng của tâm-hồn Mai biểu-lộ rõ ràng hồn-nhiên như thế mà Lộc vẫn còn nghi-ngờ, chàng thực là một người hết sức tâm-thương. Đã đành một người sáng-suốt có thể trở thành u-lối, một người quảng-đại có thể trở thành thiên-cân hẹp-hòi, nhưng sự biến-chuyển tâm-lý đó phải được giải-thích bằng những sự kiện.

Vai Lộc của Khái-Hưng sụp đổ chính vì không có sự giải-thích đó. Lộc ở phần I với Lộc ở phần II như hai nhân-vật khác biệt hẳn.

Đợt ba :

Khi gặp Họa-sĩ Bạch-Hải, được họa-sĩ cho biết, hết nỗi oan-tình của Mai. Lộc hối-hận. Rồi viết thơ cho Huy... rồi bà án lên Phú-Thọ gặp Mai... rồi Lộc gặp Mai trên đồi... Lộc xuất-hiện ở phần thứ ba này không những nho-nhã đáng mến như phần thứ nhất, mà còn đáng thương nữa, vì cảnh chàng bị dày-vò bởi hối-hận.

Chợt tự nhiên tới đoạn cuối chương sau cùng, tình yêu cao cả của Mai đã giác-ngộ, Lộc tìm thấy con đường lý-tưởng phải đi :

« Lộc mất lìm-dìm cố tìm chân-lý trong những ý-tưởng phức-tạp của Mai.

Trong đầu bỗng hiện ra hình ảnh một chàng thanh-niên cứng-cúp, quắc-quyết, theo đuổi việc xã-hội, những việc mà tất phải đem hết nghị-lực tài-trí ra mới làm nổi... » (N.C.X. tr. 279).

Sau đó Lộc nói với Mai :

«... Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác, anh sẽ bỏ cái đời an-nhàn phú-quí mà dẫn thân vào một cuộc đời gió bụi...» (N.C.X. tr. 280).

Sự biến chuyển tâm-lý của Lộc ở đây cũng phi-lý như ở phần hai. Ấy là không kể hình ảnh « dẫn thân vào cuộc đời gió bụi... » hoặc : «...trong khi ấy tại một nơi hẻo lánh, một thiếu-phụ yếu chàng, đương mong-mỏi ở sự hành-động của chàng, đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời... » (N.C.X. tr. 297) đều là những hình ảnh sáo, rỗng, lãng-mạn một cách rẻ tiền.

Một người nhu-nhược như Lộc liệu có thể nhất đán trở thành một chiến-sĩ của hỷ-xả như vậy ? Một người sống thuần về tình-cảm như Lộc liệu có thể nhất đán cương-quyết xa Mai mãi ? Nhận-xét của Vũ-Ngọc-Phan không phải là không có lý : Ông Vũ đã lý-luận về đoạn này như sau :

« Lần đầu Lộc gặp Mai xin nàng tha lỗi, Mai còn tỏ vẻ lãnh-đạm, nhưng đã để cho Lộc cầm tay,

lần thứ hai, Lộc trở về nhà Mai, Mai đã có thể ngồi suốt đêm để kể nỗi lòng với Lộc ; vậy nếu Lộc cứ lên Phú-Thọ, luôn luôn đã có đứa con trai là thằng Ái bác cầu cho đôi bên, cặp vợ chồng ấy có thể nào xa nhau mãi được ? Sự tái-hợp chỉ là một sự rất thường ».

Tóm lại Khải-Hưng đã thất-bại khi dựng vai Lộc và sự đồ vỡ của vai này đã làm suy-giảm khá nhiều giá trị tư-tưởng của tác-phẩm.

HUY :

Tuy là vai phụ nhưng Huy cũng nêu được tầm gương lớn về đức-tính khảng-khải, thẳng-thắn. Điều đáng quý ở Huy là trong cảnh túng quẫn thì không thêm nhờ vả ai, cần rằng chịu đựng, nhưng lúc thẳng thắn chàng lại đầy lòng tha-thứ. Thái độ điềm-tĩnh, lễ-phép khi chàng tiếp bà Ân ở Phú-Thọ, thái-độ nhân-đạo của chàng đối với Lộc ở chương « Trên đồi » chứng tỏ chàng thật xứng đáng là em Mai.

BÀ ÁN :

Bà là người đại-diện cho phái cũ nệ cổ, nên bà quá chú-trọng đến việc môn đăng hộ đối và nhất quyết liệt Mai vào hạng liễu ngổ hoa tường. Bà yên trí Mai sắp sửa làm hại đời con bà như con điều hâu định ăn thịt con gà con. Bà rất mực thương con nhưng nghiêm và cương-quyết (Bà thương con theo quan-niệm của bà).

« Thế thì mày giỏi thật... Mày đối tao, mày đánh lừa tao...

Giời ơi ! Đẹp mặt ! Ông tham con quan Ân mà

tạm những việc khốn-nạn như thế. Nếu bên quan Tuần mà biết chuyện này thì mây bảo sao ? Thì tao còn mặt mũi nào hử thằng kia ?

.

A thằng này giỏi thật, vượt quyền cha mẹ. Không còn biết ngũ luân ngũ thường là gì nữa...»
(tr. 107).

Trong chương « Hội kiến » bà án đã rất tàn-nhẫn với Mai, buộc nàng phải dứt tình với Lộc cũng chỉ để bảo-vệ hạnh-phúc cho con bà. Sau này bà lên Phủ-Thọ tìm Mai để xin cháu Ái về, bà đã phải rất mực nhún nhường và có nhiều câu nói thành thực khiến ta cảm-động. (Chương « Cháu Ái »).

Khi đọc hết cuốn chuyện, ta thấy chỉ tại quan-điểm mới cũ khác nhau chứ thực tình bà án không hẳn hoàn-toàn đáng ghét.

Các vai phụ khác cũng đều rất thành-công.

ÔNG HẠNH :

Người lão-bộc trung thành, thực-thà, chất-phác một hình ảnh Việt-Nam thuần-túy và cổ-sơ giữa một xã-hội đã pha nhiều cái mới do ảnh hưởng Tây-phương.

HÀN THANH :

Nhân-vật điển-hình, cường-hào trọc-phủ.

DIỄN :

Có gái giang-hồ có hảo-tâm, không muốn bạn (Mai) cũng sa ngã như mình.

CỤ TÚ LÃM :

Chúng ta không thể quên hình bóng một vai phụ khá quan-trọng là cụ Tú Lãm, cha Mai và Huy. Mặc dầu cụ Tú không thực sự xuất hiện trong chuyện, bởi một lẽ giản-dị là cụ đã mất, nhưng Mai và Huy (nhất là Mai) là hồi quang trung-thành của nền giáo-dục của cụ, nên ta không thể không nhắc đến cụ.

Cụ đã xuất hiện gián-tiếp qua những hồi-ức của Huy, của Mai hoặc lời giới-thiệu của tác-giả.

Một mẫu đời dĩ-vãng chạy qua tri nhớ Huy : những lời giới giăng của cha nói với Mai :

« Lẽ tất nhiên, ai cũng phải chết. Các con không nên buồn. Lúc nào cũng phải vui thì mới đủ can-đảm, đủ nghị-lực mà sống ở đời. Hai con nên theo gương cha. Cha vui đến giờ cuối cùng. Cha hy-vọng thế nào các con cũng làm vẻ-vang cho cha, cho linh hồn cha ở nơi chín suối. Cha hy-vọng rằng thế nào em Huy cũng học thành tài và trở nên một người hữu-dụng cho xã-hội. Cha mất đi chẳng còn của cải gì để lại cho hai con. Cha chỉ có ba thứ gia-bảo này ông cha để lại cho cha, nay cha lại truyền cho hai con mà thôi. Là giữ lòng vui, giữ linh-hồn trong sạch, và đem hết nghị-lực ra làm việc » (tr. 12).

Lời giáo-huấn của cha mà Mai hằng nhớ :

« Những khi nàng tưởng tượng tới cha thì nàng lại nhớ đến lời phụ-huấn : Ở đời không có sự gì xấu hơn sự quên ơn. Cứu nhân ta không sợ bằng ân nhân. Ta chỉ lo sẽ xảy ra sự khiến ta không trả được ơn, chứ đối với kẻ thù thì không có thứ khi-giới nào mạnh bằng lòng hữu-ái. Lòng hữu-ái ấy,

nếu ta đem ra đối đãi với ân-nhân thì chẳng hóa ra ta đặt ân-nhân ta ngang hàng với kẻ địch của ta ư ? » (tr. 80).

Vậy Mai biết nhớ ơn, hay tha thứ, có lòng yêu thương rộng lớn chính là nhờ giáo-dục của Cụ Tú, một nền giáo-dục phóng-khoảng, lãng-mạn — như lời tác-giả công-nhận (1) — Chúng ta đã thấy một trong những động-cơ chính-thức thúc đẩy Mai yêu Lộc là lòng biết ơn :

« Thực vậy, từ ngày nàng gặp Lộc đến nay, trái tim nàng đã nhiều lần hồi-hộp vì những tình-tình cao-thượng, những hành-vi quân-tử của chàng. Nàng chỉ mong có dịp báo đáp ơn sâu » (tr. 80).

Nàng những mong báo đáp ơn dày đó một cách xứng đáng, một cách phi thường :

— « Nhưng người ấy là Lộc mà Mai kính yêu, thì đâu có xin nàng hết cả những đặc quyền, đặc ân nàng cũng chẳng từ chối » (tr. 81).

Và khi Lộc đã thủ-thực cùng Mai vì chữ Hiếu mà chàng không dám đường-hoàng cùng nhau chung hưởng hạnh-phúc, Mai đã thốt ra câu nói lộ được hết tinh-thần phóng-khoảng lãng-mạn của nền giáo-dục của Cụ Tú :

« Em chỉ tiếc rằng ngoài những tư tưởng Nho-giáo, thầy em lại dạy em biết yêu người ở ngoài vòng lễ nghi » (tr. 103).

1) Ý tưởng ngộ-ngĩnh ấy — ta cho là ngộ-ngĩnh — chỉ là kết-quả một nền giáo-dục quá theo nhân-đạo, quá theo lý-tưởng của Cụ Tú Lâm, một nền giáo-dục có thể gọi là lãng-mạn ». (N.C.X. tr. 81).

Vậy Cụ Tú cũng là môn-đồ Khổng-học nhưng trí-thức, tư-tưởng cụ đã vượt hẳn ra ngoài vòng kiểm-tòa của Nho-giáo. Cụ cũng là nhân-vật lý-tưởng tiên-phong dung-hòa giữa cũ và mới. Vì đâu mà cụ Tú có được thái-độ phóng-khoáng và lãng-mạn cấp-tiến đến thế ? Cụ có hoạt-động trong Đông-kinh Nghĩa-thực ? Cụ có từng xuất-dương (sang Tàu sang Nhật chẳng hạn) và do đó có dịp tiếp-thụ trào-lưu tư tưởng mới ?

Không thấy tác-giả nói rõ. Thoảng những mầu hồi-ức chúng ta chỉ biết Cụ Tú đã có một thời buồn gổ và là bạn cũ của cha Lộc :

« Bấy năm về trước, quan huyện Đông-Anh có mời cụ Tú Lãm đến dạy hai cô con gái học chữ nho. Bấy giờ cụ Tú gặp lúc quẩn-bách vì luôn mấy năm buồn gổ bị thua lỗ, cái vốn dăm sáu nghìn đã gần khánh-kiệt, nên thấy người bạn xưa muốn tìm cách giúp đỡ thì nhận lời ngay » (tr. 29).

Ở đoạn Mai và Huy sắp bỏ nhà Lộc ra đi, tác-giả có nhắc đến cụ Tú nhưng cũng không cho ta biết rõ gì hơn về dĩ-vãng của Cụ :

« Cho hay tính liêu-lĩnh, tính lãng-mạn cũng là một tính di-truyền ở nhà Cụ Tú. Cụ khi xưa vì cái tính ấy mà mấy lần gia-thế thăng trầm, rồi đến bị khánh-kiệt gia-sản. Mai với Huy cũng chỉ vì phần-uất, vì tự-do không chịu được một sự khinh-mạn mà sắp liêu sống đời phiêu-lưu » (tr. 141).

Mai là linh-hồn của câu chuyện, nền giáo-dục của Cụ Tú là linh-hồn của Mai, vậy mà tác-giả chỉ nói sơ-sài về Cụ Tú như vậy, kể cũng là một khiếm-khuyết của câu truyện.

III.— Vài ý-nghĩ về truyện *Nửa chừng xuân*

1.— So-sánh *Mai* trong « *Nửa chừng xuân* » với *Loan* trong « *Đoạn-Tuyệt* ».

Nếu đem so-sánh hai cô gái cùng thời-đại này chúng ta thấy :

A) Về học-thức :

Mai : Chỉ biết đọc biết viết đủ dùng và chịu đậm ảnh-hưởng nền giáo-dục nho-giáo — thứ nho-giáo phóng-khoảng của cha.

Loan : Có một trình-độ Tây-học khá vững (nàng học đến năm thứ tư Trung-học) và hoàn-toàn đối-lập với ý-kiến gia-đình.

B) Về tính-tình, thái-độ :

Mai : Ý-thức được hành-động và trách-nhiệm của mình — Dịu-dàng chừng mực, lý-trí tinh-cảm quân-bình.

Loan : Cũng ý-thức được hành-động và trách-nhiệm của mình — Bướng-bỉnh, theo mới đến cùng. Lãng-mạn quá trớn về hành-động cũng như về tư-tưởng. Bị xuy-động bởi tinh-cảm nhiều hơn.

Chính vì tính tình *Mai* như vậy nên tình-tiết câu chuyện đời nàng chuyển-biến hợp-lý và nhịp-nhàng. Ngược lại chính vì tâm-lý *Loan* như vậy nên nàng bị bao-vây bởi hoàn-cảnh, tác-giả phải cầu-cứu đến sự bất ngờ dẫm máu làm lối thoát.

2.— Xét về sửa đổi đoạn kết của tác-giả về sau.

So-sánh truyện đăng trên báo với truyện in thành sách, ta thấy chương cuối mà tác-giả đặt tên

là « Bền lò sưởi » là chương được thêm vào sau. Có lẽ tác-giả thấy trong truyện Lộc đóng một vai thảm-bại quá : thiếu tinh-thần tranh-đấu, thiếu đức thành-thực, nhu-nhuộc, đa-nghi. Ở chương cuối cùng này tác-giả cho ta thấy, nhờ ảnh-hưởng tốt đẹp của tình-yêu của Mai với lòng hy-sinh cao-thượng của nàng, nên Lộc tìm thấy cho mình một đường lối sống. Thiện-chí của tác-giả thực rõ-ràng, nhưng chính vì thế mà vai Lộc vốn đã đổ vỡ lại càng đổ vỡ.

« Đồi lòng yêu gia-đình ra lòng yêu nhân-loại, đem hết nghị-lực tài-trí ra làm việc đời » nói thì dễ biết mấy, nhưng giả-sử ông huyện Lộc thay đổi nếp sống bênh-vực dân tất nhiên không khỏi bị thương-cấp, tay-sai của thực-dân và chính thực-dân nghi-ky ; ở địa-vị làm quan huyện của Lộc, với tính-tình nhu-nhuộc cố-hữu của chàng, liệu chàng đứng vững trước đầu gió được bao lâu ?

Hay chàng bỏ quan, xông pha mưa gió như Dũng, xa hãn gia-đình ?

— Hoàn-cảnh cũng như cá-tính của Lộc đâu có như Dũng mà thoát-ly như vậy được ?

Thành-thử tất cả cái thiện-chí luân-lý của tác-giả ở chương cuối chỉ là một thứ hoa hữu-sắc vô-hương, làm mất tính-cách nhất trí của tâm-lý nhân-vật và sự xây-dựng cốt chuyện vì vậy thành máy-móc, gượng ép.

Theo ý chúng tôi nếu tác-giả đề nguyên như cũ, dừng lại ở chương Lộc Mai từ-giã nhau ở trên đời, độc-giả sẽ ngậm-ngùi biết mấy. Kết-cục ra sao, đề mặc mỗi độc-giả tùy ước muốn chủ-quan của mình mà tượng-tượng lấy.

Trống Mái

Câu chuyện

Trống Mái là truyện một cô gái giàu sang học-thức (Hiền) yêu vẻ đẹp cân-đối của thân hình một chàng thuyền chài chất-phác (Vội). Vẻ đẹp quyến-rũ của Hiền đã xúc-dộng Vội. Anh chàng Vội đáng thương này biết ghen tức nhưng vẫn nặng tự-ty mặc-cảm trước Lưu, người bạn trai ở chốn kinh-thành của Hiền. Rồi qua đi một mùa tắm, năm sau khi Hiền ra Sầm-Sơn thì được biết Vội đã chết trong một bi-đ. « đi nghề ». (Như vậy là thời-gian câu chuyện xảy ra vừa đúng một năm).

Nhân-vật

HIỀN.— Nàng là một cô gái mới ngoài 20 tuổi lãng-mạn một cách táo-bạo, ưa thề-thao, giỏi bơi lội và đẹp. Vì được mẹ (bà Tham Hậu) nuông chiều, nàng có nhiều ngôn-ngữ cử-chỉ quá trớn. Nhận-xét tổng-quát tính tình của Hiền thì nàng là một cô gái vô tâm, nóng nôi, thay đổi ý-kiến như chong-chóng.

Dưới đây là đoạn tác-giả giới-thiệu một cử chỉ
lỡ lạng của Hiền với mẹ :

— Hiền !

— Dạ

— Mặc xong chưa, sao lâu thế ?

— Xong rồi đấy ạ.

Hiền từ trong buồng ngủ vội bước ra, cái rạp đầu
xuống chào theo điệu ca-kịch trên sân-khấu. Bộ áo
tầm màu xanh non rất ngắn để hở cặp đùi hồng
hào, cái ngực trắng bong và cái lưng lẳn những bắp
thịt khiến bà mẹ hơi chau mày (tr. 11).

Đây là một cảnh khác trên bãi cát :

Nàng ôm lấy mẹ vừa cười vừa hôn :

— Mẹ tha lỗi cho con nhé.

Chung quanh kẻ cười mát, người bĩu môi.
Những bà đứng tuổi cho Hiền là Tây quá, quay lưng
đi thì thầm nói chuyện với nhau để tỏ ý khinh-bĩ.

Thấy thế Hiền càng làm già, nhảy theo nhịp
khiêu-vũ quanh mình mẹ. Đoạn, ngả đầu chào rồi
cầm cổ chạy thục mau về phía nhà khách-sạn lớn
(tr. 17).

Nàng thay đổi ý-kiến như chong-chóng, điều
này chính nàng cũng tự công-nhận trong một
bức thư gửi cho bạn là cô Oanh :

« Em vẫn đổi ý-kiến như khi còn đi học, tuy
ngày nay em đã già hơn thời ấy những hai, ba tuổi... »
(tr. 56).

Tác-giả không bỏ lỡ dịp nào để giới-thiệu vẻ
đẹp cân đối của Hiền :

Hiền tuy không mặc quần áo trên, song thấy có gió mát mà bãi biển lại ướt nên nàng cũng tập chạy để được mát và thở. Những vạt áo và ống quần lụa đồng màu cốm non, gió thổi ép vào thân-thể làm nổi hẳn bộ ngực và hai cái đùi tròn của Hiền (tr. 43).

Bà Tham Hậu góa chồng, nhà giàu, sinh hạ được hai con gái, cô cả (chị Huyền Đài) đã lấy chồng và đã sinh một trai một gái, Hiền là út. Hiền có những cử-chỉ quả tròn như trên, mà bà Tham Hậu không mừng bảo được vì :

Tuổi bà quá gấp đôi tuổi Hiền, nhưng tính nết bà vẫn trẻ như tính nết Hiền. Chẳng thế, hôm đến một hiệu Tây mua áo tắm, bà lại vui-vẻ nhờ Hiền chọn một bộ : bà biết rằng những kiểu áo Hiền ưng bao giờ cũng dễ coi và hợp thời-trang (tr. 12).

VỢI.— Vội là một anh dân chài chất-phác có thân-hình nở-nang cân-đối, đẹp như một pho-tượng Hy-Lạp (hợp với sở-thích của Hiền). Anh mờ-côi cha từ thuở nhỏ. Bác Bật — cha anh — ngày đó cùng bạn chài ra khơi thả lưới, lưới bị mắc, bác Bật lặn xuống gỡ thì bị cá mập ăn thịt.

Sự què mùa của Vội đến mức khi anh thấy Hiền đánh răng tưởng đó là thuốc ruộm răng trắng. (Xem tr. 153).

Đây là vẻ đẹp của Vội lần đầu-tiên xuất-hiện dưới mắt Hiền, đẹp theo nhà hội-họa, nhà điêu-khắc, nhà thể-thao :

Hiền ngạc-nhiên : nàng thấy một nhà lực-sĩ

cường-tráng, mỹ-lệ như một pho-tượng cổ Hy-Lạp. Nàng không lưu-ý đến màu da dăm nắng mà chỉ ngắm-nghĩa những nét nhịp-nhàng cân-đối của một tấm thân-thể hoàn-toàn. Vội lại có khuôn mặt đều-đặn, cặp mắt hơi xếch và sáng, cái cằm vuông và lồi, khiến chàng nổi hẳn trong bọn đàn chài nặng-nề, kém thông-minh (tr. 20).

Vội đẹp trai thế, nhưng tính-nết lại hay bển-lển, then-thùng, nhiều cô trong làng thường trêu ghẹo anh, hoặc đi sát vào anh hoặc hất ve-vãn. Có lần, Vội đưa Lưu ra khơi trên mảng của anh. Vì ngăm ghen với Lưu, lại tức-bực vì nhiều lần bị Lưu chế-riếu, Vội lỏn-vỏn có ý định chặt đứt các mối lạt cho các cây buồm trôi phăng mỗi cây đi một ngã, Vội sẽ bơi vào bờ, Lưu sẽ chết đuối. Vội vô tội. Nhưng sau đó căn bản Thiện thắng, Vội lại vui cười dựng buồm đưa Lưu trở về.

Các nhân-vật phụ khác :

LƯU.— Sinh-viên trường Luật luôn-luôn có thái-độ khinh-rẻ những người quê mùa như Vội. Ghen với Vội nhiều khi Lưu trở thành nhỏ nhen, bịa đặt ra câu chuyện không đầu để bảo cho anh đánh cá hiểu rằng cô Hiền không cảm-động gì về anh ta hết.

PHỤNG.— Cũng là một cô gái mới giàu sang, có cảm-tình với Lưu nhưng lại không được Lưu để ý.

BÁC GÁI BẬT.—

Mẹ Vội, thật-thà chất-phác. Nhiều khi có những

cử-chỉ cầu-lợi đặc-biệt của những người nhà quê nghèo, đáng thương hơn đáng trách.

VỘI.— Em gái Vội, cô bé quê ít tuổi nhưng tinh-ranh, v...v...



Tư-tưởng

Trống Mái trước hết là câu truyện tình, tình vô-tư và khách-quan của Hiền, tình âm-thầm tuyệt-vọng của Vội. Nhưng lần trong chuyện tình đó có phần tư-tưởng. Vậy tư-tưởng Trống Mái ra sao ?

Trống Mái đề-cao nếp sống khỏe-mạnh của con người hoạt-dộng nhịp-nhàng giữa thiên-nhiên và đả-kích nếp sống thuần tri-thức nhưng yếu-hèn. Có khỏe-mạnh mới mong được bình-đẳng với kẻ thống-trị mình (thời đó là Pháp).

Hiền nghĩ thầm :

« Muốn bình-đẳng phải đồng-đẳng. Mà trước hết cần nhất phải đồng-đẳng về thân-thể tráng-khiên » (tr. 14).

Hiền thành-thực — dù chỉ thành-thực trong một thời-gian ngắn — muốn lấy Vội vì cuộc đời hoạt-dộng khỏe-mạnh giữa thiên-nhiên của Vội thật đáng ca-ngợi, và cảnh trái-ngược đáng bỉ là *« cảnh nhỏ-nhen lụi-sụi, trưởng-già : chồng già đời mãi dưng-quần trên ghế các ống-sở, nào bị người trên quố-mãng, nào phải tự hạ nịnh-nọt kẻ nọ kẻ kia, trong khi ấy thì vợ vênh-vang xe nhà ô-tô ra phết bà lớn bà bé, với những bộ cánh sắc-sỡ lòe-loẹt »* (tr. 67).

Hiền cảm-thấy rõ-ràng cả một đời nên thơ của kẻ sống trong vạn-vật, sống với vạn-vật. Mỗi một cử-chỉ của mình, mỗi một câu nói của mình đều liên-lạc nhịp-nhàng với cỏ cây, với đất nước, với ánh-sáng; với không-khí bao-bọc quanh mình. Mỗi một hành-vi của mình có một nghĩa, một nghĩa triết-lý sâu-xa, cái hành-vi không giả-dối vì nó vừa cần phải có để nuôi sống tấm thân, vừa làm cho tấm thân nở-nang khỏe-mạnh (tr. 68).

Mà hễ nói đến Sầm-Son là thế nào cũng nhắc đến tên Vội. Có lẽ Hiền làm thế chỉ cốt để trêu tức, để hạ cái tính kiêu-hãnh của mấy chàng công-tử, mấy chàng sinh-viên: Đem cái đẹp nở-nang của thân-thể, cái sức mạnh đều-đặn của gân-cốt để đối với cái tinh-thần ủy-mị, cái tri-thức cộp nhật trong sách mà bọn kia không lúc nào quên giáng-diễn khoe-khoang (tr. 183).



Phê-bình nhân-vật

HIỀN.— Chúng ta thấy Hiền có những ngôn-ngữ cứ-chỉ tự-do quá lộ với mẹ ở trên. Đọc suốt cuốn chuyện, nàng còn nhiều ngôn-ngữ táo-bạo. Một lần trên bãi lấm trước mặt Hồng bạn nàng, nàng đột nhiên hỏi Vội :

« Giá tôi lấy anh, rồi chúng ta ra làm nhà ở bãi Lăn này cùng nhau chuyên nghề chài lưới thì anh có bằng lòng không ? (tr. 66)

Chỗ khác, sự trắng trợn của Hiền được tính-chất tình-dục khi nói về hai con bướm vờn nhau :

« *Thấy Vội nhìn theo đôi bướm, nàng nói :*

— *Ở Hà-Nội tôi chưa từng thấy có giống bướm đẹp như thế, màu cánh xanh lam tươi như thế.*

Vội yên-lặng ngẫm-nghĩ, Hiền nói :

— *Rõ chúng nó ngốc quá nhỉ, đuổi nhau đã hai ba giờ rồi đấy (tr. 84).*

Hiền là cô gái ý-thức được sắc đẹp của mình nên vô cùng kiêu-hãnh? Lưu, sinh-viên trường Luật được bao nhiêu cô mê, được bao gia-đình có con gái chào đón, Lưu cố công theo đuổi Hiền mà vẫn bị Hiền « bốp chát » luôn, coi chẳng ra gì. Như vậy thì Hiền yêu Vội — hãy tạm gọi đó là tình yêu — cũng như nàng yêu một đồ vật đẹp, và chỉ có thể coi Vội là quá chất-phác, quá ngu-si nàng mới có thể dám trắng trợn hỏi : « *Giá tôi lấy anh... thì anh có bằng lòng không ?* ». Câu hỏi đó còn là một hình-thức của kiêu-hãnh vì « *xưa nay nàng vẫn hay nghĩ đến những sự khác thường, thích làm những việc mà người ta không làm được hay không dám làm (tr. 66).*

Hai chương XVII, XVIII nói đến tiệc trà do Hiền tổ-chức hồi năm giờ để mời các bạn đến nghe nàng kéo Violon. Việc nàng mời Vội đến giữa đám bè bạn nam-nữ trưởng-giả đó để làm bía cười, là một việc làm vô ý-thức, mặc dầu nàng có thiện-ý khác.

Nhưng cái đáng ghét nhất là thái-độ vô tâm-tâm-thường nông-cạn đến phi-lý của Hiền. Có cảm tình với Vội là thế, đã đi máng ra khơi với Vội, dạy Vội tập bơi theo lối mới, mời Vội đến dự tiệc trà... Ấy thế mà sau tiệc trà, bốn hôm không gặp Vội (vì Vội sốt) nàng đã hoàn-toàn quên anh chàng, coi như ở

Sầm-Sơn không hề có Vội (tr. 133). Vụ hè năm sau « vào Sầm-Sơn đã gần nửa tháng mà không một lần nàng nhớ đến người năm trước đã làm cho vụ nghỉ mát của nàng đỡ buồn tẻ (tr. 189).

Mãi đến hôm cùng Lưu, Phụng lên hòn Trống Mái thấy những chữ V.H. đục sâu vào đá Hiền mới liền tưởng đến Vội.

Phụng tỉnh-quái nói rờn :

— *Hay chị lại đặt một tiệc trà mời anh ấy đến dự ?*

Hiền vui mừng reo :

— *Ồ phải đấy ! Vậy ta đến mời anh Vội đi.*

Dứt lời nàng đi thẳng, Lưu và Phụng đưa mắt nhìn nhau rồi thông thả theo sau (tr. 191).

Đọc đến đây ta thấy Hiền chẳng còn gì là đẹp, tâm-lý nhân-vật hoàn-toàn đổ sụp vì sự phi lý đó.

Tư-tưởng của Hiền cũng nông-cạn như những hành-động của nàng :

« Ủ, họ cứ nói, cứ bàn suông rằng không nên phân đẳng cấp. Vậy sao ta lại không thể là vợ anh Vội được ? Anh Vội và ta đều không thuộc đẳng cấp nào cả. Vì đã không chia đẳng cấp thì còn gì có đẳng cấp ? Nhưng nếu người chồng có trí-thức không làm cho sung-sướng bằng người chồng kém trí-thức ? (tr. 69).

Nhưng hỏi Hiền có thực bình-dân để dám lấy Vội, người thấy thuộc đánh răng cho là thuộc ruộm răng trắng, người mà khi đến dự tiệc trà được tả như sau :

« .. Một người nhà quê đi chân không, đầu chụp cái khăn lượt cũ, mình mặc chiếc áo lương dài, rút-rè tiến vào phòng, ngơ ngác sợ hãi nhìn quanh ».

Thành thử những tư-tưởng khác về sau của Hiền chỉ là những tư-tưởng giả-trá.

« Sẵn có một nền học-vấn lằng-mạn. Hiền bài-tri rất mau ra một cuộc đời đầy đủ, êm-dềm : Hai vợ chồng cùng đẹp khỏe, chỉ biết yêu nhau và làm việc bằng chân tay (tr. 135).

Có lẽ chính tác-giả cũng thấy chỗ cực-đoan của tư-tưởng đó nên đã có lần tác-giả đề Hiền nghĩ :

« Cái đẹp của hình-thức khó cảm được trái tim của người có tri-thức, nếu cái đẹp hình-thức ấy không chứa một tâm-hồn tương-đương.

Nhưng Hiền liên-miên nghĩ tiếp luôn : « Biết thế nào là tương-đương ? Tâm-hồn không hẳn là tri-thức. Có tri-thức mà gian trá, lừa dối tàn-ác không bằng có một tâm-hồn ngây-thơ thô-lỗ mà thành-thực ».

Chỗ này chúng ta đồng-ý với Hiền ! Gì bằng tri-thức và hình-thức tương-đương. Những người ngây thơ thành thực như Vội ai mà chẳng quý, như với những dữ-kiện đã nêu lên chúng ta vẫn thẳng-thắn hỏi : Yêu quý đến chuyển sang tình yêu trai gái, Hiền có thực dám lấy Vội và tìm thấy hạnh-phúc trong chuyện lứa đôi đó ?

VỘI.— Sự tiến-triển tâm-lý ở Vội khá hợp-lý.

Đây là lúc sắc đẹp của Hiền sau một thời-gian gần-gũi đã có tác-động đến tâm-hồn chất-phác của Vội. Anh đã biết đi dạo mát trên bờ biển và nhận

xét thiên-nhiên một cách tinh-tứ. Anh nói với bà Hậu và Hiền :

« Thừa bà, thừa cô bàn chân đặt lên cát ướt sáng loáng như bạc ».

Trái tim xúc-dộng nhưng vẫn là xúc-dộng chất-phác : « Vội tuy khuyên nàng nên đi đường biển cho chóng chẳng về trễ « bà, cậu » mong mỗi chò com. Nhưng chàng vẫn lấy làm sung-sướng được ở bên nàng lâu hơn một lát nữa : Cái sung-sướng ấy chẳng một lần nào Vội nghĩ đến và tìm hiểu xem cỗi rễ từ đâu » (tr. 98).

Rồi vụ hè hết, những người nghỉ mát rời khỏi Sầm-Son, Vội nhớ Hiền... Tác-giả tả tâm-lý Vội ở đoạn này vừa nhẹ-nhàng vừa bình-tĩnh mà thật là đúng :

« Đã hơn nửa tháng, ngày hai buổi, sáng và chiều, Vội vẫn thân-nhiên cùng phường bạn ra bãi xóm Sơn, bãi Sầm-Son đánh rút hay lên mông đi đánh lông, đánh khơi. Nhưng cái lòng yêu nghề, cái vui sướng tung lưới ở ngoài biển rộng, cái ham-thích mạo-hiểm phiêu-dạt lang thang mấy ngày trời trên làn sóng dữ, Vội không còn có nữa » (tr. 166).

Nhưng đôi chỗ tác-giả cũng đề cho tâm-lý Vội đến chỗ tinh-tế quá, mâu-thuẫn với bản tính chất-phác của anh. Tỉ như ở chương XXVIII Vội đứng trước hòn Trống Mái, nhìn một mảnh vỏ dừa khô nhớ lại một cảnh âu yếm rất lãng-mạn :

« Hôm ấy có Hiền bảo Vội đưa đi coi đẫy núi Đường Trèo. Khi trở về Hiền kêu khát nước, tức thì

Vội chạy vào làng mua được một quả dừa đem đến. Không có cốc, có bát, Hiền phải cầm quả dừa dốc ngược nước vào miệng. Uống xong nàng cười ngất dừa chỗ còn lại cho Vội. Trong đời Vội thật không lần nào Vội được uống một thứ nước dừa ngọt và dịu như thế, phảng-phất mùi thơm hơi thờ và mùi phấn hồng bôi mới » (tr. 173).

Lần đó dừng bước trước Hòn Trống Mái, ngắm nhìn mảnh vỏ dừa khô Vội đã bung mặt khóc rưng rức.

Một lần khác một chiếc lá lộc vùng đỏ rơi vào lòng Vội khiến Vội kinh hoảng kêu : « Trời ơi, cô Hiền ! » Vì màu chiếc lá rụng đỏ sẫm như màu vỏ xó vừa nhắc chàng nhớ tới bộ áo tắm Hiền thường mặc (trang 178).

LƯU.— Nhân-vật này cũng giữ được tâm-lý thống-nhất từ đầu đến cuối, khinh rẻ những cuộc đời nghèo hèn. Duy có một điều khiến người đọc phải thắc-mắc : không lẽ một sinh-viên trường Luật (xin nhớ là thời này sinh-viên đương được trọng-vọng lắm lắm) mà kiên-nhẫn, nhiều khi mất hết lòng tự-ái đến thế ?

Lưu đến sớm nhất trong tiệc trà được bà Hậu khen. Lưu cười trả lời :

— *Thưa Cụ, thánh-nhân đã dạy : « Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau ».*

Hiền làm-bầm (Lưu có nghe thấy).

— *Nhật (tr. 112)*

Đây là đoạn Hiền muốn rủ Lưu, Phụng cùng đi thăm Vội ốm. Lưu thoát kiếm cớ thoái thác. Hiền cầu.

Lưu cười gượng :

— Có nóng quá, có còn chẳng sợ lầy nữa là tôi thân-danh một nam-nhi đồng-cảm.

— Hiền vẫn còn cảm tức và chẳng hiểu sao nàng cảm thấy nàng ghét Lưu về đủ các phương-diện. Nàng đi đôi lông mày nhìn đi nơi khác và bật lên tiếng cười the-thé chua-chát, cay-độc lạ-lùng.

— Đi thì đi, không đi thì thôi, làm gì mà phải dờ những thân-danh nam-nhi đồng-cảm ra như thế, nó có vẻ... (tr. 139).

Phê-bình tình-tiết câu chuyện

Tình-tiết câu chuyện được bố trí như sau :

Phụng có lòng yêu Lưu nhưng Lưu không đề ý, Lưu yêu Hiền nhưng thường lại bị Hiền nhạo-báng hất hủi nữa ; Hiền có cảm-tình với Vội nhưng Vội chỉ là một anh phùng chải-chất-phác dẫn-độn. Nhiều khi Lưu gần Phụng, tỏ vẻ thân-mật với Phụng nhưng mong gọi lòng ghen của Hiền nhưng Hiền rùng-rung. Tuy-nhiên mối tình giữa Lưu và Hiền có cơ thành-tụ. Tác-giả hé cho ta thấy sự thành-tụ đó ở chương XX :

« ..Vâng, sao vắng mặt em Sầm-Son lại buồn tênh được ?

Lưu không đề ý đến câu nói của Hiền, chàng chỉ nhận thấy chữ « em » lần đầu thốt ra ở miệng người mình yêu nghe thấm-thía đến tận tâm-hồn, khiến một lúc lâu chàng yên - lặng mơ - màng sung-sướng... (tr. 126).

Hiền liếc mắt nhìn Lưu, cảm thấy Lưu đẹp lên bội phần và đương mỉm cười âu-yếm nhìn mình (tr. 127).

Và ở đoạn-kết :

Trong bọn đó tất-nhiên phải có Lưu, người vừa chiếm số một trong kỳ thi năm thứ ba trường Luật và có lẽ chiếm cả số một trong những người hy-vọng chiếm trái tim cô Hiền (tr. 187).

Mối tình Lưu — Hiền thì hợp lý, nhưng mối tình Hiền — Vội có thể được chăng? Sự thực mối tình đó chỉ là một sản-phẩm của một tri-tưởng tượng quá bông-bọt của Hiền, đúng hơn là của tác-giả.

Đó là một mối tình lý-tưởng chăng? Lý-tưởng là cái gì cao đẹp mà người ta ao-uớc đạt được hoặc có thể ôm-ấp để an-ủi. Mối tình Hiền — Vội chỉ là một mối tình không tưởng vì nó phi-lý quá. Rồi mai đây ta theo kịp trình-độ văn-minh tri-thức của nhân-loại, anh dân chài của ta cũng có một trình-độ tri-thức đáng kể thì câu chuyện sẽ lại khác hẳn.

Chúng ta hãy đọc đoạn cuối của câu chuyện, tiện thể đặt đề vài lời phê-bình. Hiền đến thăm Vội, biết tin Vội đã chết vì cá nhà táng như cha anh xưa (cái chết của Vội cũng gương ép):

Hiền cầm ba tờ giấy năm đồng đưa cho bác Bật:

— Chúng tôi đãi... (Thái độ cho tiền này sao mà khinh-mạn!).

— Người đàn-bà khờ-sở đưa tay đỡ lấy tiền mếu-máo nói:

— Ông này tôi biết làm thế nào trả được.

— Hiền buồn rầu đáp lại một câu rất bi-mật:

— Tôi là một người có tội, dẫu làm phúc bao

hiều cũng không chuộc được tội ác đầu, bà ạ. (Sự hối-hận của một cô gái vô tâm và nông-cạn như Hiền, kéo dài được bao lâu ?).

Đoạn nàng đứng dậy chào bác Bật ; rồi cùng Lưu và Phụng ra về. Vội liền đến cổng, Hiền ghé tai thì thầm bảo có bé nhà quê lâu-lỉnh :

— Khi nào em cần chị giúp điều gì, thì cứ lại đây nhà.

Đền hôn Trọng Mai, Hiền cảm-động quá, ngồi xuống đồi, hai tay ôm đầu nghĩ-ngợi. Phụng cũng ngồi xuống thờ dài tra nước mắt lầm-bầm :

— Chỉ tại mình ! (Phụng nói câu này vì mấy tháng trước đây vào mùa đông, nàng ra sửa nhà gặp Vội. Vì ghen tức xa xoi nàng nói dối Vội là Lưu Hiền đã chính-thức ăn hối, khiến Vội phải thất-vọng.

Lưu đứng tựa tảng đá nhìn ra xa (Lưu hoàn-toàn thân nhiên với cái chết của Vội).

Ngoài kia tiếng sóng vẫn rầm-rộ đổ hồi.



Như trên chúng ta đã xét mối tình Hiền — Vội trong Trọng Mai là mối tình không tưởng ; tư-tưởng ẩn trong truyện Trọng Mai ca ngợi nếp sống bình-dân không phân chia giai-cấp, ca-ngợi nếp sống khỏe mạnh của con người hoạt-động nhẹ nhàng giữa thiên-nhiên và đả-kích nếp sống thuần-trí-thức yếu hèn. Tư-tưởng đó đẹp lắm, ai cũng đồng-ý, nhưng

tư-tưởng đó lại muốn được thể hiện ở Vội chỉ có đức-tình thật thà chất-phác nhưng hoàn toàn thiếu tri-thức, ở Hiền một cô gái vô tâm, kiêu hãnh, nông cạn. Chính những nhân-vật bất toàn đó làm sụp đổ những tư-tưởng đẹp trên. Vậy ưu-điểm Trống Mái chúng ta phải tìm thấy đâu ?

Ưu-điểm Trống Mái.

Đây là một khúc trường ca, ca-ngợi thiên-nhiên, ca-ngợi cuộc sống vất-vã nhưng phóng-khoáng của những người dân chài giữa khoảng trời cao biển rộng.

Với những địa danh xóm Sơn, khe Thờ, hòn Buồm, núi Mè, núi Đầu Cầu... Với những danh-từ chuyên-môn : đánh rút, đánh mắng, đánh khơi... tác-giả đã khéo gọi một bối cảnh chài lưới rất linh-dộng.

Đẹp nhất là những đoạn tả cảnh với những nhận xét tỉ-mỉ, đôi khi cảnh tình hòa-hợp, dưới đây chỉ xin trích mấy đoạn đặc-sắc nhất :

« Về phía Đông Nam, nơi chân trời mặt nước, những đám mây nặng-nề, đặc-biệt từ-từ dần lên và phản-chiếu ánh chiều tà trở nên sắc tím hung, phớt màu vàng thẫm da cam » (tr. 31).

Bỗng Vội rừng mình ? Trăng vira từ trong đám mây đen lộ ra, gieo ánh vàng lóng-lánh xuống mặt biển ngoài bãi Khe Thờ, ở khoảng giữa Hòn Buồm và núi Gầu Cao.

Bóng hòn Trống in xuống tảng đá bệ và gối lên

đầu hòn Mái. Bóng Vội cũng nằm dài theo song song, với bóng tảng đá chênh-vênh (tr. 41).

« Trời đã tối hẳn vì là một đêm hạ tuần, vì mỗi chín mươi giờ trăng mới mọc. Rặng đèn điện trên đường cao chiếu ánh xuống những đợt sóng thành những tình-trạng rất lạ-lùng : có lúc trông giống một cái cầu bằng kim-cương chạy ngang một quãng dài theo ven bờ rồi vụt biến vào đêm tối, chìm đắm xuống đáy biển đen. Có lúc trông giống một đoàn quái-vật vầy dạt lân-tinh. Chúng găm hết đuổi nhau, biến đi, hiện ra mãi-mãi không cùng » (tr. 123).

Tổng-kết

Phần tả người, tả cảnh, tả tình đặc-sắc, nhưng một tác-phẩm không phải chỉ cần có thế, còn phần tư-tưởng đó tuy đẹp nhưng tiếc thay đã hoàn-toàn sụp đổ ở những nhân-vật bất toàn.

Trống Mái là tiêu-tưởng lý-tưởng của Khái-Hung chăng ? Nếu cố tình gán ghép là thế, thì Trống Mái là cuốn tiểu-thuyết lý-tưởng đuối nhất so với hai cuốn trước : Hồn bướm mơ tiên và Nửa chừng xuân.

Phải chăng vì thế mà ngày nay tuy có thể là vẫn còn được đọc nhưng ít người chú ý đến Trống Mái ?

PHỤ LỤC

TRÍCH VĂN

ĐOẠN - TUYỆT

Loan và Dũng

Một buổi trưa chủ nhật, về mùa đông. Trong gian phòng ấm-áp, bốn người ngồi quây-quần nói chuyện trước lò sưởi đỏ rực. Bên ngoài, mưa bụi lặng-lẽ bay qua mờ mờ như hơi sương. Hai gốc hoàng-lan cạnh cửa sổ đứng tử-tự, cành lá nặng-nề, ướt-át.

Nghe có tiếng trẻ rao báo ngoài phố, bà giáo Thảo nhìn ra vườn hỏi chồng :

— Cậu đã mua báo hôm nay chưa ?

Ông giáo Lâm đáp :

— Mua rồi tôi quên không đưa mợ xem .

— Thế họ có đăng tin gì thêm không, cậu ?

— Không.

Thảo quay về phía một cô thiếu-nữ ngồi ở ghế đệm dài, rồi hỏi :

Thế nào, chị Loan đã biết tin cô Minh-Nguyệt tự-tử chưa ?

Loan đáp :

Tôi biết rồi, biết trước khi họ đăng báo, vì tôi có quen

cô ta. Khốn-nạn, việc quái gì mà phải tự-tử. Mẹ chồng ác thì về nhà bố mẹ mà ở, tội gì rước khổ vào thân rồi đến nỗi tự-tử.

Thảo nhìn bạn mỉm cười :

— Chị nói dễ quá. Còn chồng, còn con...

Loan ngắt lời :

— Cô ấy chưa có con.

— Vâng, thì cô ấy chưa có con. Nhưng còn chồng...

Con gái đã bỏ chồng là mất cả một đời rồi còn gì. Mẹ chồng ghét, chồng bệnh mẹ đuổi đi, cô Minh-Nguyệt cho đời mình là hết hy-vọng.

Loan nói :

— Việc gì mà hết hy-vọng. Mẹ chồng ác thì đi chỗ khác mà ở, chồng ghét thì lại càng nên đi lắm. Khổ là vì cứ tưởng mình là thân con gái thì phải lấy gia-đình chồng làm gia-đình mình, nếu mất gia-đình ấy là đời mình bỏ đi. Sao lại thế được. Mình sống, muốn sống thì không thề một mình mình sống được sao, nếu cái gia-đình kia không cho mình được sung sướng. Sao đàn ông họ bỏ vợ này lấy vợ khác lại là sự thường.

Thảo thấy bạn nói có vẻ giện dũ, mỉm cười đáp :

— Chị đã biết ở xã hội mình, lấy chồng là lấy cả gia-đình nhà chồng. Nếu không muốn thế thì chỉ có một cách là không lấy chồng nữa hay là chọn người nào không có gia-đình mà lấy.

Rồi nghĩ đến việc riêng của Loan, thấy Loan hiện đang bị bố mẹ ép lấy một người mà Loan không thuận. Thảo liền ôn-tồn nói tiếp :

— Nhưng nào mình có được tự ý kén chọn đâu mà bảo kén chọn.

Từ nãy đến giờ, Dũng ngồi sát lò sưởi, loay-hoay xếp lại mấy thanh củi, không nói một câu. Thấy hai cô bạn bàn tán mãi về một câu truyện đã cũ kỹ, chàng liền quay lại nói :

— Truyện gia-đình bao giờ cũng rắc-rối ; nào tự-dò kết-hôn, nam-nữ bình-quyền, mẹ chồng nàng dâu, bao nhiêu thứ lồi thối, muốn yên ổn thì đừng nghĩ đến nữa.

Thảo đáp :

— Anh thì anh cần gì gia-đình mà bảo nghĩ đến. Còn chị Loan nay mai phải về nhà chồng, chị ấy không đề tâm sao được.

Rồi nàng mỉm cười tinh-nghịch :

— Chỉ trừ ra khi nào chị Loan lấy được người chồng không có gia-đình như anh.

Câu nói đùa làm cho Loan buồn rầu cúi mặt nghĩ đến việc nhân-duyên của mình. Nàng bị cha mẹ ép phải lấy Thân, một người bạn học nhỏ của nàng, con một nhà giàu ở ấp Thái-Hà. Việc này nàng thấy cha mẹ nói đến từ hồi nàng mới đẻ tóc. Hai nhà trong mười năm trời nay vẫn đi lại thân-mật, hai bên cha mẹ đã đính-ước cho Thân và Loan lấy nhau. Loan vẫn đính-ninh không chịu, không phải là Loan chê gì Thân, vì Thân đối với nàng chỉ là một người quen, nàng không yêu mà cũng không ghét. Nhà Thân lại giàu, Loan chắc-chắn rằng khi về nhà chồng sẽ được sung-sướng an-nhàn. Nhưng chỉ vì Loan càng ngày càng thấy cái tình của mình đối với Dũng không phải chỉ là cái tình bè-bạn như trước kia. Nàng yêu Dũng và cái hy-vọng của nàng lúc đó là được làm vợ Dũng. Tuy định bụng không chịu lấy Thân, nhưng nàng cũng hằng lo-lắng, vì nàng biết cha mẹ nàng đã quả-quyết về việc đó. Nếu nàng cưỡng tất có sự rắc-rối trong gia-đình.

(Đoạn-Tuyệt — Phần thứ nhất — Chương I).



Hai quan-niệm

Buổi chiều khi ăn cơm xong, bà Hai bảo con :

— Con đi với me ra phố hàng Đào.

Loan hỏi :

— Thưa me, me muốn mua gì cơ ạ ?

Mua ít vải may áo cho cô... Cô ưa thứ nào thì đi với tôi mà chọn.

— Nhưng thưa me, con đã đủ áo mặc chẳng cần phải mua thêm, tốn tiền.

Bà Hai nói :

— Nhưng lúc cần tiền thì phải tốn. Con thích nhưng hay gồm ?

— Thưa me, con ghét cả hai thứ. Ăn mặc xuềnh-xoàng thế nào xong thôi ; và những áo cũ của con cũng còn dùng được vài năm...

Bà Hai ngắt lời :

— Cái cô này gàn lắm. Thôi, mặc áo rồi đi không có lại tôi.

Loan vẫn vờ ngây thơ hỏi :

— Nhưng may rồi đề đấy, không bao giờ mặc đến thì chỉ mất tiền toi vô-ích.

Bà Hai gắt :

— Cô này định trêu tôi đấy à ?

Loan trả lời vẫn tất :

— Thưa me, không.

Rồi nàng ngồi cúi đầu yên lặng một lúc lâu.

Bà Hai đoán là con sắp giận chúng, vội dịu lời bảo :

— Thôi cái đó tùy cô.

Loan ngừng đầu nhìn thẳng rồi thông-thả nói :

— Vâng thì xin mẹ để tùy con và nhân thế mẹ để tùy con định có nên lấy chồng hay không nên lấy chồng. Con đã nhiều lần thưa với mẹ rằng con không thể...

Bà Hai giận dữ :

— À, cô không thể... Cô phải biết cô lớn rồi, cô phải biết nghĩ chứ !

Loan vẫn ung-dung từ-tốn :

— Thưa mẹ, chính vậy. Chính vì con lớn, con biết nghĩ nên con mới thưa cùng mẹ rằng con không thể về làm dâu nhà ấy...

Bà Hai nói :

— Để thường cô lường chuyện chơi sao ?

Loan đáp :

— Không, con không cho là chuyện chơi. Con cho là một truyện rất quan-hệ trong đời con, mà chỉ quan-hệ đối với con mà thôi.

— Còn tôi ? Ra cô không coi lời hứa của tôi vào đâu cả.

— Thưa mẹ, sao mẹ hứa với người ta, trong bao nhiêu năm mẹ nhận lễ của người ta. Nếu mẹ nghe con ngay từ trước ? Người ta đến ăn hỏi, mẹ cũng cứ nhận, lỗi đó không phải ở con, vì mẹ không cho con hay. Việc của con mà thầy mẹ coi con như là không có ở nhà này.

Bà Hai vẻ mặt hăm-hăm :

— À, ra bây giờ cô lại mắng cả tôi. Phải, tôi tự tiện, nhưng cô phải biết, vì lẽ gì nên tôi mới tự-liên chứ. À ra mất tiền cho cô ăn học, để cô văn-minh, cô về cãi cả bố mẹ... Hồng !...

Bỗng thấy chồng đi qua hiên, bà Hai lên tiếng gọi :

— Này ông, ông lại xem con ông nó mắng tôi kia kìa.
Ông Hai quay lại mắng con :

Không được hỗn !

Loan nhìn ra đáp :

— Thưa thầy con không hỗn. Không bao giờ con dám vô lễ với mẹ con. Nhưng ít ra mẹ con cũng để con nói truyện phân bày phải trái về một việc rất quan-hệ đến đời con.

Ông Hai nghiêm-nghị nhìn con rồi bảo :

— Việc ấy thầy mẹ đã định rồi và sẽ lo liệu thu xếp cho cô, cô không phải bàn. Cái thói ở đâu, hễ mẹ nói câu gì là cứ mồm một mồm hai cái giả lại xa-xả. Văn-mính vừa vừa chứ, người ta mới chịu nổi !

Loan cúi đầu ngẫm-nghĩ một lát rồi nàng nói giọng cả quyết :

Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con đi học, thầy mẹ không thể cư-sử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu-ngạo gì, đó chỉ là một sự dĩ nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân bày phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như ý con tưởng.

Thấy mẹ ứa nước mắt khóc, Loanh quay lại nói riêng với bà Hai :

— Thưa mẹ con xin lỗi mẹ đã làm mẹ phải phiền lòng. Nhưng còn hơn là để mẹ buồn khổ mãi mãi. Nếu con không cấp sách đi học, con sẽ cho lời mẹ là một cái lệnh không trái được, con sẽ như mọi người khác bị ép-uông, rồi liều mình tự-tử. Đó mới là bất hiếu. Chứ nói rõ để mẹ biết chỉ làm phiền lòng mẹ chốc lát mà thôi. Thầy mẹ giận con, vì thầy mẹ không thể tưởng được rằng làm phận con lại dám cả gan trái lời bố mẹ. Con cho thế mới là phải đạo.

Ngừng một lát, Loanh nói tiếp :

— Vâng, con nhận rằng con mới quá, nhưng con đã đi học, không thể không cư-sử theo sự học của con được. Bây giờ thì tùy quyền thầy mẹ.

Ông Hai, bà Hai tuy thấy con nói có lý, nhưng không khỏi ngạc-nhiên, lo sợ. Ông bà mang máng thấy con mình xa cách hẳn mình, thành một người ở xã-hội hẳn cái xã-hội Việt-Nam bình thường. . . Ông Hai, bà Hai thuộc về hạng trung-lưu, vốn sinh nhat về nghề buôn chiếu, chỉ biết theo những tục-lệ cũ của ông cha để lại, không hề để ý đến rằng ở trong xã-hội hiện có một sự thay đổi to-lát. Từ ngày cho con gái đi học, ông bà mới dần dần tiếp-xúc với sự thay đổi đó. Đến nay, trước một việc quan-trọng ông bà càng cảm thấy rõ và lo sợ mà nhận ra rằng con mình không cùng một quan-niệm về cuộc đời như mình nữa, cách biệt xa lắm.

(Đoạn-Tuyệt — Phần thứ nhất — Chương III).



Một quan-niệm cách-mạng

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như giấc mộng; mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên, đợi gió.

Dùng và Độ, hai người cùng ngồi thẩn-thờ, không nói, ngả đầu vào lưng ghế, nhìn khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào quang không.

Trên bàn phủ vải trắng, có để một chai rượu mùi, hai cái cốc đầy rượu và một đĩa quả: sắc thủy-linh trong, pha với màu xanh, vàng, đỏ của trái cây diễn ra một quang-cảnh vui-vẻ, ấm-áp.

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng-vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt-thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải-rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to-lát của trời đất rộng-rãi. Khói thò com chiều ở một vài nhà dân không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu lam ôm-ấp lầy các mái tranh.

Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh-lẽo, vô vị kéo dài đã mấy nghìn năm. Đã mấy nghìn năm, họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ỉ, khổ nhiều, bao giờ cũng thăm-đạm như buổi chiều đông này, không hề khao-khát một cảnh đời sáng-sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

Chiều hôm ấy, Dũng như cảm thấy tâm-hồn của đất nước, mà biểu hiệu cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa danh-nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau-khổ của đám thường dân.

Quanh năm xuôi ngược, dừng chân lại ít ngày ở đồn điền một người bạn thân, ngồi nhàn-nhã uống cốc rượu tiễn năm trong một tòa nhà gạch sang trọng, Dũng vẫn thấy mình là một người dân và càng cảm thấy cái thú man-mác được hòa với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thú hòa-hợp ấy có lẫn chút rạo-rực, nao-nức : vì chưa được thỏa nguyện về hiện tình của dân quê, nên còn khao-khát, mà sự khao-khát không diễn được nên lời ấy, nó bắt Dũng tin ở sự thay đổi, tin ở công việc Dũng làm trong bấy lâu và có lẽ còn làm mãi mãi, chưa biết bao giờ nghỉ.

Độ nhìn Dũng thương hại cho bạn bấy lâu sống cuộc đời gian-nan, vất-vả; phiêu-bạt khắp bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá, thở dài nói vắn-vơ một câu như đề mong an-ủi bạn :

— Sống không nghĩ-ngợi như bạn dân kia thế mà lại sướng.

Dũng đáp :

— Tôi không nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiến-bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được. Có lẽ họ đã quen vất vả khổ lắm rồi, nên họ không biết khổ nữa hay họ có biết cũng không tỏ ra được... Ta phải diễn ra cho họ và những sự ta mong-ước cho họ, ta phải làm cho họ mong-ước như ta. Tôi vẫn hằng mong - ước dân quê đỡ phải chịu hà-hiếp, ức bách. Ta phải tin rằng sự ao-ước ấy có thể thành sự thực và làm cho dân quê cũng mong một cách tha-thiết như ta.

(Đoạn-Tuyệt — Phần thứ hai — Chương IV).



Tăm-thăm kịch

— Mợ tắt đèn đi !

— Đề tôi đọc nốt đoạn này đã. Cậu cứ quen như ở Ấp. Bây giờ mới hơn tám giờ, ở Hà-Nội ai lại ngủ sớm thế.

Nói vậy song không phải vì Loan muốn đọc sách nên để đèn sáng. Tuy mắt nàng nhìn vào trang giấy, nhưng trí-nàng đề vào những truyện đầu đầu. Thành-thoảng nàng lại vớt con dao díp đề ở đầu bàn và thông-thả đưa dao rọc sách, mắt vẫn nhìn vào vào trang giấy như một người đương xem mê-mải.

Loan thấy Thân nằm bên cạnh chốc-chốc lại vật mình, thở dài. Nàng biết Thân tức-bực lắm, vì Thân chỉ đột nàng tắt đèn đi ngủ là xuống nhà dưới với Tuất, vì từ hôm dọn nhà lên Hà-Nội để chữa lại nhà ở dưới Ấp, Tuất về quê vắng, hôm nay vừa mới lên.

- Sao bảo mẹ tắt đèn, mẹ lại không tắt đèn ?
- Ô hay ! Cậu cứ đi ngủ đi, tôi cần đèn để xem sách.
- Mẹ để đèn tôi không ngủ được.
- Cậu soay mặt vào tường mà ngủ.

Loan hơi lấy làm lạ về câu nói gắt gỏng và lần đầu có ý trịch-thượng của mình đối với chồng. Là vì bị bắt nạt lâu, đến khi muốn chống cự lại thì bao giờ cũng làm quá để tỏ ra rằng mình không thể chịu nhịn được nữa. Loan đã đến cái thời-kỳ ấy. Mới hơn một tuần lễ nay, nàng có cái ý tưởng rằng : hễ người ta còn để bắt nạt thì người ta còn bắt nạt mãi mãi, và muốn cho người ta vạ nê mình, thì không gì hơn là chống cự lại. Loan có ngờ đâu rằng làm như thế, chính là bắt đầu không nhận cái quyền của mẹ chồng, bắt đầu bất phục-tòng cái chế-độ hiện có ở trong gia-đình. Loan đã đến thời kỳ không cần gì nữa, nên nàng không hiểu được có sao bấy lâu nàng đã chịu nhịn được như thế. Nàng vẫn tự hỏi :

- Cái gì bắt ta phải đau-đớn, khổ-nhục mãi mãi ?

Cái cơ hy-sinh để được vừa lòng mẹ trước kia, bây giờ không đủ sức mạnh để điu-dắt nàng nữa. Nàng chỉ nhận thấy bấy lâu nàng đã hèn nhát sống theo tục lệ, mà cái học của nàng đã cho nàng biết được rằng đáng bỏ, đáng phá.

- Tôi bảo mẹ không nghe à ? Phép ở đâu thế ?
- Tôi xin cậu để yên cho tôi xem. Cậu muốn tắt đèn thì ra mà tắt.

Yên lặng một lúc rồi Loan thấy chồng giật lấy quyển sách ở tay nàng vứt mạnh xuống đất. Loan đặt con dao lên:

bàn, cái xuống nhất sách, phất bụi rồi lảng-lặng giờ ra đọc, làm như không xảy ra sự gì cả, Loan thấy Thân ngồi nhóm dõng liền quay lại hỏi :

— Cậu làm gì thế ?

— Mợ không được lão.

— Tôi lão cái gì ?

Thân đập mạnh hai tay xuống chiếu quát :

— Mợ cái à ?

Rồi tiện chân đập mạnh vào lưng Loan làm Loan ngã lộn xuống đất. Nàng vừa lồm ngúp dậy đương vẫn lật tóc thì ở ngoài nhà có tiếng bà Phán :

— Làm cái gì mà huỳnh-huych trong ấy thế. Có dạy vợ thì lúc khác hãy dạy, đề yên cho người ta ngủ.

Loan nói :

— Ai dạy ai ? Động một tí thì dạy. Tôi không cần ai dạy tôi.

Thân cầm cái gối lăm-le ném vào Loan :

— Phất, có thể mới là đồ mất dạy.

Loan đáp :

— Mất dạy là đánh người đàn bà yếu-ớt, hèn-nhát một lũ...

Bà Phán vội quá, đi chân đất vào buồng, nhìn Loan hỏi :

— Mợ nói gì thế ?... Mày nói gì thế, còn kia ?

Loan quay mặt vào trong không đáp. Bà Phán nói tiếp :

— Bà thử đánh mày một cái tát, xem mày còn bảo là hèn-nhát nữa không ?

Loan nói :

Không ai có quyền chửi tôi, không ai có quyền đánh tôi.

— Tao có quyền, mày chửi lại xem nào.

Loan quay lại :

— Tôi không quen chút Chửi người khác tức bản
mình.

Lần đầu bà Phán thấy một câu như vậy ở miệng Loan
nói ra. Bà nhảy chồm lên, hai mắt tròn xoe rồi sấn lại nắm
lấy Loan tát tít-bụi. Con Bình thấy có tiếng động chạy vào xin
hộ Loan :

— Con lạy bà, lạy cậu tha cho mẹ con.

Bà Phán ngừng tay, ngoảnh lại :

— Tha gì. Đánh cho chết !

Rồi bà vừa thở vừa bảo Thân :

— Tao không thèm tát nữa, bản tay. Mày dẫn xác nó
ra cho tao.

Loan vuốt tóc ngừng lên nhìn thẳng vào mặt mẹ chồng :

— Bà cũng là người, tôi cũng là người, không ai
hơn kém ai. Bà đánh tôi, tôi không...

Nói chưa dứt lời, Loan giật mạnh tay ra, đứng lùi lại
sau. Bà Phán ôm lấy ngực rồi nắm vật xuống giường kêu :

— Trời ơi ! nó đánh chết tôi !

Loan nói :

— Bà đừng vu oan.

Rồi thấy Thân chạy, Loan bảo :

— Tôi xin cậu đừng chạm vào người tôi.

Vừa nói hết câu thì một cái đấm mạnh vào ngực làm
Loan chau mày, cái gục đầu vào tường, rồi người nàng bị
đẩy ngã lún xuống đất. Nàng cố sức đứng dậy đi lùi vào góc
giường và cảm thấy phàm-giá mình lúc ấy không bằng phàm-
giá một con vật.

— Mẹ muốn sống thì đứng lại !

Bà Phán đã ngồi dậy, trở tay, mồm nói :

— Đánh chết nó đi cho tôi. Chết đã có tôi chịu tội.

Loan vẫn lùì. Thân hực-hực nhìn quanh, rồi tiện tay cầm ngay lấy cái lọ đồng sẵn lại phía nàng. Loan thấy Thân đã đến gần mình, trong lúc hốt-hoảng liền vớ ngay con dao díp dọc sách để ở bàn định gơ đỡ. Thân, như con hổ dữ đập đổ một cái lọ đồng đập vào Loan. Loan né mình tránh được và trượt chân ngã xuống giường, con dao cầm chắc trong tay. Thân quá đà cũng ngã mạnh vào người Loan. Loan thấy cái cán dao ấn mạnh lên tay nàng và Thân kêu lên một tiếng. Con sen cũng kêu theo :

Giời ơi, cậu giết chết mẹ con rồi !

Loan buông dao, rụt mạnh tay đứng dậy, còn Thân thì nằm ngửa ra, hai tay ôm ngực. Bỗng Loan mở to mắt nhìn một vết đỏ loang trên áo Thân. Nàng sợ hãi đưa tay lên che mồm bỗng dừng lại : mấy ngón tay nàng đầy máu đỏ loè.

Loan đứng sững không nhúc nhích trong lúc bà Phán kêu gọi thất-thanh. Bích, Châu và Tuất ở ngoài chạy vào ngơ ngác, rồi xúm quanh chỗ Thân nằm. Loan vẫn đứng yên mê-mán, bên tay nàng văng-vẳng tiếng nói cuống quýt lẫn với tiếng kêu khóc. Bà Phán đứng lên quay lại nhìn Loan. Loan suốt đời không quên được hai con mắt của bà Phán nhìn nàng lúc đó.

— Con bà mà chết thì mày bỏ xác mày với bà.

Một y-sĩ ở gần đó thấy tiếng kêu chạy lại. Mọi người đều răn ra. Y-sĩ cúi xuống xem-xét một lúc rồi lắc đầu nói :

— Trúng tim... cụ cho ai đi trình cầm và bảo người ở nhà tôi lấy thuốc và bông lạt đây ngay. Cụ cho thuê xe đưa ông vào nhà thương.

Nhưng nghĩ một lát, y-sĩ lắc đầu nói :

— Không kịp.

Loan hiểu ngay, liền chạy vội lại chỗ Thân nằm. Thấy bà Phán kêu rú lên xua tay đuổi, y-sĩ vội nói :

— Không sao, cụ cứ để bà ấy đến.

Vì chàng biết rằng Thân không còn sống được mấy lúc nữa.

Loan ngồi ghé bên giường, nhìn Thân. Thân lúc bấy giờ mặt đã xám ngắt lại, hai con mắt nhìn hết cả tinh-thần.

— Tôi xin lỗi cậu..

Loan ngừng lại, vì nàng vừa thấy Thân trợn ngược mắt và y-sĩ thốt ra một câu bằng tiếng Pháp :

— Thế là hết !

Y-sĩ cái mình, giờ tay vuốt mắt Thân, Loan phải đứng dậy, lùi ra phía sau để nhường chỗ cho bà Phán và Bích cùng Tuất. Thấy cái cảnh chồng nằm chết tự tay mình, với mấy người xúm quanh khóc-lóc thảm-thiết, Loan ngồi gục xuống bàn. Mắt mở to nhìn thẳng ra trước mặt. Nàng lăm-băm :

— Đó, kết-quả của một đời nhẫn-nhục, đau khổ.

Rồi hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống má.

(Đoạn-Tuyệt — Phần thứ ba — Chương I).



Tiếng nói của Trọng-sư

Trọng-sư bắt đầu cái, tiếng nói to lớn làm át cả những tiếng thì-thào trong phòng. Tuy không biết tên ông Trọng-sư nhưng thấy ông còn trẻ và nói mấy câu đầu có vẻ thiển-tha,

Dùng đã vững tâm và mừng cho Loan có người hết lòng -cải hộ và cải bằng một giọng hùng-hồn, cảm-động.

Trạng-sur đem hết lễ ra đề chứng rằng Loan không định tâm giết chồng, chỉ vì Thân muốn đánh Loan và vô ý ngã vào con dao. Ông đọc giấy chứng nhận của thầy thuốc khám-nghiệm rồi kết-luận :

— Loan không giết chồng ! Điều đó là một sự dĩ-nhiên rồi. Giấy chứng-chỉ của đốc-tò, lời khai sự thực của con sen đúng với lời khai của bị cáo-nhân đã tỏ ra một cách rõ-ràng rằng những lời khai khác hẳn nhau của gia nhân người thiệt mạng toàn là những người vu-khống vì thù ghét. Còn như Thị-Loan cầm dao, đó không phải là một cái tội. Cái lọ đồng kìa có thể làm chết người, Thị-Loan có quyền giữ mình, giữ mình bằng cách gì cũng được.

« Tôi vừa nói đến chữ thù ghét, và nếu tôi không lầm thì lúc nãy ông chương-lý cũng nói rằng cả nhà đều ghét Thị-Loan. Nhưng không cái gì tỏ rằng lỗi đó về cả phần Thị-Loan.

« Người ta lại ghét thị, đó không phải là một chứng cớ, rằng thị kieu-hãnh, Thị-Loan là một cô gái có học, nghĩa là một cô gái đã tiến, nhưng tiến không phải một nghĩa với lãng-mạn. Thị-Loan là một gái mới mà đã vui lòng nghe theo lời mẹ, đi lấy một người chồng cò sống trong một gia-đình cò. Tôi nói thế là dựa theo chứng cớ hân-hời ».

Rồi Trạng-sur gơ ra một tờ giấy và nói tiếp :

— Đây là bức thư của Thị-Loan viết cho một người bạn là bà giáo Thảo hiện có mặt tại đây. Tôi xin đọc một câu của Thị-Loan viết trong đó : « Em sẽ sống như mọi người khác, em sẽ cố thuần-thục, lấy gia-đình chồng làm gia-đình mình, coi bố mẹ chồng như bố mẹ đẻ, biết đâu em lại không thấy được hạnh-phúc ở chỗ đó ».

« Đây các ngài nghe rõ chưa ? Thị-Loan muốn yên mà người ta không để thị yên.

« Tôi không muốn nhắc đến người đã thiệt mạng, mà nhất là nhắc đến một cách không hay ho cho người đó, nhưng các ngài hãy nhìn lại Thị-Loan ngồi đây : một người có nhan sắc như Thị-Loan... » Nghe tiếng cười trong phòng, Trọng-sur nhắc lại câu đó :

— Phải tôi cần nhắc đến nhan sắc của Thị-Loan. Thị-Loan có học-thức, có nhan sắc, đương vào độ chạn chứa lòng nguyện ước về một cuộc đời tốt đẹp, thế mà vì hiếu vót cha mẹ đã vui lòng lấy một người chồng dốt nát và bao năm đã cố yên vui vót số phận mình. Và hơn nữa, Thị-Loan, một cô gái mới, vì không có con nên đã lấy vợ lẽ cho chồng để gia-đình nhà chồng có người nối giót ! Một người như thế không phải là một gái non quay cuồng như ông chương-lý đã nói.

« Trong bao nhiêu năm, Thị-Loan đã chịu bao nhiêu điều khổ-sở cay đắng. Tôi chỉ xin nhắc lại việc đưa con trai Thị-Loan chết oan ».

Rồi Trọng-sur kể lại việc bà Phán giao đứa cháu cho thầy cúng ; câu chuyện đó, Tháo đã kể cho ông ta biết một cách rành mạch :

— Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Bà lại còn đổ cho Thị-Loan cái tội giết con ! Đến nay, bà đổ cho Thị-Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân-lý trái mùa và quá-ư nghiêm-nhặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị-Loan và cái luân-lý cồ-hủ kia.

« Nhưng nếu vượt lên trên, và nghĩ rộng ra, không kể đến cá-nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không

phải lỗi ở người nào cả, mà là lỗi ở sự xung đột hiện thời
đương khốc-liệt của hai cái mới, cũ.

« Ta không thể không nhận thấy điều đó. Chính người
Pháp đến đây để đem văn-hóa tây-phương, chính người
Pháp đã dạy họ những lễ lý mới, đủ cho họ những quan-
niệm mới về cuộc đời.

« Ông chương-lý có nói rằng người Pháp đến đây để
giữ lấy nền-tảng dân-bào-hộ, và nền-tảng ấy là gia-đình. Tôi
cũng nhận như thế. Nhưng ta đã hết sức dạy cho họ tiến,
thì phải cho họ tiến lên. Giữ họ lại là một việc thất sách,
mà giữ lại cũng không được nào.

« Xã-hội An-nam bây giờ không như xã-hội An-nam về
thế kỷ thứ 19. Gia-đình bây giờ không thể đề nguyên như
gia-đình về thế-kỷ trước được nữa. Ở các nước Viễn-đông :
Nhật, Tàu, Xiêm, nhất là nước Tàu thủy-tử của nền văn-
hóa Á-đông, cái phạm-vi gia-đình bây giờ cũng không như
trước kia nữa.

« Giữ lấy gia-đình ! Nhưng xin đừng lắm giữ gia-
đình vớt giữ lại nô-lệ. Cái chế-độ nô-lệ bỏ từ lâu, một lần
ta nghĩ đến không khỏi rùng mình ghê sợ ! Ấy thế, mà có
ai ngờ đâu còn cái chế-độ khốn nạn đó trong gia-đình
An-nam.

« Chắc các ngài sẽ sùng sốt cho lời tôi nói là lạ.
Nhưng thử hỏi : bị người ta bỏ tiền ra mua về và bị coi
như thuộc quyền sở-hữu của người ta, như thế không là
nô-lệ thì là gì nữa.

« Bà mẹ chồng Thị-Loan, vì vô tình, vì thói quen lưu
truyền đã dùng đến cái quyền đó cũng như trăm nghìn bà
mẹ chồng khác ở xã-hội An-nam.

« Những người đã được hấp-thụ văn-hóa mới đã được

tiềm-nhiễm những ý tưởng về nhân-đạo, về cái quyền tự-do của cá-nhân, lẽ cố-nhiên là tìm cách thoát ly ra ngoài chế-độ đó. Ý muốn ấy chánh đáng lắm. Nhưng thoát-ly không phải dễ-dàng như ta tưởng. Ngoài những người nhẵn-nại sống trong sự phục lòng như Loan đây, biết bao nhiêu người không chịu nổi cái chế-độ cay-nghiệt ấy đã liều mình quyền-sinh cho thoát nợ ».

“Trạng-sư rút trong cặp ra mấy tập nhật trình cũ có đánh dấu bút chì đỏ và đọc một vài đoạn thí dụ.

— Đó, các ngài coi, chính chúng ta mới là có tội lớn. Cho họ học cái mới mà không tạo ra cho họ một hoàn cảnh hợp với quan-niệm mới của họ.

« Buộc cho Thị-Loan cái tội giết người ư ? Thị-Loan không giết người !

« Buộc cho Thị-Loan cái tội quấy-rối gia-đình ư ? Chính Thị-Loan lại là người tha-thiết muốn được yên sống trong gia-đình.

“Thị-Loan chỉ có mỗi một tội là tội cắp sách đi học để rèn tập tâm-trí thành một người mới, rồi về chung sống với những người cũ. Thị-Loan chỉ có mỗi một tội đó. Nhưng tội ấy, Thị-Loan đã chuộc lại bằng bao nhiêu năm đau khổ.

“Tha cho Thị-Loan tức là các ngài làm một việc công-bằng, tức là tỏ ra rằng cái chế-độ gia-đình vô nhân-đạo kia đã đến ngày tàn và phải nhường chỗ cho một chế-độ gia-đình khác hợp với cái đời mới bây giờ, hợp với quan-niệm của những người có học mới.

“Các ngài tha cho Thị-Loan tức là tha cho một người đã bị buộc tội oan, tha cho một người đau khổ đã bị phí cả một đời thanh-xuân và đã đem thân hy-sinh cho cái xã-hội mới cũ khát-khê này ”.

Tiếng Trọng-sur im bặt. Dứng nhìn thoáng thấy Thảo ngồi cạnh Lâm đương đưa khăn lên thấm nước mắt. Đến lúc ông chánh-án hỏi bị cáo nhân có muốn nói gì thêm không, Loạn lạnh-lùng đứng dậy ra vịn vào vành móng ngựa và thông-thả nói :

— Trọng-sur đã nói thay cho tôi. Những ý-tưởng về môi cú Trọng-sur vừa phân bày rất đúng với tình cảnh bọn chị em gái mới chúng tôi. Tôi tiếc rằng chính tôi là người ở trong cảnh mà không có giọng hùng-hồn để nói cho mọi người cảm thấy rõ những nỗi thống-khổ mà chúng tôi đã phải chịu. Không phải ý tôi cốt để tòa rủ lòng thương riêng đến một mình tôi, vì tôi đã đành cam chịu lấy các thứ hình phạt mà xã-hội bắt tôi phải chịu. Tôi nói cốt để chị em gái mới đến đây nghe, biết rằng nếu các chị muốn được hưởng hạnh-phúc với chồng con, thì điều trước nhất, các chị em phải tìm cách sống một đời riêng, một đời tự-lập, tránh sự chung sống với bố mẹ, họ hàng nhà chồng và nhất là có vượt hẳn ra ngoài quyền của cha mẹ chồng thì mới mong gia-đình được hòa-thuận.



NỬA CHỪNG XUÂN



Một người lão-bộc

Cơm nước xong, dưới ánh lửa mờ ngọn đèn Hoa-kỳ đặt trên ngưỡng cửa, hai người ngồi nói chuyện ở ngoài thềm nhà trên. Mai ngẫm-nghĩ đến công việc rất hệ-trọng đã dự-định nên ngập-ngừng chưa dám nói cùng người lão-bộc, mà Mai kính mến như người trong họ. Con chó già nằm dưới chân Mai, hình như cũng đoán rằng sắp xảy ra sự gì phi-thường, đặt mõm lên bàn chân chủ ra dáng âu-yếm lắm. Thỉnh-thoảng nó lại ngừng đầu lên liếm bàn tay Mai. Trong đêm tối, Mai ngắm cặp mắt sáng của con vật trung thành, tưởng như nó long-lanh giọt lệ thì lấy làm cảm-động vô cùng, cúi xuống thì-thăm, như nói chuyện với một người bạn :

— Chúng ta sắp-sửa phải rời cái nhà này rồi.

Con vật tuy không hiểu lời chủ, nhưng chắc cũng đoán được chủ đương có điều lo nghĩ, nên thông-thả đặt mõm vào lòng chủ để tỏ ý an-ủi. Còn người lão-bộc thì cất giọng run run hỏi Mai :

— Có định rời đi đâu vậy ?

— Tôi sắp bán nhà đấy, ông Hạnh ạ !

Ông lão hốt-hoảng lo sợ :

— Cô bán nhà ?

— Phải, tôi bán. Ông Hạnh ơi, đó cũng là một sự bất-đắc-đĩ. Ông tính ruộng vườn không còn, tiền của cũng không thì lấy gì ăn tiêu mà chả bán nhà ?

— Không được, việc ấy tôi xin can cô. Bán nhà đi thì còn đâu là nơi thờ-lự cụ tú. Tôi theo cụ tú ngày cụ còn giàu có, nhờ cụ mà các cháu nhà tôi đều biết dăm ba chữ. Trước khi cụ mất, cụ nói dối-dăng giao cho tôi trông nom cô và cậu Huy. Việc ấy tôi nhất-định không hề tùy-ý cô được.

— Vậy ông đề tôi chết đói hay sao ?

Người lão-bộc cúi đầu ngẫm-ngĩ rồi nói :

— Thế này này, chẳng cả nhà tôi đi lính khổ đở, tôi được làng cấp cho mấy mẫu ruộng. Vậy có lẽ cũng đủ gạo ăn. Chưa cần phải bán nhà.

Mai cảm-động chảy nước mắt, giọng cười đáp lại :

— Tôi cảm ơn tấm lòng của ông . . .

Nhưng còn việc học của em Huy thì ông nghĩ sao ?

Người lão-bộc gãi đầu suy-ngĩ rồi hỏi :

— Phải có bao nhiêu tiền ?

— Ít ra cũng phải mỗi tháng một chục bạc.

— Thế thì khó lắm nhĩ ?

— Vậy ta phải liệu chứ biết sao. Rồi sau này em Huy làm nên có tiền, ta lại tậu đất, ta lại làm hay ta chuộc lại nhà cũng được.

Ông lão Hạnh không trả lời, hai bàn tay ôm trán : ông ta đương có tưởng-lượng ra ở trong trí tự chất-phác cái cảnh gia-đình tan-tác, cửa nhà cầm bán. Cái nhà này ông tú đã hơn hai chục năm nay, từ ngày chưa có Mai và Huy, ông

ta thuộc từng cái xà, cái rui, từng chỗ gỗ rác, gỗ mọt, từng viên gạch vỡ, từng góc tường sứt, bây giờ ông ta sắp sửa phải rời nó để đi nơi khác, để nhường lại cho người chủ mới họ đem đồng bạc đến mà cướp, mà chôn biết bao những kỷ-niệm của một nhà, biết bao sự vui, sự buồn, sự mừng, sự giận của gần một trăm năm. Cái nhà ấy ông ta ở đã lâu ngày. nên coi như nhà của mình vậy. Nay thấy cô chủ ngỏ lời đem bán đi thì ông ta bỗng có cảm-tưởng bị ức-hiếp, bóc-lột.

— Ông Hạnh !

Lão-bộc ghen-ngào, cất giọng khàn-khàn :

— Cô bảo gì ?

— Ông khóc đấy à ? Ông dở hơi lắm. Can chi mà. Nếu ông linh tâm nghĩ kế giúp tôi thì còn hơn ngồi mà thương tiếc cái nhà này.

Ông lão trách Mai :

— Cô còn trẻ người non dạ lắm ! Cô tính năm nay tôi ngoài sáu mươi tuổi đầu rồi, chả mấy chốc mà xuống lỗ. . . Rồi khi tôi gặp cụ tú ở dưới ấy, tôi biết ăn nói ra sao ?

Mai gắt :

— Thôi, ông đừng ngăn tôi nữa, tôi đã quả-quyết rồi.

— Còn cậu Huy. Việc này phải tùy ở cậu Huy chứ !

— Em Huy cũng bằng lòng rồi. Vậy tôi chỉ nhờ ông có một việc, ông tìm hộ tôi một người mua nhà.

(Trích Chương « Bàn việc nhà » — Phần một).



Hội - kiến

Bà án dăm-dăm ngấm-nghĩa Mai từ đầu đến chân khiến

Mai lo sợ, hai tay nắm chặt lấy lưng tựa ghế. Bà án gập-gù thông-thả nói :

— Tôi nghe nói cô cũng biết chữ nghĩa, cũng học đạo thánh-hiền thì phải ?

Mai biết bà án bắt đầu khai-chiến, quả-quyết ngừng đầu lên đáp lại :

Bà ẵm bà lớn có thể. Thuở nhỏ con có được học chữ nhỏ và khi thấy con còn ngồi dạy học ở nhà quan huyện Đông-Anh, con cũng có theo học với các cô con quan huyện.

Bà án vẫn còn nhớ rành-rọt cái thời-kỳ ở huyện. Bà cũng không quên được nét mặt và dáng-điệu Mai. Nhưng bà không muốn nhớ tới, nên nghe Mai nhắc lại chuyện cũ, bà tìm cách nói lảng ngay :

— Năm nay cô bao nhiêu tuổi ?

— Bà ẵm con hai mươi.

— Cha mẹ cô làm gì !

Nghe bà lục-vấn như bắt một người có tội cung-khai mọi điều, Mai cũng nén lòng tức mà trả lời cho xong xuôi :

— Bà ẵm cha con đậu tú-tài và đã mất rồi. Mẹ con cũng đã qua đời.

Bà án cười :

— Thảo nào !

Hai chữ « thảo nào » đi liền sau một tiếng cười khinh-bĩ làm cho Mai ứa nước mắt. Nhưng bà án sợ Mai không hiểu, lại nói tiếp luôn :

— Con có cha như nhà có nóc. Cô là gái mà lại mồ-côi cha thì tránh sao cho khỏi được sự lăm-lẽ.

Mai tái mặt, cổ tiêng run run đáp lại :

— Bầm cha con cũng mới mất, con vừa đoạn tang. Ý chừng bà lớn cho con là một đứa vô giáo-dục ?

Bà án không trả lời, đăm-đăm nhìn Mai, khiến nàng sợ hãi cúi mặt. Bà hỏi :

— Vậy cô có được cha cô thương yêu không ?

— Bầm bà lớn, cha con thương con lắm.

Vậy chắc cô hiểu tình cha con thế nào thì tình mẹ con cũng thế, có lẽ tình mẹ con còn khăng-khít áu-yếm, thân-mật hơn nhiều.

Mai biết là bà án nói năng gan thép và chỉ cốt bày mưu đưa mình vào tròng, nên yên lặng cúi đầu không dám trả lời hấp-tấp. Thấy Mai đứng im, bà án lại nói :

— Đem chuyện mẹ con tôi ra mà nói với cô, tôi thực lấy làm áy ngại. Vì một là cô không muốn hiểu, hai là cô không đáng nghe. Thằng Lộc nó muốn nói tốt cô đến đâu với tôi, song tôi nhất định cho rằng ở ngoài vòng lễ nghi, vượt hẳn quyền thúc bá thì đâu sao người con gái cũng không thể là một người con gái có đức hạnh được. Bởi vậy đã mấy lần tôi định đến đây nói rõ mọi lẽ cho cô hiểu, mà tôi vẫn ngần ngại không muốn đến.

Mai đưa vạt áo lên lau nước mắt. Bà án mỉm cười :

— Cô đừng vội giận. Thà rằng mất lòng trước thì rồi sẽ được lòng sau, cô ạ. Và tôi đến hôm nay mục-đích chỉ cốt cùng cô nói hết các lẽ phải trái, hết mọi điều gần xa. Vậy cô nên ôn tồn, lĩnh tâm mà nghe tôi thì hơn. Có khước có ích gì ?

Mai lau ráo nước mắt. Lòng phần-uất của nàng đã lên đến cực điểm. Linh-hồn lảng-mạn của nàng đã bắt đầu bằng bột.

— Cô ngồi xuống đây, đứng thế mỏi chân, vì câu chuyện tôi nói với cô còn dài.

Mai lẳng lẳng kéo ghế ngồi :

— Còn xin phép bà lớn.

— Được cô ngồi. Ban nầy tôi hỏi cô có hiểu lòng cha nhất là lòng mẹ thương con đến bậc nào không ? Tình cốt nhục dầu loài cầm thú còn có, huống chi là người... Chả nói thì cô cũng thừa biết rằng Lộc là con một của tôi thì tôi lại càng thương lắm.

Bà cảm động, ngừng lại mở chiếc hộp nhỏ lấy trầu ra ăn rồi tiếp :

— Tôi chỉ có một mình nó là trai... vì thế tôi muốn nó phải là người hoàn-toàn...

Mai mỉm cười, ngắt lời :

— Bầm bà lớn thế nào là người hoàn-toàn ?

Bà án thông thả dẫn từng tiếng, đáp lại :

— Cô không biết thế nào là người hoàn toàn ? Điều thứ nhất là phải trai không trộm cắp, gái không đi thõa.

Bà vừa nói vừa nhìn Mai, nhưng Mai cũng chẳng vừa, rất lễ phép trả lời :

— Bầm bà lớn nếu chỉ cần có thế thì ông tham nhà hẳn là một người hoàn toàn.

Bà án điềm nhiên, làm như không lưu ý đến lời hỗn xược của Mai, nói tiếp luôn :

— Nếu tôi đoán không sai, thì cô kính trọng và yêu mến con tôi lắm.

Mai cố tâm kiên nhẫn, nhưng đến đây thì nàng không thể giữ được nữa, nước lên khóc. Bà án lắc đầu :

— Cô nên theo gương tôi, ôn tồn mà nói chứ khóc có ích gì ?

Mai kề lè :

— Nếu bà lớn hiểu được tấm lòng luyến ái của con, thì bà lớn không nỡ khinh bỉ con. Bầm bà lớn, vì con yêu... anh... vì con yêu ông Lộc mà con đã hy sinh hết cả danh tiết cùng tính mệnh của con. Sau khi thấy con mất đi, con tưởng ở trên đời con chỉ còn yêu có một người là em Huy con, ai ngờ giờ lại run rủi cho con gặp ông Lộc..

Bà án vờ hỏi :

— Vậy ra cô có em nữa đấy ?

— Vâng, em con đang theo học năm thứ tư trường Bảo-hộ. Em con nó coi con không những như một người chị mà thực như một người mẹ. Mà đối với em con, con có thể hy sinh tính-mệnh để cho em con được sung-sướng... Bầm bà lớn, bà lớn có cho phép con kể lại đầu đuôi câu chuyện hầu bà lớn nghe không ?

— Được, cô cứ kể.

— Bầm bà lớn, sau khi đi nhà con bị sa-sút, cha con mất đi thì chị em chúng con bơ-ơ không nơi nương tựa. Nhà thì không bán được con thì bị một người cường hào định hà-hiếp, em Huy con thì vì không có tiền giả học-phí sắp bị đuổi. Trong lúc quẩn-bách, con đã toan lấy một ông hàn cụ-phú, không phải là để tìm chỗ nương thân, vì con xin thú-thực, con không hề tưởng tới thân con, nhưng chỉ cốt giữ được lời hứa với cha con lúc lâm-chung : là thay cha nuôi em ăn học thành tài và trở nên người hữu-dụng.

Bà án không muốn để Mai trông thấy mình biểu lộ sự cảm động, liền vội gạt :

— Tôi hiểu cô rồi, nhưng...

— Bầm bà lớn, con xin phép bà lớn được kể hết đầu đuôi câu chuyện. Trong khi con bị quẩn bách như thế thì con gặp anh, xin bà lớn cho phép con gọi anh con là anh, tuy con

chẳng xứng đáng cái hạnh-phúc ấy, trong khi ấy con gặp anh Lộc con. Anh con nhận được con là con gái ông thầy học của các cô. Rồi anh con đem lòng luyện-đi con, cứu giúp con và em con. Chúng con được ngày nay thực là nhờ ở anh con, tâu con ở lại thế nào cũng khó mà cân đối được cái lòng hào-hiệp ấy. Huống anh con chỉ xin con có một điều là lấy anh con, là yêu mến anh con. Một hôm anh con đưa một bà đến, nhận là mẹ, và bà ngỏ lời hỏi con cho anh..

Bà án tức giận mắng :

— Thằng con bất hiếu bất mục đến thế !

— Bầm bà lớn coi đó, nào con có tướt ra ngoài vòng lễ nghi đâu ? Mà nếu, bầm bà lớn, vì anh con, có phát hy-sinh đến lễ nghi nữa, con cũng cam chịu.

Bà án mỉm cười vì bà nghe Mai nhắc đi nhắc lại mãi chữ hy-sinh thì bà đã lưu ý đến chỗ nhược điểm của bên địch rồi. Bà định sẽ xoay hết chiến-lược về phía đó. Nhưng bà còn vờ hỏi :

— Tôi nghe chuyện cô thì hình như cô cũng thâm hiểu lễ nghi, đạo đức của thánh hiền lắm.

— Vâng con hiểu. Nhưng thuở xưa cha con còn dạy con nhiều điều mà cha con cho là hay hơn, và quý hơn cả những điều lễ nghi.

Bà án bĩu môi :

— Hay hơn ! Tôi đây hủ lậu, vẫn tưởng sự quý nhất của ta là lễ nghi, là ngũ luân ngũ thường là tứ đức tam tông của dân bà. Vậy những điều hay của cô đó là những điều gì thế ?

— Bầm bà lớn, là lòng thương người và lòng hy-sinh.

— Có là gì điều đó. Chính là điều nhân của đạo nho.

— Bầm bà lớn, vâng, chính thế, nhưng điều nhân của

đạo nhỏ ta cũng chỉ là điều nhân trong phạm-ôi nhỏ-giác mà thôi.

— Bà án mỉm cười :

— Cô biết rộng lắm. Nhưng có lẽ biết rộng như thế cũng chưa hay ho gì cho cô. Cô thấy ai cô cũng thương thì nguy hiểm cho cô lắm. Tôi chỉ thú thực với cô rằng tôi hủ-lậu, nghĩa là tôi chỉ trọng có : lễ, nghĩa, trí, tin. Thí-dụ như thằng Lộc con tôi, đã hỏi con quan tuần cho nó rồi, đã có đủ các lễ dạm hỏi từ tế thì đâu sao tôi cũng không thể thất tín được, không thể bội ước được.

Mai nghe tái mặt, đứng dậy, ngập ngừng :

— Bà bà lớn... sao anh Lộc... không cho con biết.

Bà án cười :

— Cô còn lạ gì bọn đàn ông đang tuổi chơi bời !

Mai không nói, chỉ ứa hai hàng nước mắt.

Bà án lại bịa thêm :

— Có phải không, cũng có điều tôi theo lễ nghi, cũng có điều tôi không theo. Như cha mẹ thì vẫn bắt ép cho con lấy vợ mình chọn, chứ tôi, tôi vẫn cho Lộc được gặp người vợ tôi định hỏi cho nó, nó cũng bằng lòng, tôi mới hỏi đấy... Thôi, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Bây giờ thế này này. Làm trai lấy năm lấy bảy. Tôi cũng chẳng bắt nó phải bỏ vợ, nhất là cứ như lời-nói thú thực với tôi, cô lại đương thai nghén. Nhưng đến tháng tám này, tôi cưới vợ cho nó, mà nếu bên nhà gái họ biết nó có nhân tình nhân ngật thì ai người ta chịu dễ yên. Vậy cô nghe tôi, tôi sẽ cấp vốn cho cô đi tìm một nơi khác mà ở tạm ít lâu, rồi khi nào nó cưới vợ cả về đấy, tôi sẽ cho phép nó lấy cô về làm lẽ.

Mai cảm tức, cười mũi :

— Bà bà lớn nhà con không có mỏ đi lấy lẽ.

Bà án thở dài :

— Cái đó tùy cô ! Nhưng đến tháng tám này, thế nào tôi cũng cưới vợ cho con tôi. Tôi cam-đoan với cô rằng thế nào tôi cũng cưới được vợ cho con tôi.

— Vâng, cái đó là quyền ở bà lớn.

— Đã cố-nhiên.

Mai toan làm ra mặt lãnh-đạm. Nhưng không thể chống nổi với lòng cảm-xúc, đứng bưng mặt khác. Bà án lẳng lặng ngồi nhìn, cố không tỏ chút động-tâm. Mai lau nước mắt rồi ngộp-ngùng nói :

— Bầm bà lớn... người vợ chưa cưới của anh Lộc con, nếu chẳng lấy anh con thì cũng lấy được người khác. Còn con thì trinh-tiết, tính-mệnh... cả một đời con, đã gửi vào anh con... con không thể lấy ai được nữa. Không phải con sợ mất, sợ thiệt một sự gì cho con, nhưng xa anh Lộc, thì con không thể sống được. Mà con chắc anh con cũng yêu con như con yêu anh con. Vả lại bà lớn đã biết đầu người vợ chưa cưới của anh con yêu anh con, nhất là anh con thì thực không yêu người ta một chút nào, vì nếu anh con yêu người ta thì đã chả yêu con. Vậy nếu bà lớn cho phép chúng con lấy nhau, bà lớn sẽ gáy hạnh-phúc cho ba người : cho anh con, cho con và cho cả con quan tuấn nào đó. Trái lại nếu bà lớn không cho phép con thì không biết ba cái đời ấy sau này ra sao. Nhất là con, không biết sẽ sa vào cái hang sâu vực thẳm nào. Vì con xin thú thực với bà lớn, con không thể nào yêu chồng người khác được. Thà con chết còn hơn đi lấy lẽ. Lương-tâm con không cho con làm những điều vô nhân-đạo như thế.

Bà án ngẫm-ngĩ rồi mỉm cười nói :

— Ông cha ta lấy vợ lẽ là thường chứ. Có hề gì ?

— Bầm bà lớn, nhưng con thì con không thể được. Con yêu ai thì con chỉ muốn người ấy là người yêu hoàn-toàn mà thôi.

— Vậy ra cô yêu Lộc lắm.

— Bầm, hà-tất bà còn phải hỏi.

Bà án cười khanh-khách rồi nói :

— Tôi lấy làm lạ cho cô quá. Cô bảo cô yêu con tôi. Cô lại khoe cô giàu lòng hy-sinh, thế mà cô chỉ nghĩ đến cô, chứ không hề tưởng đến con tôi !

— Bầm bà lớn, sao bà lớn lại bảo con không tưởng đến anh con.

— Nay, cô phải biết. Con đường tương-lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất-chính nay mai. Tôi hỏi con quan tuần tỉnh kia là người có thể-lực cho nó là tôi đã xét kỹ-lưỡng lắm. Quan tuần còn trẻ, bước hogan đồ còn dài, sau này con tôi tất phải nương tựa vào bố vợ mới mong chóng thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự-do kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa mà nó lại mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nổi xấu trong lý-lịch. Đây cô nghĩ mà xem, nếu quả cô yêu con tôi và cô giàu lòng hy-sinh thì chả còn sự hy-sinh nào to bằng, quý bằng, cao thượng bằng sự hy-sinh này. Vì cô sẽ giúp cho tương-lai của người cô yêu.

Mai tức nức lên, đề toan cãi lại. Nhưng không tìm được lời kháng nghị, nên chỉ đứng nức-nở khúc. Mãi sau cùng nàng mới ôn tồn nói :

— Bầm bà lớn, xin bà lớn xét lại cho con được nhờ, con có phải là người bậy-bạ đâu, cha con cũng đồ đạt, nhà con cũng là một nhà đời đời theo nhà nho giáo.

— Đành thế, nhưng người ngoài người ta biết đâu. Thôi tôi hiểu rồi, cô chẳng yêu con tôi đâu. Chẳng qua cô chỉ muốn làm bà lớn đấy thôi. Phải, bà tham rồi ít nữa lại bà huyện... To lắm !

Mai đứng khoanh tay vào ngực mím cười nói :

— Bầm bà lớn còn kém bà án một tý.

Bà án hăm hăm tức giận đập tay xuống bàn :

— A ra con này hỗn thực ! Mày phải biết, bà gọi đội xếp đến lỏng cổ mày đi bây giờ, không khó gì đâu !

Mai lảng-lặng ra gọi anh xe, người nhà bà án :

— Bầm bà lớn, anh xe đó, bà lớn truyền cho gọi đội xếp.

Bà án biết Mai chẳng vừa, khó mà dùng oai quyền được, ngồi thờ nghĩ tìm mưu kế khác. Một lát bà thông-thả đứng dậy bảo Mai :

— Nhiều lời vô-ích. Rồi tôi sẽ bảo thằng Lộc nó tự xử. Thôi chào cô.

Mai hoảng hốt chạy theo, kêu van, kễ lễ :

— Lạy bà lớn, nếu bà lớn không rủ lòng thương con thì xin bà lớn thương đến đứa bé nó nằm trong bụng mẹ nó. Bầm bà lớn, tình mẫu tử... Bà lớn thương anh Lộc con làm sao thì con sẽ thương con của con làm vậy... Bầm bà lớn nó tội tình gì, nó đã làm gì nên tội, mà nó chịu khổ ngay từ lúc ở trong bụng mẹ nó. Nếu bà lớn đuổi con đi, con bơ-vơ lưu-lạc thì không biết số mệnh con sau này sẽ ra sao. Bầm bà lớn, hạt tình mạng ở trong tay bà lớn, xin bà lớn nghĩ lại cho.

Bà án hơi cảm-động, nhưng cố giữ mặt lãnh đạm :

— Về làng mà đẻ !

Mai cười gằn :

— Người ta sẽ bảo con chưa hoạn.

Bà án bấu môi :

— Người ta bảo ! Cần gì người ta bảo ?

Mai đứng phắt dậy, lạnh-lùng đáp :

— Bầm bà lớn, thôi được rồi. Tôi không ngờ ! Thực là tôi không ngờ !... Tôi không ngờ lòng bà lớn lại là sắt đá. Bầm bà lớn, xin mạn phép bà lớn... bà lớn chỉ là một người ích-kỷ. Bà lớn theo nho giáo, mà bà lớn không nhớ câu :

« Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ».

Bà án mỉm cười, khinh bỉ :

— Chữ nghĩa cũng khá đấy ! Hữu tài vô hạnh !

— Thôi bà không cần nhiều lời. Tôi sẽ đi.

Tôi rời cái nhà này ngay hôm nay. Trách nhiệm nặng nề sau này bà chịu lấy.

Bà án ngỡ ngác hỏi :

— Trách nhiệm cái gì ?

Mai mỉm cười lắc đầu :

— Tôi quên, không, chẳng có trách-nhiệm gì hết ! Vì hai mạng hạ tiện này có chết đi nữa, lòng bà lớn chắc cũng không rung động.

Hai giọt nước mắt nhỏ trên gò má răn reo. Bà án thong thả ngồi xuống ghế :

— Cô im ngay !

Ngẫm-ngẫm một lúc, bà nói :

— Trước khi cô đi, cô lại đăng nhà, tôi sẽ giúp cô một số tiền, xứng đáng với sự hy-sinh của cô, với tấm lòng hào-hiệp của cô. Và khi nào cô có cần điều gì cần đến tôi giúp cô cứ lại nhà tôi, bao giờ tôi cũng sẵn lòng giúp cô.

Mai lạnh lùng.

— Cảm ơn bà lớn, nhưng tôi không phải hạng ăn xin.

Bà án chỉ lưu-ý đến một việc là Mai đi, nên lại hỏi như đề nhắc :

— Vậy bao giờ cô đi ?

Mai cười :

— Thưa bà lớn, một lời đã hứa thì bao giờ cũng phải giữ. Tôi nói nội nhật ngày hôm nay thì chắc không phải ngày mai. Bà lớn cứ yên lòng. Trong năm điều nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bà lớn viện ra ban nãy, có hai điều tôi trọng nhất là : nhân và tín. Bà lớn không lo tôi thất tín...

Bà án lộ vẻ vui mừng, kễ lể !

— Cô nên nghĩ đến lão già này tu đời tác chỉ có một trai. Nếu nó say hoa đắm nguyệt mà sinh ra bất hiếu bất mục, thì tôi đến buồn mà khô héo, mà chết mất. Đó là một sự hy-sinh cuối cùng mà tôi xin cô ban riêng cho tôi.

Mai mỉm cười :

— Vâng bà lớn nói rất đúng. Tôi có thể hy-sinh được chứ bà lớn là bà lớn thì khi nào lại phải hy-sinh vì một đứa con gái ti-tiện. Thôi được ! Bây giờ giá bà lớn xin tôi ở lại, tôi cũng không nghe lời kia mà. Biết đâu con bà lớn lại không giống bà lớn ?

Mai ngẫm nghĩ nhớ lại cử-chỉ, ngôn-ngữ của Lộc mấy hôm trước, trong lòng ngờ vực. Bà án đứng dậy ra về :

— Thôi chào cô. Tôi tin cậy ở cô. Chốc nữa lại đăng nhò, thế nào cũng lại đây. Nhà tôi ở phố H... 244.

Mai tiễn bà án ra tới cổng rồi quay vào trong nhà, ngồi phịch xuống ghế, bưng mặt khóc.

(Trích Chương « Hội Kiển » — Phần hai).



Cháu Ấi

Ái chơi ô-tô ở chung quanh nhà. Trí tưởng-tượng của trẻ con rất dễ-dàng mà rất có tài khiến một vật hay một việc trở nên sự thực như ý muốn. Ái chỉ một mình lượn vòng tròn trong miếng đất, mà mắt nó trông thấy biết bao thứ vô thanh. Mồm nó kêu luôn : « Bí bo ! Bí bo ! » là một cái kèn ô-tô rất tốt, hai tay nó khuỳnh ra làm như hết người lái xế lái ô-tô, chân nó giậm xuống đất bành-bạch để bắt chước tiếng bánh xe lăn trên đường lấm. Thình-thoảng nó dừng lại quay ra hỏi một cái thân cây bên hàng gậu :

— Có lên xe không ?

Nó lại trả lời ngay một câu hỏi tưởng-tượng :

— Đây đi Phú-đoan sáu hào... Không được ! Giá nhất định sáu hào, không bớt một xu, không đi thì thôi.

Rồi nó cầm đầu chạy.

— Bác tài ơi, cho tôi lên với.

Ái đứng lại quay cõ nhìn sang hai bên, hỏi :

— Ai gọi xe đây ?

Có tiếng trả lời ở công :

— Tôi !

— Mấy người ?

Sau một dịp cười, bà Án — vì người ấy chính là bà Án, — đáp :

— Có hai người thôi.

— Vào mà đi !

— Nhưng cửa đóng khóa vào sao được ?

— Vậy đứng đợi một tý để em gọi ông Hạnh cho nhé.

Ái lại mồm kêu bí bo, chân giẫm bành-bạch lượn về lối sau. Một lát nó cùng ông Hạnh đi ra. Ông lão bặc nhác

trông thấy bà khách có một người đàn ông vận áo lương theo hầu, thì đoán chắc là quý khách, liền cung kính chấp tay chào :

— Lạy bà ạ. Thưa bà hỏi gì ạ ?

— Không dám. Ông giáo có nhà không, ông ?

— Thưa bà, cậu giáo tôi đi dạy học. Cũng sắp về đây. Vì tàu đã ngược thì cũng đến quá mười tuổi rồi.

Lúc bấy giờ chiếc ô-tô hàng chọi qua cổng.

Ông Hạnh liền trở vào bà án :

— Đây, xe Tuyên đấy ! Gần mười một giờ.

Rồi ông ta vừa mở khóa vừa nói :

— Thưa bà vì cả nhà đi vắng, tôi lại bận dọn cơm ở dưới bếp, nên phải đóng khóa cổng, sợ em Ái ra đường.

Bà Án có vẻ thất vọng, ngo ngác hỏi người lão bộc :

— Vậy cô... vậy bà chị... ông giáo cũng đi vắng à ?

— Thưa bà, cô Mai ?

Bà Án chưa kịp trả lời, ông Hạnh đã tỏ ý buồn rầu và nói luôn :

— Thưa bà, kể thì là bà Tham cơ đấy, nhưng cô tôi không cho gọi là bà Tham, bất cứ phải đọc tên tục ra như thế.

Bà Án làm bộ không hiểu :

— Thế à ? Vậy cô... bà ấy đi vắng ư ?

— Nhưng mời bà cứ vào chơi. Ý chừng bà muốn mua sơn hân thôi. Cô tôi cũng sắp về.

Ông Hạnh đề khách và anh người nhà vào sân rồi lại loan khóa cổng, thì bà Án vội gọi đi :

— Thôi được, ông đề tôi coi cháu cho, chỗ cần phải đóng công.

— Thưa bà chủ dóm... Nhưng mời bà vào chơi trong nhà. Thưa bà, bà hỏi cậu giáo tôi có việc gì thế ? Hay bà đến mua sơn ?

Bà Ân đương ngẫm-ngẫm tìm câu trả lời, thì Ái lượn ở phía sau ra, vẫn còn mồm « bí bo ! bí bo ! ». Thấy bà Ân đứng cười, nó vội kêu :

— Kìa ! Xe ô-tô bóp còi mà không tránh !

Bà Ân cúi xuống toan bế Ái lên, nhưng Ái dụt mạnh tay ra :

— Ô kìa ! Sao lại ôm ô-tô ?

Bà Ân cười :

Ô-tô ngoan quá, tôi hôn cái nào !

Ái vỗ tay cười hét lên :

— Ô-tô lại ô-tô ngoan ! Mà lại hôn ô-tô bao giờ ?

(Trích Chương « Cháu Ái » -- Phần ba).



Bên lò sưởi

Lộc hai tay ôm đầu dấm dấm ngẫm-ngẫm.

Trong lò trên đồng tảo tàn màu trắng xám, mấy mảnh củ cháy dở đã tắt hẳn. Mai lại nói :

— Đây anh coi, ta mới tưởng tới mà cuộc đời tương lai ta muốn cùng nhau gây dựng đã hiện ra khắt-khe, ghè gém biết bao. Huống nữa là ta sống thực trong cuộc đời ấy.

Lộc thở dài cái mặt như sợ không dám nhìn Mai : Những lời lẽ phân trần quá hợp lý của Mai khiến chàng ngờ rằng Mai không còn yêu chàng nữa. Cái giọng bình-lĩnh dễ dàng của Mai, chàng cho là không phải giọng ái-tình. Chàng có hiểu đâu rằng thống khổ trong mấy năm trời đã làm cho Mai trở nên kiên nhẫn và biết phục tùng số mệnh. Chàng có hiểu đâu rằng những lời đo-đốn trước sau của Mai, Mai đã từng bao phen tự thử thăm trong những đêm dài đặng-đặng. Những ý tưởng kia, Mai đã suy đi xét lại hàng nghìn hàng vạn lần thì làm gì nay Mai không diễn-đạt được chu đáo. Mai nhớ những đêm giá rét một mình ngồi bên đồng than hồng sau khi Huy đi ngủ. Nhưng nào Lộc có hiểu tình cảnh một người thiếu phụ xa chồng. Chàng chỉ thấy đêm khuya lạnh lẽo và cảm thấy vì thiếu tình yêu của Mai mà lòng chàng lạnh lẽo hơn tiết trời đông. Tương-lai, chàng tưởng-tượng hình dung ra một con đường vạch giữa bãi cát trắng, mỏng-mảnh tro-trụi và đưa chàng đến một nơi vô định mịt mù. Se sẽ chàng bảo Mai :

— Em lý sự quá !

Mai cười đáp lại :

— Không, em không lý sự đâu. Em chỉ bàn hết điều phải, điều trái với anh mà thôi. Chúng ta không nên sợ lẽ phải, anh ạ. Anh thử nghĩ lại mà xem. Ngày nay mới có hai người chịu đau khổ, là anh và em. Nếu ta đi trốn đi thì ta cũng chẳng bớt khổ, có lẽ ta còn khổ hơn, mà ta làm cho biết bao nhiêu người vì ta bị khổ lây : đặng anh thì cụ Án, vợ anh, con anh, bạn bè anh ; đặng em thì em Huy. Vậy sao ta không vì người khác mà hy-sinh ái-tình cùng hạnh-phúc của ta. Ta hy-sinh hạnh-phúc mà ta một tưởng sẽ được hưởng thì ta càng nên hy-sinh lắm... Em không biết anh nghĩ sao, chứ em, hễ em thấy anh sung-sướng thì em cũng sung-sướng, nhất là từ nay trở đi, vì nay em không còn ngờ

vực bụng anh chút nào nữa. Vậy anh nên vui vẻ mà gánh vác trách-nhiệm của anh, anh làm hết bổn-phận của anh đối với gia-đình và xã-hội. Trong khi ấy, ở một nơi xa-xăm, một người anh yêu và yêu anh sẽ luôn luôn tưởng nhớ tới anh và ngày đêm mong mỏi cho anh được sung-sướng.

Như đã tỏ bày hết các lẽ, Mai chờ câu trả lời của Lộc. Nhưng Lộc không đáp, chỉ dăm-dăm nhìn lò đầy tro tàn mà ngẫm-ngĩ đến những lời Mai vừa nói.

Bỗng Mat rung mình, thấy hai bàn chân tê buốt, nàng bảo Lộc :

— Chắc anh rét lắm.

Lộc chưa kịp trả lời, nàng đứng dậy xuống nhà. Một lát sau, nàng mang lên một ôm củi, rồi lúi-húi nhóm lửa. Lò nóng nên lửa bén rất mau. Chẳng bao lâu củi đã lách lách nổ. Có tiếng gà gáy. Mai hỏi Lộc :

— Anh không buồn ngủ ?

— Không.

— Gà gáy sáng rồi đấy.

Lộc vẫn yên lặng nhìn lò sưởi... Mai dăm-dăm suy-xét. Rồi hình như sực nghĩ ra, nàng bảo Lộc :

— Ô này ! sao ta lần-thần lại cứ quanh-quẩn mãi trong vòng ái-án, trong sự sum-hợp nhi. Ta không yêu nhau ở ngoài sự sum-hợp được ư ?

Trong đầu Lộc bỗng hiện ra hình-ảnh một chàng thanh-niên cứng-cáp quả-quyết theo đuổi việc xã-hội, những việc mà tất phải đem hết nghị-lực và tài trí ra mới làm nổi. Trong khi ấy, một nơi hẻo lánh, một thiếu-phụ yêu chàng đương nhớ tưởng tới chàng, đương mong mỏi ở sự hành-động của chàng đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời.

Rồi Lộc nói :

— Cái ý-tưởng cao-thượng ấy sẽ làm cho anh phấn-khởi. Phải thử-than buồn-bực có ích chi ! Cái đời tẻ ngắt của anh mà anh cho là hết hy-vọng, anh sẽ cam đoan với em rằng vì em nó sẽ thành một đời đầy đủ.

Thấy Lộc mặt đỏ bừng và mắt long lanh, Mai lo lắng :

— Anh không nên nghĩ xa-xôi quá. Anh sung-sướng là em sung-sướng rồi.

Lộc như mê-mạn :

— Nhưng em ạ, sao anh không nghĩ tới xã-hội, đem hết nghị-lực, tài trí ra làm việc cho đời. Rồi thảnh thoảng hưởng một vài giờ thư nhàn mà tưởng nhớ tới em, mà yêu dấu cái hình ảnh dịu-dàng của em, cái linh-hồn cao-thượng của em. Trời ơi ! Anh sung-sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương-lai sáng-sủa của anh rồi. Đời anh từ nay thế nào rồi cũng đời khác hẳn. Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa. Anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác, anh sẽ bỏ cái an nhàn phú quý mà dấn thân vào một cuộc đời gló bụi. Anh đã trông thấy hiện ra trước mắt những sự cay-cực lăm-tham đương đợi anh. Nhưng anh không ngại vì có em...

Lộc ngược mắt nhìn Mai :

— Em sẽ là người an ủi và khuyến khích anh.

Mai mỉm cười.

Trong lò sưởi ngọn lửa đỏ tươi vùn vụt bốc lên. Bụi than vàng lấm lấm như hoa, tiếng củ cháy lách tách teo vui. Hạnh-phúc như bao bọc, như du yếm hai tâm hồn khoáng đạt, đã tiêu thoát ra ngoài vòng tư-tưởng nặng nề, u ám.

Ngoài đường có tiếng người đi chợ sớm.

Mai trông qua khe cửa ra sân trước bảo Lộc .

— *Kìa ! giờ sáng rồi anh ạ.*

Lộc ôn tồn nói :

— *Thôi, anh đi, anh out về mà đi. Chúng ta sẽ xa nhau mỗi người sống riêng một cuộc đời. Đời em, anh chắc sẽ được yên lặng. Còn đời anh, anh nói sắp sửa đời khác hẳn, anh chưa biết rồi nó ra sao. Anh chỉ biết anh sẽ mãi mãi được sung sướng, vì anh tin rằng ngày ngày, tháng tháng lúc nào em cũng âu yếm nghĩ đến anh, nhưng tâm trí hai ta lúc nào cũng gần nhau, thì trọn đời hai ta vẫn gần nhau.*

Tia vòng ánh sáng mặt trời xuyên qua khe cửa, Lộc tưởng tượng ngoài kia cảnh vật đang từng bừng đón chào một ngày quang-đông.

(Trích Chương « Bến lò sưởi » — Phần ba).

— HẾT —



MỤC LỤC

TRANG

ĐỀ MỤC

3 BỐI - CẢNH DỊCH - SỬ

- 15 Nhìn tổng-quát Văn-học chữ Quốc-ngữ.
25 Một số Văn-hữu đồng thời với T.L.V.Đ.
44 Tổng-quát về T. L. V. Đ.

NHẤT - LINH

- 61 *Thân-thể và sự-nghiệp văn-chương.*
65 ĐOẠN-TUYỆT : — Phân tích tác-phẩm.
87 — Phê bình tác-phẩm.
103 ĐÔI BẠN
116 LẠNH - LÙNG.

HOÀNG - ĐẠO

- 121 *Thân-thể và sự-nghiệp văn-chương.*
128 MƯỜI ĐIỀU TÂM-NIỆM.
144 BÙN LẦY NƯỚC ĐONG.
147 CON ĐƯỜNG SÁNG.
148 TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA.

KHÁI - HUNG

- 159 *Thân-thể và sự-nghiệp văn-chương.*
162 HỒN BUỒM MƠ TIỀN.
165 NỬA CHỪNG XUÂN.
183 TRỐNG MÁI.

PHỤ - LỤC

- 201 Đoạn-Tuyệt (*Trích văn*)
220 Nửa chừng xuân (*Trích văn*).
142 Mục lục.

Đính - Chính

Trang	Giòng	In là	Xin đọc là
22	10	là hai nhà thơ	là hai nhà nho
23	13	Nam phong làm bội nhược	làm bạc nhược
28	18	Cơm thầy cơm cô, Lục sĩ	Cơm thầy cơm cô, Lục sĩ
29	8	viết về loài vật : chuột	viết về loài vật o chuột
31	24	Ngư điều vấn đáp	Ngư tiêu vấn đáp
35	3	dáng hấp hiền dụ	dáng dấp hiền dụ
46	cuối	«tĩnh một minh »	« t i n h m i n h »
105	3	suốt đời một ghê sợ	suốt đời mà ghê sợ
116	12	Nàng yêu người giáo sư	Nàng yêu người gia sư
173	24	ích kỷ, bản tính	ích kỷ, bản tính
190	24	cho sung sướng	cho ta sung sướng

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

Đã xuất - bản :

Khảo luận về Đoàn-Trường Tân-Thanh

- | | | |
|---|---|------------------------|
| — | — | Nguyễn-công-Trứ |
| — | — | Cao-bá-Quất |
| — | — | Nguyễn-Khuyến |
| — | — | Trần-Tế-Xương |
| — | — | Tản-Đà |
| — | — | Tự-Lực Văn-Đoàn |